

CÔNG TY TNHH MTV VLXD NGỌC TÂM

**BÁO CÁO  
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

**CỦA DỰ ÁN “VẬN CHUYỂN VÀ TẬN THU PHẦN  
ĐẤT DÔI DƯ SAU CẢI TẠO AO HỒ”**

*Trà Vinh, năm 2023*

CÔNG TY TNHH MTV VLXD NGỌC TÂM

**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**  
**CỦA DỰ ÁN “VẬN CHUYỂN VÀ TẬN THU PHẦN ĐẤT**  
**DÔI DƯ SAU CẢI TẠO AO HỒ”**

**CHỦ DỰ ÁN**



*Nguyễn Thị Thúy Hằng*

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN**

**GIÁM ĐỐC**



*Võ Thị Thúy Loan*

*Trà Vinh, năm 2023*

## MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT .....	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG .....	iv
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ .....	vi
MỞ ĐẦU.....	1
1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN.....	1
<b>1.1. Thông tin về dự án .....</b>	<b>1</b>
<b>1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư (đối với dự án phải có quyết định chủ trương đầu tư), báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương.....</b>	<b>1</b>
<b>1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan .....</b>	<b>2</b>
<b>1.4. Mối quan hệ của dự án với khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp .....</b>	<b>2</b>
2. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ KỸ THUẬT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (ĐTM) .....	2
<b>2.1. Các văn bản pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM .....</b>	<b>2</b>
<b>2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án .....</b>	<b>3</b>
<b>2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường .....</b>	<b>4</b>
3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.....	4
4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG .....	7
5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM .....	9
<b>5.1 . Thông tin về dự án .....</b>	<b>9</b>
<b>5.2 Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường.....</b>	<b>10</b>
<b>5.3 Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo giai đoạn của dự án.....</b>	<b>10</b>
<b>5.4 Các công trình bảo vệ môi trường của dự án .....</b>	<b>12</b>
<b>5.5 Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án .....</b>	<b>15</b>
CHƯƠNG 1: THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN .....	16
1.1. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN.....	16
<b>1.1.1. Tên dự án.....</b>	<b>16</b>

<b>1.1.2. Chủ dự án, nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án</b> .....	16
<b>1.1.3. Vị trí địa lý</b> .....	16
<b>1.1.4. Mục tiêu, quy mô, công suất, công nghệ và loại hình dự án</b> .....	20
1.2. CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CỦA DỰ ÁN.....	22
<b>CHƯƠNG 2: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN</b> .....	29
2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI.....	29
<b>2.1.1. Điều kiện tự nhiên</b> .....	29
<b>2.1.2. Điều kiện kinh tế xã hội</b> .....	34
2.2. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT KHU VỰC DỰ ÁN.....	38
<b>2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường</b> .....	38
<b>2.2.2. Tài nguyên sinh vật khu vực dự án</b> .....	46
<b>CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG</b> .....	50
3.1. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH.....	50
<b>3.1.1. Đánh giá tác động của dự án</b> .....	54
<b>3.1.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện</b> .....	69
3.2. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	74
3.3. NHẬN XÉT VỀ MỨC ĐỘ CHI TIẾT, ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO.....	76
<b>CHƯƠNG 4: PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG</b> .....	77
4.1. XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.....	77
4.2. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG ....	<b>ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.</b>
<b>CHƯƠNG 5: CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG</b> .....	82
5.1. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG CỦA CHỦ DỰ ÁN.....	82
- Đối với hoạt động đào bốt dỡ khối lượng đất phải thực hiện đúng theo thiết kế. .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
- Phân công nhân viên kiểm tra, giám sát bờ ao, vùng khu vực dự án và lân cận để có giải pháp xử lý kịp thời khi phát sinh sự cố.	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
5.2. CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CỦA CHỦ DỰ ÁN.....	88
<b>CHƯƠNG 6: KẾT QUẢ THAM VẤN</b> .....	89
<b>KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT</b> .....	93
1. KẾT LUẬN.....	93
2. CAM KẾT THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	93
3. KIẾN NGHỊ.....	95



## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BOD <sub>5</sub>	Nhu cầu oxy sinh hóa 5 ngày
BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên và môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
BXD	Bộ xây dựng
CH <sub>4</sub>	Khí mêtan
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CO	Cacbon monoxit
CTNH	Chất thải nguy hại
CTV	Cộng tác viên
DO	Nồng độ oxy hòa tan
GPMB	Giải phóng mặt bằng
H <sub>2</sub> S	Hyđro sunfua
NĐ-CP	Nghị định chính phủ
NH <sub>3</sub>	Khí amoniac
NO <sub>2</sub>	Nitơ đioxit
pH	Chỉ số đo hoạt động của ion hydro
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
QĐ	Quyết định
SO <sub>2</sub>	Lưu huỳnh đioxit
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXD	Tiêu chuẩn xây dựng
TN&MT	Tài nguyên và môi trường
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
TT	Thông tư
UBND	Ủy ban nhân dân

**DANH MỤC CÁC BẢNG**

Bảng 1.1: Tọa thửa đất số 576 tờ bản đồ số 17.....	17
Bảng 1.2: Tọa độ bờ số 2 thửa đất số 49 tờ bản đồ số 2.....	18
Bảng 1.3: Quy mô của dự án.....	21
Bảng 1.4: Các hạng mục công việc của dự án.....	22
Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu cho thiết bị, phương tiện của dự án.....	23
Bảng 1.6. Nhu cầu cấp nước cho dự án giai đoạn hoạt động.....	23
Bảng 1.7. Tiến độ thực hiện dự án.....	26
Bảng 1.8. Tổng hợp vốn đầu tư thực hiện dự án.....	27
Bảng 1.9: Bố trí lao động của dự án.....	28
Bảng 2.1: Nhiệt độ trung bình tháng.....	31
Bảng 2.2: Số giờ nắng trung bình tháng.....	31
Bảng 2.3: Lượng mưa trung bình tháng.....	32
Bảng 2.4: Độ ẩm không khí trung bình tháng.....	33
Bảng 2.5: Kết quả quan trắc nước mặt tác động huyện Duyên Hải.....	39
Bảng 2.6: Giá trị WQI nước mặt huyện Duyên Hải qua các năm.....	40
Bảng 2.7: Kết quả thử nghiệm nước dưới đất huyện Duyên Hải.....	41
Bảng 2.8: Kết quả thử nghiệm không khí môi trường tác động huyện Duyên Hải.....	42
Bảng 2.9: Kết quả phân tích chất lượng nước mặt.....	44
Bảng 2.10: Chất lượng không khí xung quanh khu vực dự án.....	45
Bảng 2.11: Kết quả phân tích chất lượng đất tại khu vực dự án.....	46
Bảng 3.1. Đối tượng và quy mô tác động trong giai đoạn hoạt động.....	<b>Error!</b>
	<b>Bookmark not defined.</b>
Bảng 3.2. Tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt.....	55
Bảng 3.3. Nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt chưa xử lý.....	55
Bảng 3.4. Bảng tổng hợp nhiều liệu tiêu hao của máy móc thi công.....	59
Bảng 3.5. Tải lượng và nồng độ ô nhiễm khí thải của các thiết bị thi công.....	59
Bảng 3.6: Tải lượng ô nhiễm của phương tiện vận chuyển.....	60
Bảng 3.7: Thông số kỹ thuật cơ bản dự án.....	58
Bảng 3.8: Khối lượng bụi phát sinh của khu vực dự án.....	58
Bảng 3.9: Khối lượng bụi phát sinh của khu vực dự án.....	58
Bảng 3.10. Khối lượng CTNH phát sinh của dự án.....	63
Bảng 3.11. Mức ồn tối đa từ hoạt động của máy cơ giới.....	66
Bảng 3.12. Tác hại của tiếng ồn đối với sức khỏe con người.....	66
Bảng 3.13. Thực hiện các công trình bảo vệ môi trường.....	75
Bảng 3.14: Độ tin cậy của các phương pháp.....	76

Bảng 4. 1. Các đối tượng xung quanh dự án.....	77
Bảng 4.2: Diện tích và khối lượng đất bốc dỡ của dự án... <b>Error! Bookmark not defined.</b>	
Bảng 4.3: Tác động của quá trình thực hiện dự án .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Bảng 5.1. Các công trình xử lý ô nhiễm môi trường .....	82

**DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ**

Hình 1.1. Vị trí dự án trên ảnh vệ tinh Google Earth (thửa đất số 576).....	17
Hình 1.2. Vị trí dự án trên ảnh vệ tinh Google Earth (thửa đất số 418).....	18
Hình 1.3. Vị trí dự án trên ảnh vệ tinh.....	19
Hình 1.4. Sơ đồ quy trình công nghệ.....	24
Hình 1.5: Sơ đồ vận chuyển đất từ dự án đến công trình .....	25
Hình 2.1: Diễn biến WQI khu vực huyện Duyên Hải năm 2021 .....	41

## MỞ ĐẦU

### 1. Xuất xứ của dự án

#### 1.1. Thông tin về dự án

Huyện Duyên Hải nằm về phía Nam của tỉnh Trà Vinh, tại bờ Đông của cửa Định An của con sông Hậu, cách thành phố Trà Vinh khoảng 45 km về hướng Đông Nam. Huyện có đường bờ biển dài khoảng 25 km, có tuyến quốc lộ Quốc lộ 53 nối liền Khu kinh tế Định An, Trung tâm Điện lực Duyên Hải. Địa giới hành chính của huyện bao gồm 06 xã và 01 thị trấn, diện tích đất tự nhiên của huyện là 30.540,45 ha. Vị trí địa lý: phía Đông giáp thị xã Duyên Hải; phía Tây giáp với huyện Trà Cú và tỉnh Sóc Trăng; phía Nam giáp với Biển Đông; phía Bắc giáp huyện Cầu Ngang và huyện Trà Cú.

Hiện nay, nhu cầu đầu tư xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng về thủy lợi, giao thông, kết nối giao thông nội vùng với hệ thống giao thông hiện có để tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đang diễn mạnh mẽ. Vì vậy việc tận thu khối lượng đất dôi dư ra sau cải tạo ao, vuông nuôi tôm để phục vụ việc san lấp mặt bằng là phù hợp và đáp ứng nhu cầu của huyện và người dân địa phương.

Chính vì thế dự án “Vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ” tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh của Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm là cần thiết nhằm tận thu đất dôi dư ra sau cải tạo để phục vụ san lấp là phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương và đáp ứng nhu cầu xây dựng của người dân.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Công văn số 1285/TCMT-TĐ ngày 28/4/2020 của Tổng cục Môi trường về việc hướng dẫn thủ tục môi trường các dự án sử dụng vật liệu nạo vét làm vật liệu san lấp thì dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường để trình UBND tỉnh xem xét và phê duyệt.

Loại hình dự án: Đầu tư mới.

#### **1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư (đối với dự án phải có quyết định chủ trương đầu tư), báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương**

Tổ chức phê duyệt phương án khai thác, vận chuyển của dự án “vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ” là UBND tỉnh Trà Vinh.

Tổ chức lập phương án khai thác, vận chuyển của dự án “Vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ” là Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm.

**1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan**

**1.4. Mối quan hệ của dự án với khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp**

Dự án không nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp.

**2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM)**

**2.1. Các văn bản pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM**

*\* Luật, nghị định, thông tư và quyết định*

- Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;
- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;
- Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;
- Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
- Thông tư số 38/2015/TT- BTNMT ngày 30/6/2015 Bộ Tài nguyên và Môi trường về Cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.
- Thông tư số 45/2016/TT- BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và

Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Nghị quyết số 29/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 5/11/2012 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với việc khai thác đất mặt, đất giồng và đất sét dưới dạng cải tạo đất sản xuất nông nghiệp.

- Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bảng giá đất 05 năm (2020 – 2024).

- Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh về quy định giá tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên thiên nhiên năm 2021 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Công văn số 2708/QĐ-UBND của UBND tỉnh Trà Vinh ngày 30/12/2019 về việc phê duyệt phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Công văn số 48/STNMT ngày 25/01/2008 của Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc thủ tục khai thác khoáng sản.

**\* Các quy chuẩn môi trường và các tiêu chuẩn khác**

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- QCVN 03-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất;

- QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng

- TCVN 2622:1995: Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế;

**2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án**

- Công văn số 01- BQL - TĐ của UBND xã Đông Hải về việc cải tạo ao hồ tại thửa đất số 576 của bà Nguyễn Như Tiên.

- Công văn số 02 BQL-TĐ ngày 13/01/2023 của UBND xã Đông Hải về việc cải tạo ao hồ tại thửa đất số 418 của ông Nguyễn Bé Hai.

- Công văn số 519/UBND-KT ngày 26/4/2023 của UBND huyện Duyên Hải về việc trả lời đơn xin cải tạo ao hồ của ông Nguyễn Bé Hai, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Công văn số 520/UBND-KT ngày 26/4/2023 của UBND huyện Duyên Hải về việc trả lời đơn xin cải tạo ao hồ của bà Nguyễn Như Tiên, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Hợp đồng kinh tế số 01/2023/HĐKT ngày 03/01/2023 về việc cải tạo đất ao, hồ và tận thu đất dôi dư sau cải tạo giữa Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm và Bà Nguyễn Như Tiên.

- Hợp đồng kinh tế số 02/2023/HĐKT ngày 03/01/2023 về việc cải tạo đất ao, hồ và tận thu đất dôi dư sau cải tạo giữa Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm và Ông Nguyễn Bé Hai.

### **2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường**

- Phương án khai thác và vận chuyển của dự án “Vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ”.

- Các bản vẽ kỹ thuật của dự án,...

### **3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường**

Trong quá trình thực hiện lập báo cáo ĐTM của dự án thì chủ dự án đã phối hợp cùng với đơn vị tư vấn để tiến hành lập và hoàn thiện báo cáo theo đúng quy định của pháp luật và trình cơ quan thẩm định, phê duyệt. Trách nhiệm của từng đơn vị trong thực hiện ĐTM của dự án như sau:

#### **❖ Trách nhiệm của chủ dự án:**

- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, pháp lý và giải pháp thi công bóc dỡ và vận chuyển khối lượng đất dôi dư ra để san lấp.

- Trao đổi thông tin với đơn vị tư vấn nhằm dự báo, đánh giá được các yếu tố môi trường phát sinh.

- Kiểm tra, phê duyệt nội dung báo cáo ĐTM trước khi nộp hội đồng thẩm định.

- Phối hợp với đơn vị tư vấn trong quá trình tham vấn cộng đồng kiểm duyệt nội dung và chỉnh sửa sau phiên họp thẩm định.

#### **❖ Trách nhiệm của đơn vị tư vấn**

- Thu thập, chính xác, đầy đủ thông tin của dự án từ phía chủ dự án và khảo sát thực tế hiện trạng của dự án.

- Phối hợp với đơn vị phân tích có chức năng để thu mẫu môi trường nền tại khu vực dự án.

- Tiến hành thu thập tổng hợp các thông tin khác có liên quan đến dự án từ cơ quan quản lý.

- Phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư trong quá trình tham vấn cộng đồng, họp và chỉnh sửa dự án.

- Đề xuất đến chủ dự án đầu tư các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

- Hoàn thiện nội dung báo cáo sau khi có biên bản phiên họp thẩm định từ hội đồng thẩm định và cơ quan chuyên môn.

♦ **Chủ dự án:**

- Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm

- Địa chỉ: ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Người đại diện: Nguyễn Thị Thúy Hằng; Chức vụ: Giám đốc.

- Điện thoại: 0901039690.

♦ **Đơn vị tư vấn:** Công ty TNHH Kỹ thuật Môi trường CDM Sóc Trăng.

- Địa chỉ: số 174/114 đường 40/3 K.2, P.3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Người đại diện: Võ Thị Thúy Loan - Chức vụ: Giám đốc.

- Điện thoại: 0937867847.

**Danh sách những người trực tiếp tham gia lập báo cáo**

TT	Thành viên	Học vị	Chuyên ngành	Chức vụ	Nội dung thực hiện	Chữ ký
<b>A. Chủ dự án</b>						
1	Nguyễn Thị Thúy Hằng	-	-	Giám đốc	Quản lý - Điều hành	
<b>B. Đơn vị tư vấn</b>						
1	Võ Thị Thúy Loan	Kỹ sư	Kỹ thuật môi trường	Giám đốc	Quản lý - Điều hành	
2	Trần Văn Nam	Kỹ sư	Khoa học môi trường	Cán bộ kỹ thuật	Thu thập thông tin và khảo sát địa hình; thực hiện Chương 5 dự án	
3	Nguyễn Huy Hoàng	Thạc sỹ	Kỹ thuật môi trường	Cán bộ kỹ thuật	Đánh giá hiện trạng môi trường dự án và thực hiện Chương 3,4,6	
4	Trần Thị Kim Thoa	Kỹ sư	Quản lý môi trường	Cán bộ kỹ thuật	Thu thập thông tin và khảo sát địa hình; thực hiện Chương 1,2 dự án	
5	Nguyễn Minh Thuận	Kỹ sư	KT Công trình xây dựng	Cán bộ kỹ thuật	Thu thập đánh giá điều kiện tự nhiên và thực hiện tham vấn cộng đồng	
6	Nguyễn Thị Thúy Oanh	Thạc sỹ	Khoa học môi trường	Nhân viên dự án	Viết báo cáo tổng hợp	

#### 4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án được xây dựng dựa trên các phương pháp sau:

TT	Tên phương pháp	Mục đích sử dụng
<b>I. Các phương pháp ĐTM</b>		
1	Phương pháp khảo sát thực địa	- Khảo sát hiện trường để xác định hiện trạng khu đất thực hiện dự án, các đối tượng lân cận có liên quan, khảo sát để chọn lựa vị trí lấy mẫu, khảo sát hiện trạng cấp nước, thoát nước, cấp điện,... Các kết quả khảo sát này được sử dụng để đánh giá điều kiện tự nhiên của khu vực dự án.
2	Phương pháp lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm	- Khảo sát, quan trắc, lấy mẫu tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm theo các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam về môi trường nhằm xác định các thông số về hiện trạng chất lượng môi trường không khí, nước mặt, sinh thái tại khu vực thực hiện Dự án. - Phương pháp này được sử dụng trong Chương 2 của báo cáo.
3	Phương pháp ma trận (matrix)	- Được sử dụng để đối chiếu từng hoạt động của Dự án với từng thông số hoặc thành phần môi trường để đánh giá mối quan hệ nguyên nhân, hậu quả. - Liệt kê danh sách các tác động giảm thiểu và biện pháp giảm thiểu tương ứng, dựa trên ý kiến của các chuyên gia, các vấn đề về môi trường và các vấn đề phát sinh trong quá trình thi công tại các Dự án, từ đó dự đoán đánh giá mức độ của mỗi tác động đến môi trường Dự án. - Phương pháp này được sử dụng trong Chương 3, Chương 4 của báo cáo.

TT	Tên phương pháp	Mục đích sử dụng
4	Phương pháp thống kê	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Được sử dụng để thu thập các số liệu về khí tượng thủy văn, kinh tế xã hội và môi trường tại khu vực Dự án. Các số liệu này sẽ là cơ sở để đánh giá lan truyền ô nhiễm, đánh giá đối tượng chịu ảnh hưởng bởi hoạt động của Dự án.</li> <li>- Phương pháp này được sử dụng trong Chương 2 của báo cáo.</li> </ul>
5	Phương pháp đánh giá nhanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng đơn vị tải lượng chất ô nhiễm để xác định tải lượng chất ô nhiễm cho toàn bộ Dự án từ đó đánh giá mức độ tác động của Dự án tới môi trường.</li> <li>- Phương pháp này được coi là phương pháp đánh giá nhanh kết quả qua phân tích đơn vị tải lượng chất ô nhiễm đặc trưng cho từng Dự án, đặc biệt cho từng loại hình sản xuất công nghiệp.</li> <li>- Phương pháp này được sử dụng trong Chương 3 của báo cáo.</li> </ul>
6	Phương pháp so sánh với tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ kết quả đo đạc môi trường nền tại khu vực Dự án, so sánh kết quả đó với quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành tương ứng để đánh giá chất lượng môi trường nền.</li> <li>- Dựa trên các số liệu tính toán, dự báo nồng độ ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của Dự án để so sánh đối chiếu với mức cho phép theo các quy chuẩn hiện hành nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm cũng như làm cơ sở để đề xuất biện pháp giảm thiểu, xử lý.</li> <li>- Phương pháp này được sử dụng trong Chương 2, Chương 3 của báo cáo.</li> </ul>
7	Phương pháp sử dụng phần mềm tin học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng phần mềm tin học để phục vụ cho quá trình viết báo cáo đánh giá tác động môi trường</li> </ul>

TT	Tên phương pháp	Mục đích sử dụng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Phần mềm thống kê, tính toán, xử lý số liệu (Microsoft Excel).</li> <li>▪ Phần mềm tạo và xử lý văn bản (Microsoft Word).</li> <li>▪ Phần mềm vẽ kỹ thuật (AutoCAD).</li> </ul> - Phương pháp này được sử dụng trong chương trình 1, 2, 3, 4, 5, 6 và phụ lục của báo cáo.
8	Phương pháp tham vấn cộng đồng	Phương pháp này được sử dụng lấy ý kiến của người dân và UBND xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh khu vực dự án và được áp dụng trong Chương 5 của báo cáo.

## 5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM

### 5.1. Thông tin về dự án

- Thông tin chung:
  - ❖ Tên dự án: Vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ
  - ❖ Chủ dự án: Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm
  - ❖ Địa chỉ công ty: ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.
  - ❖ Địa điểm thực hiện dự án: ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.
- Phạm vi, quy mô, công suất: tổng khối lượng đất dôi dư sau cải tạo ao hồ cần tận thu vận chuyển là 18.000m<sup>3</sup>, trên diện tích 30.000m<sup>2</sup> thuộc 02 thửa đất số 576 và 418 thuộc tờ bản đồ số 17, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, tỉnh Trà Vinh
- Công nghệ: sử dụng kobe bốc dỡ phần đất tận thu sau cải tạo ao hồ đưa lên xe ben hoặc thuyền để vận chuyển đến công trình cần san lấp hoặc bãi tập kết của Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm.
- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án: Bốc dỡ đất và vận chuyển bằng xe ben hoặc bằng thuyền đến điểm tập kết. San gạt đáy ao, cải tạo ao hồ.
- Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: xung quanh dự án là các ao tôm, quá trình bốc dỡ hạn chế tối đa phát sinh nước thải, có chỗ lưu chứa nước thải để không làm ảnh hưởng đến các hoạt động nuôi tôm của người dân.

## **5.2 Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Hoạt động bốc dỡ: phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.
- Hoạt động vận chuyển: Khí thải, tiếng ồn từ các phương tiện vận chuyển, bụi phát tán theo tuyến đường vận chuyển, bùn rơi vãi.
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân: chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt.
- Rủi ro, sự cố: tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố rò rỉ, tràn dầu.

## **5.3 Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo giai đoạn của dự án**

Trong giai đoạn xây dựng dự án, các tác động chính gồm có:

- Hoạt động phát quang: phát sinh lượng sinh khối thực vật (cỏ, cây bụi).
- Hoạt động đắp bờ bao bãi tập kết tạm: phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.
- Sinh hoạt của công nhân: nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

Trong giai đoạn hoạt động, các tác động môi trường chính gồm có:

- Hoạt động bốc dỡ khối lượng đất dôi dư ra: phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường khu vực dự án.

- Hoạt động vận chuyển: phát sinh bụi, khí thải tiếng ồn làm ảnh hưởng đến môi trường không khí theo tuyến vận chuyển, hoạt động sản xuất nông nghiệp, hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn giao thông.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân: làm phát sinh nước thải sinh hoạt, rác sinh hoạt làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường đất, nước, không khí khu vực dự án.

- Yếu tố khí tượng: nước mưa chảy tràn → ảnh hưởng đến chất lượng môi trường nước mặt.

- Sự cố, tai nạn lao động, tai nạn giao thông → ảnh hưởng đến hoạt động giao thông và công nhân, người dân khu vực dự án.

### **Tác động từ nước thải**

- Nước thải sinh hoạt:

Phát sinh 0,896 m<sup>3</sup>/ngày, nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý có nồng độ các chất ô nhiễm khá cao BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, dầu mỡ, Nitơ, Photpho, Amoni, Tổng coliforms hầu hết đều vượt giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

- Nước mưa chảy tràn:

Lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt diện tích của dự án là:

+ Tại thửa đất 418:  $Q_1 = 0,6515 * 456,7 * 20.000/1000 = 5.950 \text{ m}^3/\text{tháng}$

+ Tại thửa đất 576:  $Q_2 = 0,6515 * 456,7 * 10.000/1000 = 2.975 \text{ m}^3/\text{tháng}$

### **Chất thải rắn**

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Khối lượng chất thải rắn phát sinh 5,6 kg/ngày, thành phần chính chủ yếu là chai và bao bì bằng nhựa. Mức độ tác động: do thời gian hoạt động ngắn nên mức độ tác động không đáng kể.

- Chất thải rắn thông thường (đất rơi vãi):

Chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án chủ yếu là phần đất bị dính vào bánh xe ben trong quá trình vận chuyển. Khối lượng ước tính phát sinh từ 100 kg/ngày.

### **Bụi, khí thải:**

Khí thải và bụi phát sinh chủ yếu từ thiết bị, phương tiện vận chuyển, máy móc thi công. Thành phần: các loại khí thải phát sinh chủ yếu là do quá trình sử dụng dầu Diesel (DO) để vận hành các động cơ gồm các loại khí CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, C<sub>x</sub>H<sub>y</sub>, VOC,.....

**Chất thải nguy hại (CTNH):** Phát sinh chủ yếu giai đoạn hoạt động

Khối lượng CTNH phát sinh không thường xuyên, chỉ phát sinh khi tiến hành vệ sinh phương tiện, thay dầu nhớt định kỳ hoặc do rò rỉ từ quá trình cấp nhiên liệu. Ước tính khối lượng phát sinh khoảng 296kg/năm.

### **Các tác động môi trường khác**

- Tiếng ồn

Tiếng ồn phát sinh giai đoạn hoạt động chủ yếu là do hoạt động bốc dỡ khối lượng đất dôi dư ra và vận chuyển san. Do đó giai đoạn này chủ dự án sử dụng phương tiện xe cuốc và xe ben.

- Các sự cố, rủi ro

❖ Tai nạn lao động:

Tai nạn trong quá trình lao động có thể xuất phát từ việc người lao động bất cẩn, thao tác không đúng kỹ thuật hay do thiết bị hư hỏng gây ra tai nạn cho người lao động hoặc do thiếu ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh về nội quy an toàn lao động.

❖ Tai nạn giao thông:

Tai nạn giao thông sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản và tính mạng cũng như gây ra các sự cố môi trường nghiêm trọng. Nguyên nhân thường là do chủ phương tiện không đảm bảo tình trạng kỹ thuật của máy móc, thiết bị hoặc do không tuân thủ các nguyên tắc an toàn giao thông.

❖ Sự cố tràn dầu, rò rỉ dầu, nhớt:

Hoạt động bốc dỡ và vận chuyển khối lượng đất dôi dư của dự án sẽ được thực hiện bởi phương tiện như xe cuốc, xe ben nên trong quá trình hoạt động sử dụng lượng nhiên liệu dầu, nhớt. Do đó, có khả năng xảy ra hiện tượng rò rỉ dầu, nhớt từ phương tiện thi công xuống khu vực dự án.

Ngoài ra, dự án còn sử dụng xà lan để vận chuyển bằng đường thủy, khả năng rò rỉ dầu nhớt cao. Đồng thời khi có sự cố tai nạn giao thông đường thủy dễ xảy ra sự cố tràn dầu.

#### **5.4 Các công trình bảo vệ môi trường của dự án**

##### **Về thu gom và xử lý nước thải nước thải sinh hoạt:**

Chủ dự án sử dụng công nhân là người địa phương nên chỉ làm việc theo ca không có lưu trú tại dự án nên lượng nước thải phát sinh được thu gom và xử lý tại hộ gia đình. Bên cạnh đó, chủ dự án sẽ tuyên truyền nhắc nhở công nhân giữ gìn vệ sinh chung, không phóng uế bừa bãi tại khu vực dự án; sử dụng chung nhà vệ sinh của chủ 02 thửa đất.

##### **Về xử lý bụi, khí thải:**

- Tất cả các thiết bị thi công cơ giới phải được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ theo quy định và đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, không sử dụng các loại máy móc quá cũ, kém chất lượng

- Các thiết bị hoạt động phải sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp (không quá 0,5%S), chủ dự án sử dụng nhiên liệu dầu Diesel có hàm lượng lưu huỳnh 0,25%.

##### **Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý CTNH**

Thu gom và xử lý theo quy định tại của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí 02 thùng chứa bằng nhựa cứng loại 120 lít, 02 thùng chứa bằng nhựa loại 50 lít để lưu chứa CTNH.

- Bố trí khu vực lưu chứa CTNH tại bãi tập kết VLXD của Công ty.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng đã được cấp giấy phép vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại đến vận chuyển và xử lý CTNH theo quy định.

### **Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

- Trang bị 04 thùng rác dung tích 20 lít tại mỗi thửa đất thực hiện dự án bố trí 02 thùng nhằm thu gom rác thải sinh hoạt của công nhân.

- Cuối ngày bố trí nhân công thu gom rác mang bỏ vào thùng rác công cộng.

- Thực hiện đóng phí vệ sinh theo quy định.

### **Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn**

- Thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng động cơ của các thiết bị phương tiện thi công. Sử dụng nhiên liệu dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp, sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ để giảm thiểu ô nhiễm không khí và gây ồn.

- Đối với người lao động trực tiếp trong công trường cần được trang bị bảo hộ lao động để đảm bảo sức khỏe.

### **Giảm thiểu rủi ro**

#### ❖ Tai nạn lao động

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cá nhân cho công nhân

- Các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo trì thường xuyên.

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý

- Các thiết bị, phương tiện phải được kiểm định.

- Tập huấn về an toàn lao động cho nhân viên, xử lý nghiêm các trường hợp không tuân thủ an toàn lao động: không tuân thủ bảo hộ lao động, uống rượu bia trong thời gian làm việc, đùa nghịch,...

#### ❖ Tai nạn giao thông

- Các phương tiện máy móc, thiết bị sử dụng đều được kiểm định về chất lượng, an toàn khi vận hành; Trong suốt thời gian hoạt động, chủ dự án phải thực hiện đúng phương án, biện pháp, thời gian hoạt động đã được phê duyệt, phải đảm bảo an toàn giao thông thông suốt;

- Tuyên truyền, nhắc nhở nhân viên phải tuân thủ đúng quy định về an toàn giao thông đường thủy và đường bộ (phạm vi lưu thông, tốc độ lưu thông, báo hiệu an toàn, ...).

#### ❖ Giảm thiểu sự cố rò rỉ dầu, nhớt:

- Tạm dừng ngay hoạt động của các phương tiện thi công và vận chuyển khối lượng đất bốc dỡ bị rò rỉ dầu nhớt để giảm tình trạng lan tràn ra khu vực xung quanh.

- Thường xuyên kiểm tra; bảo trì, bảo dưỡng và thay thế phụ tùng của phương tiện thi công và vận chuyển.

- Tiến hành phối hợp với chính quyền địa phương đánh giá mức độ thiệt hại về sản xuất của người dân đặc biệt là các hộ dân nuôi thủy sản khu vực và môi trường. Đồng thời thực hiện bồi hoàn thiệt hại (nếu có).

**Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án**

STT	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Khối lượng	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Giai đoạn xây dựng</b>			
1	Nước thải sinh hoạt	Hầm tự hoại 3 ngăn	01 hầm, thể tích 2,64m <sup>3</sup>	áp dụng trong suốt thời gian xây dựng
2	Chất thải rắn sinh hoạt	Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt	04 thùng	
<b>II</b>	<b>Giai đoạn vận hành</b>			
1	Nước thải sinh hoạt	Hầm tự hoại 3 ngăn	01 hầm, thể tích 2,64m <sup>3</sup>	Công trình hiện hữu
2	Chất thải rắn sinh hoạt	Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt	04 thùng	Duy trì sử dụng thùng chứa trang bị trong giai đoạn xây dựng
		Đóng phí thu gom CTRSH	1 năm	áp dụng trong suốt thời gian vận hành dự án
3	Chất thải nguy hại	- Thiết bị lưu chứa - Khu vực lưu chứa	04 thùng	áp dụng trong suốt thời gian vận hành dự án
		Thuê đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý	296 kg	
4	Bụi, khí thải	Bạt che chắn	-	
		Dụng cụ bảo hộ lao động	-	

## **5.5 Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án**

### **Giám sát chất thải rắn**

- Thành phần giám sát: giám sát CTRSH, CTR thông thường (bùn rơi vãi, sinh khối thực vật từ phát quang,...) chất thải nguy hại.
- Vị trí giám sát: Khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển, vị trí tập kết chất thải.
- Nội dung giám sát: khối lượng phát sinh, công tác thu gom, xử lý.
- Tần suất giám sát: hàng ngày.

### **Giám sát môi trường không khí xung quanh dự án**

- Khối lượng mẫu giám sát: 02 mẫu.
- Vị trí giám sát:
  - + K1: Khu vực nhà dân dọc tuyến đường vận chuyển đường bộ.
  - + K2: Khu vực nhà dân gần bãi tập kết tạm tại thửa đất 418.
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi lơ lửng, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub> và CO.
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh:
  - + QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh.
  - + QCVN 06:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

### **Giám sát chất lượng nước mặt**

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại sông Cồn Cù vị trí tiếp giáp thửa đất số 576 (vị trí tiếp nhận vật liệu vận chuyển bằng phương tiện đường thủy).
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, N-NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, P-PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, Sắt tổng, Tổng coliforms.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

### **Giám sát các vấn đề môi trường khác**

- + Vị trí giám sát: toàn bộ bờ bao xung quanh dự án.
- + Tần suất giám sát: hàng ngày.

## **CHƯƠNG 1: THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN**

### **1.1. Thông tin về dự án**

#### **1.1.1. Tên dự án**

Tên dự án: “Vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ”.

#### **1.1.2. Chủ dự án, nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án**

##### ***a. Chủ dự án***

Chủ dự án là Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm

- Địa chỉ: ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.
- Người đại diện: Nguyễn Thị Thúy Hằng; Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 0901039690.

##### ***b. Nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án***

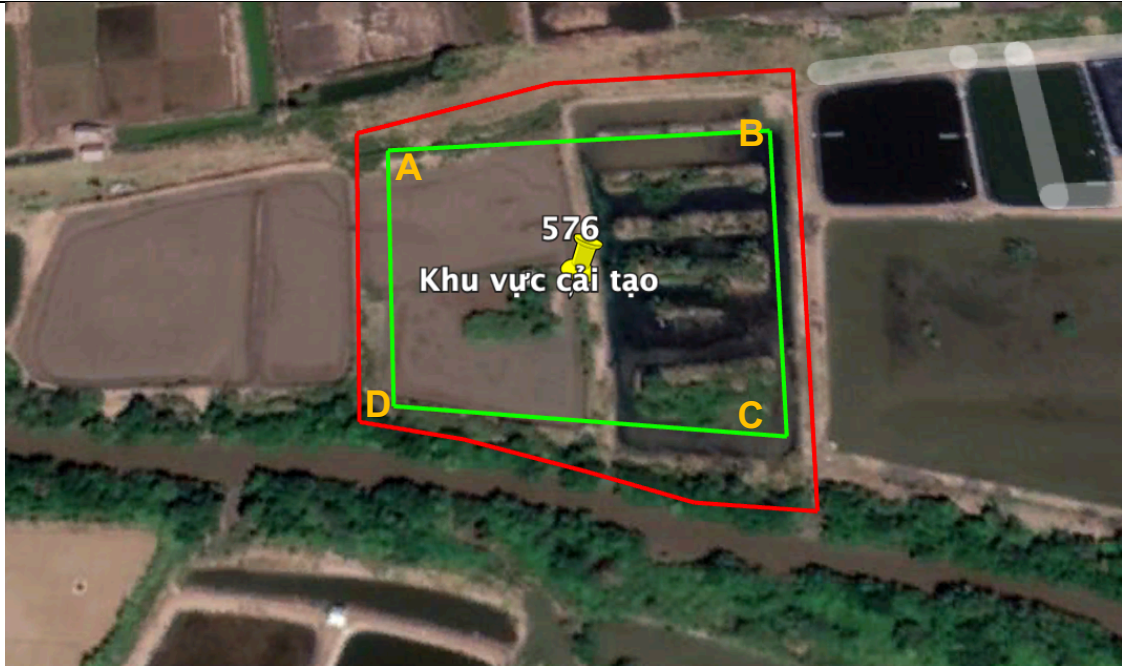
*Nguồn vốn thực hiện dự án:* Tổng mức đầu tư dự án: **1.131.873.600** đồng (Một tỷ, một trăm ba mươi một triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm đồng), sử dụng vốn tự có của Công ty.

*Tiến độ thực hiện:* Thời gian thực hiện là 7 tháng, dự kiến cuối quý II năm 2023 dự án đi vào hoạt động (bốc dỡ khối lượng đất dôi dư ra).

#### **1.1.3. Vị trí địa lý**

Dự án “Vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ” tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh của 2 ao hồ sau cải tạo thuộc thửa đất số 576 tờ bản đồ số 17 của bà Nguyễn Như Tiên và thửa đất số 418 tờ bản đồ số 17 của Ông Nguyễn Bé Hai. Với vị trí như sau:

- ❖ Vị trí ao số 1 tại thửa đất số 576 tờ bản đồ số 17
  - Phía Đông giáp đất nuôi thủy sản;
  - Phía Tây giáp đất nuôi thủy sản;
  - Phía Nam giáp sông Cồn Cù;
  - Phía Bắc giáp đất bờ vuông nuôi thủy sản;



Hình 1.1. Vị trí dự án trên ảnh vệ tinh Google Earth (thửa đất số 576)

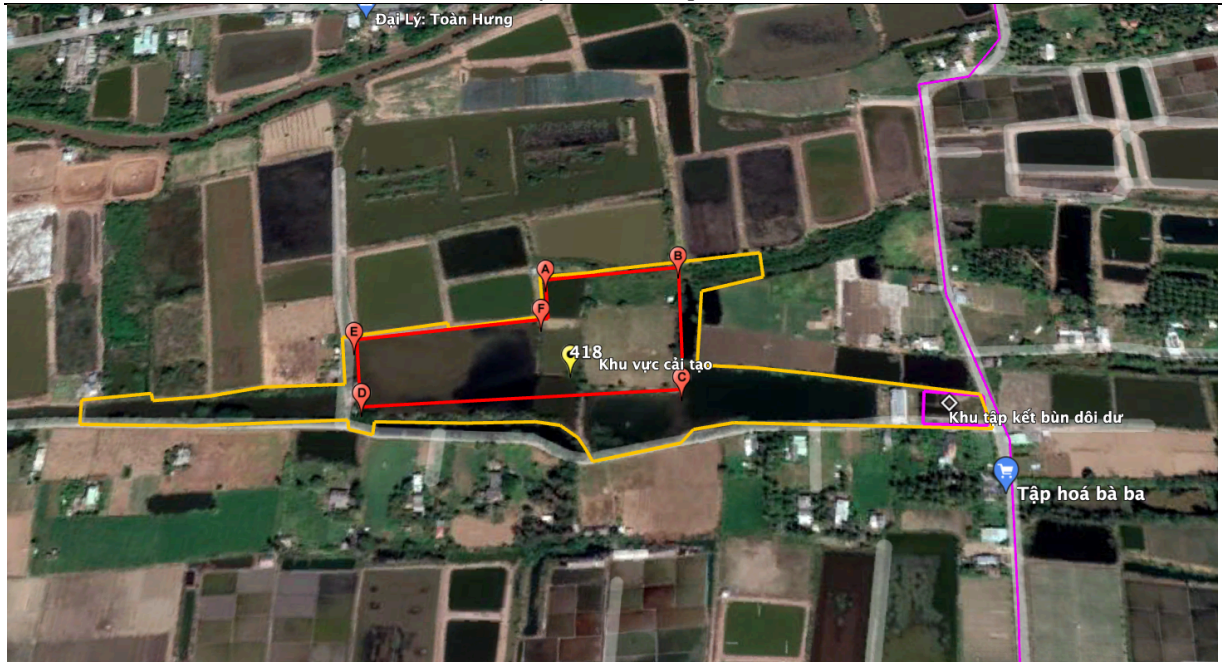
❖ Tọa độ giới hạn của dự án

Bảng 1.1: Tọa độ khu vực cải tạo thửa đất số 576 từ bản đồ số 17

STT	Ký hiệu điểm	X (m)	Y (m)
1	A	1057904,7	607509,8
2	B	1057931,1	607636,2
3	C	1057812,7	607643,1
4	D	1057835,2	607515,3

❖ Vị trí ao số 2 thửa đất số 418 từ bản đồ số 17

- Phía Đông giáp đất nuôi thủy sản;
- Phía Tây giáp đất nuôi thủy sản;
- Phía Nam giáp đường đal nông thôn và đất trồng hoa màu;
- Phía Bắc giáp đất bờ vuông nuôi thủy sản;

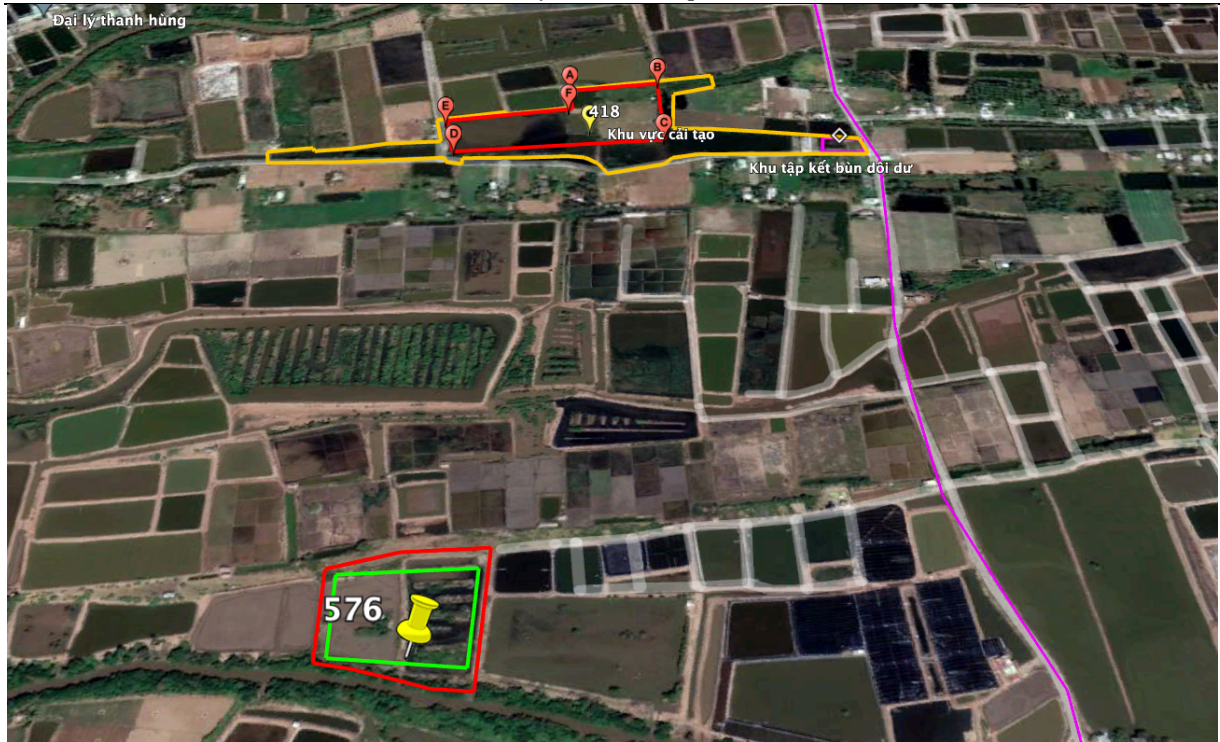


Hình 1.2. Vị trí dự án trên ảnh vệ tinh Google Earth (thửa đất số 418)

❖ Tọa độ vị trí giới hạn của dự án

Bảng 1.2: Tọa độ khu vực cải tạo thửa đất số 418 từ bản đồ số 17

STT	Ký hiệu điểm	X (m)	Y (m)
1	A	1058640,5	607718,6
2	B	1058644,8	607782,1
3	C	1058541,3	607798,6
4	D	1058515,4	607557,5
5	E	1058577,4	607541,4
6	F	1058607,5	607724,4



Hình 1.3. Vị trí dự án trên ảnh vệ tinh

Hiện trạng 02 thửa đất của khu vực dự án là khu đất nuôi trồng thủy sản. Trong quá trình nuôi tôm định kỳ sẽ tiến hành cải tạo đất (sên ao) vét bùn đáy đổ lên bề mặt bờ bao. Hiện nay, do nhu cầu phát triển, chủ đất muốn mở rộng diện tích ao nuôi, tuy nhiên khu vực bờ cao và rộng không thể chứa hết lượng đất dôi dư. Đồng thời, xung quanh khu vực dự án là các ao nuôi tôm công nghiệp, ao tôm quảng canh, đất trồng hoa màu. Nếu lượng đất dôi dư chất đọng cao có thể xảy ra hiện tượng cát bay khi mùa khô, sạt lở khi mùa mưa sẽ làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất xung quanh. Lượng đất dôi dư ra sẽ được 02 hộ chuyển nhượng lại cho Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm tận thu vận chuyển về bãi tập kết của Công ty tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh và bán cho các công trình cần san lấp mặt bằng.

- Ao số 1 (thuộc thửa đất số 576 tờ bản đồ số 17): Vị trí khu vực dự án cách đường nhựa nông thôn khoảng 400 m, diện tích dự án 10.000 m<sup>2</sup>, chiều sâu hiện trạng của bờ đến mặt nước từ 0,8-1,0 m, chiều sâu sau cải tạo -1,5m. Khối lượng đất dôi dư cần vận chuyển khoảng 8.000 m<sup>3</sup>.

- Ao số 2 (thuộc thửa đất số 418 tờ bản đồ số 17): Vị trí dự án cách đường nhựa nông thôn khoảng 200 m, diện tích dự án khoảng 20.000 m<sup>2</sup>, chiều cao hiện trạng của bờ đến đáy ao từ 0,2 – 0,5 m. Sau khi cải tạo, sửa bờ, chiều sâu của bờ so với đáy ao là 1,5 m. Khối lượng đất dôi dư cần vận chuyển khoảng 16.000m<sup>3</sup>.

Các đối tượng tự nhiên: Dự án nằm cách chợ Cồn Cù khoảng 2 km; cách Chùa Giác Chơn khoảng 1 km về hướng Tây Bắc. Cách trạm quan trắc không khí Đông Hải khoảng 1,27 km phía Đông Bắc.

Hoạt động sản xuất của người dân xung quanh khu vực dự án chủ yếu là nuôi tôm theo hình thức quảng canh và bán thâm canh. Loại hình hoạt động của dự án là đào, bốc dỡ khối lượng đất tại bờ ao, vuông nuôi tôm với diện tích là 3.000 m<sup>2</sup> khối lượng bốc dỡ là 24.000 m<sup>3</sup> các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án tương đối ít nên có ảnh hưởng không đáng kể đối với hoạt động sản xuất của người dân.

Hệ thống giao thông trong khu vực dự án đối với đường bộ chủ yếu là Quốc lộ 53B, đường hành lang biển (đường đê) và đường nhựa nông thôn; đối với hệ thống thủy lợi xung quanh khu vực có Luồng Sông Hậu, sông Cồn Cù và mạng lưới kênh rạch phát triển giao thông đường thủy và cung cấp nước và phục vụ nuôi thủy sản của khu vực.

Dự án không nằm trong khu bảo tồn hay vùng đệm của khu bảo tồn thiên nhiên của tỉnh Trà Vinh.

#### **1.1.4. Mục tiêu, quy mô, công suất, công nghệ và loại hình dự án**

##### **a. Mục tiêu**

Trong quá trình nuôi tôm hàng năm khối lượng bùn đáy ao phát sinh rất lớn định kỳ người nuôi tôm phải thực hiện cải tạo vét lượng bùn đáy. Khối lượng bùn đáy sẽ được lưu chứa và gia cố bờ bao của các ao, vuông nuôi tôm, đến thời điểm hiện nay các bờ bao cao và không còn khả năng chứa bùn và khó khăn trong công tác cải tạo vuông nuôi tôm. Do đó, cần phải bốc dỡ khối lượng đất lưu chứa hiện hữu bờ bao để thực hiện cho quá trình lưu chứa bùn đáy ao sau cải tạo ao, vuông nuôi tôm của vụ mùa tiếp theo.

Bên cạnh đó, hiện nay nhu cầu san lấp mặt bằng để xây dựng các công trình giao thông thủy lợi rất lớn do đó, dự án “Vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ” được thực hiện với mục tiêu tận dụng phần đất dôi dư ra trong quá trình cải tạo ao, vuông nuôi tôm dùng để san lấp mặt bằng và đáp ứng nhu cầu về cải tạo vuông nuôi tôm của người dân.

**b. Quy mô, công suất**

Dự án “Vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ” được thực hiện tại 02 thửa đất có diện tích là 65.014 m<sup>2</sup>. Với quy mô và thời gian cụ thể như sau:

❖ Quy mô:

- Diện tích bốc dỡ đất khoảng 30.000 m<sup>2</sup>;
- Chiều sâu đất bốc dỡ là 0,5 m;
- Khối lượng đất bốc dỡ là 24.000 m<sup>3</sup>;
- Diện tích khu vực ao số 1 tại thửa đất số 576 tờ bản đồ số 17: có diện tích 10.000m<sup>2</sup>, chiều sâu bốc dỡ là 0,5 m.
- Diện tích khu vực ao số 2 tại thửa đất số 418 tờ bản đồ số 17: có diện tích 20.000 m<sup>2</sup>, chiều sâu bốc dỡ là 0,5 - 1 m.

*Bảng 1.3: Quy mô của dự án*

STT	Hộ cải tạo vuông nuôi tôm	Số thửa	Bản đồ	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích bốc dỡ (m <sup>2</sup> )	Khối lượng (m <sup>3</sup> )
1	Nguyễn Như Tiên	576	17	18.772	10.000	8.000
2	Nguyễn Bé Hai	418	17	46.242	20.000	16.000
	Tổng			65.014	30.000	24.000

*(Nguồn: Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm, 2023)*

❖ Thời gian thực hiện:

Dự án được thực hiện trong thời gian 7 tháng. Dự kiến bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 6/2023 và kết thúc vào tháng 12/2023.

- Thời gian thực hiện bốc dỡ và vận chuyển khối lượng đất dôi dư của dự án là thực hiện trong ngày sáng 7h – 11h; chiều 13h – 17h.

- Dự án thực hiện trong tháng là 26 ngày/tháng (kể cả ngày thứ 7, chủ nhật và ngày lễ).

- Thời gian bốc dỡ khối lượng đất dôi dư ra là 7 tháng từ tháng 6 đến tháng 12 (số ngày thi công thực tế là 120 ngày).

## 1.2. Các hạng mục công trình của dự án

Dự án “Vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ” chủ yếu thực hiện bóc dỡ lượng đất dôi dư ra. Do đó các hạng mục của dự án chủ yếu khối lượng đất bóc dỡ như sau:

Bảng 1.4: Các hạng mục công việc của dự án

STT	Số thửa	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích bóc dỡ bờ (m <sup>2</sup> )	Khối lượng bóc dỡ (m <sup>3</sup> )
<b>I</b>	<b>Khối lượng đất bóc dỡ</b>	65.014	<b>30.000</b>	<b>24.000</b>
1	576	18.772	10.000	8.000
2	418	46.242	20.000	16.000
<b>II</b>	<b>Công trình xử lý chất thải</b>			
1	Bố trí 02 thùng chứa rác tại khu vực dự án: 1 thùng/mỗi thửa đất			
2	Bố trí 02 thùng đựng chất thải nguy hại tại nơi phát sinh.			

(Nguồn: Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm, 2023)

**- Sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với các quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt:**

Dự án “Vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ” nằm trên địa bàn ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh phù hợp với yêu cầu thực tế của người dân, mục đích sử dụng nguồn đất dôi dư ra từ quá trình cải tạo ao, vuông nuôi tôm để san lấp mặt bằng xây dựng phục vụ hoạt động sinh hoạt của người dân.

## 1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án

### ❖ Nhu cầu sử dụng nhiên liệu của dự án

Nhu cầu nhiên liệu chủ yếu là dầu Diesel cho các phương tiện trong quá trình bóc dỡ đất và vận chuyển đất đến vị trí bãi tập kết vật liệu xây dựng của Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Cụ thể được trình bày như sau:

**Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu cho thiết bị, phương tiện của dự án**

STT	Nguyên – nhiên liệu	Số lượng (hoạt động)	Định mức (lít/ca)	Tổng khối lượng (lít/ca)
1	Xe ben (10 tấn)	4	57	228
2	Máy cuốc (dung tích gàu 0,8 m <sup>3</sup> )	4	65	260
3	Xà lan	1	95	95
	Tổng			583

(Nguồn: Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm, 2023)

**❖ Nhu cầu sử dụng nước:**

Lượng nước cấp cho sinh hoạt là: Nhu cầu sử dụng nước chủ yếu phục vụ cho sinh hoạt của công nhân làm việc tại khu vực dự án tổng số lượng lao động là 14 người. Nước cấp cho sinh hoạt của công nhân, nhân viên: Theo QCVN 01:2021/BXD thì định mức cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt 80 lít/người/ngày. Tổng số lao động tại dự án là 14 người nên lượng nước cấp cho mục đích sinh hoạt tại dự án là 1,12 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (80 lít/ngày.đêm x 14 người = 1,12 m<sup>3</sup>/ngày.đêm).

**Bảng 1.6. Nhu cầu cấp nước cho dự án giai đoạn hoạt động**

TT	Nhu cầu dùng nước	Định mức QCVN 01:2021/BXD	Số lượng	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /ngày.đ)
1	Nước sinh hoạt của nhân viên	80 lít/ngày.đêm	14 người	1,12
	Tổng			1,12

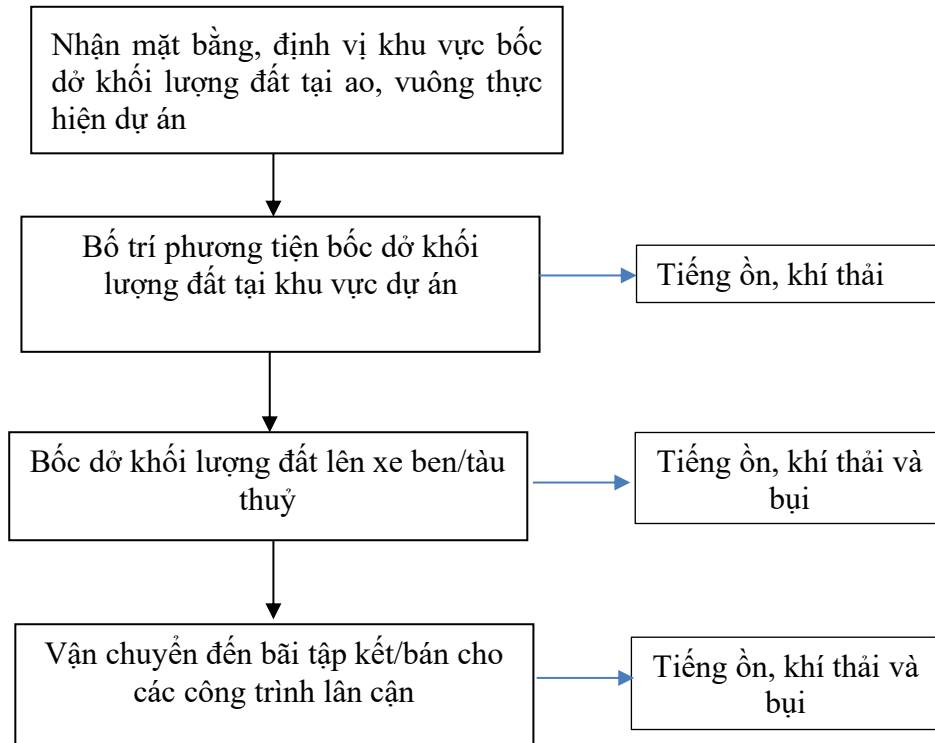
(Nguồn: Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm, 2023)

**❖ Các sản phẩm của dự án**

Dự án là tận thu đất dôi dư ra sau cải tạo để phục vụ việc san lấp công trình. do đó sản phẩm của dự án là 24.000 m<sup>3</sup> đất được đào, bốc dỡ từ 02 thửa đất số 576 và thửa đất số 418 đem về bãi tập kết của Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm hoặc bán cho các công trình cần san lấp mặt bằng xung quanh dự án, đồng thời cải tạo khu đất tạo thành các ao nuôi thủy sản và tạo nơi lưu chứa bùn sau mỗi đợt cải tạo ao nuôi.

#### 1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

Dự án thực hiện bốc dỡ khối lượng đất tại 02 ao nuôi thủy sản, ao số 1 thuộc thửa đất số 576 (tờ bản đồ số 17) và ao số 2 thuộc thửa đất số 418 (tờ bản đồ số 17) để tập kết tại bãi tập kết vật liệu xây dựng của Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm, cải tạo ao nuôi sau bốc dỡ:



Hình 1.4. Sơ đồ quy trình công nghệ

#### ❖ Thuyết minh quy trình công nghệ

Để thực hiện bốc dỡ khối lượng đất dôi dư ra tại các bờ ao, vuông nuôi tôm. Chủ dự án thực hiện theo quy trình như sau:

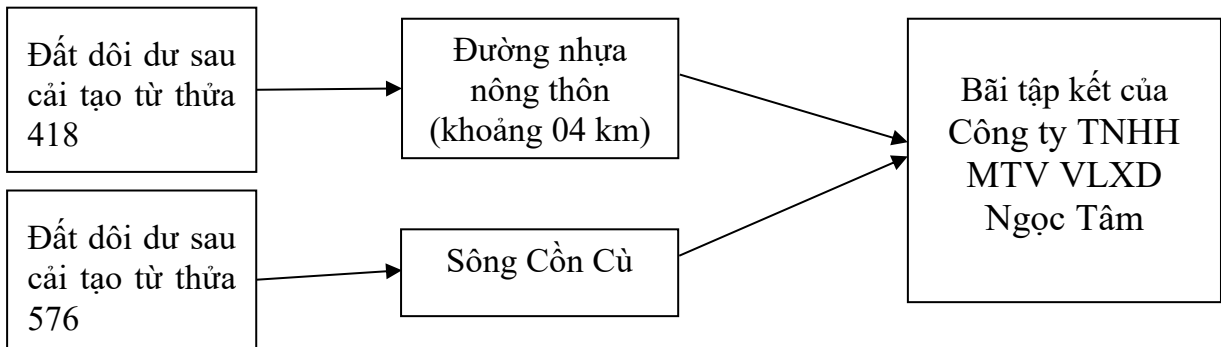
- Chủ dự án được bàn giao mặt bằng tại thửa đất số 576 và thửa đất số 418 sẽ tiến hành định vị và xác định vị trí từng khu vực sẽ bốc dỡ. Sau đó tiến hành bố trí các phương tiện thi công tại mỗi thửa đất gồm 2 xe cuốc (dung tích gàu là 0,8 m<sup>3</sup>). Thửa đất 576 sẽ bố trí xà lan 100 tấn và thửa đất 418 sẽ bố trí 04 xe ben (mỗi xe ben có tải trọng 10 tấn).

- Quá trình bốc dỡ khối lượng đất được thực hiện cùng một lúc tại 02 thửa đất: Xe cuốc sẽ bốc dỡ khối lượng đất tại bờ đắp lên xe ben/xà lan khi xe đầy sẽ vận chuyển san lấp mặt bằng hoặc đưa về bãi tập kết của công ty. Đoạn đường vận chuyển từ khu vực dự án đến các công trình/bãi tập kết trong phạm vi 4 km.

Dự án thực hiện mỗi ngày (kể cả ngày thứ 7, chủ nhật và ngày lễ). Thời gian bốc dỡ và vận chuyển khối lượng đất của dự án thực hiện theo ca sáng từ 7h -11h; chiều 13h – 17h.

❖ **Tuyến đường vận chuyển đất dôi dư từ khu vực dự án đến bãi tập kết**

Khối lượng đất sau bốc dỡ của ao số 1 và ao số 2 của dự án sẽ được vận chuyển trên đường nhựa nông thôn đến công trình/ bãi tập kết của Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm khoảng 4 km.



Hình 1.5: Sơ đồ vận chuyển đất từ dự án đến công trình

### 1.5. Biện pháp tổ chức thi công

Biện pháp tổ chức thi công của dự án vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ gồm các công việc sau:

- Chủ dự án được bàn giao mặt bằng của 02 hộ dân, sẽ tiến hành phát hoang cây tạp và bụi rậm để thuận tiện cho quá trình bốc dỡ khối lượng đất tại dự án. Sau đó sẽ dùng xe cuốc lấy phần đất với chiều sâu khoảng 0,5 m đưa lên xe ben chở đến điểm tập kết. Đối với phần bùn đáy sẽ được gom về khu chứa, chờ khô và bốc dỡ.

- Sau khi bốc dỡ khối lượng đất dôi dư ra theo tính toán, công nhân sẽ sử dụng xe san gạt khu vực dự án hoàn trả cho 02 hộ dân.

- Thời gian thực hiện bốc dỡ và vận chuyển khối lượng đất dôi dư của dự án là thực hiện theo ca, sáng 7h – 11h; chiều 13h – 17h.

❖ **Thi công vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ**

Biện pháp thi công được chủ đầu tư áp dụng là: Kết hợp thi công giữa máy thi công và lao động thủ công.

➤ **Công tác chuẩn bị**

Trước khi triển khai thi công, sẽ thực hiện các công việc sau đây:

- Nhận bàn giao vị trí thửa đất, xác định cao độ mốc thi công, đối chiếu với hồ sơ thiết kế và các mốc cao độ.

- Tổ chức thực hiện các yêu cầu về an toàn lao động, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường,...

➤ **Xác định vị trí thực hiện bốc dỡ khối lượng đất**

Chủ đầu tư chuẩn bị những tài liệu về đo đạc cần thiết để làm căn cứ thi công như: toạ độ các điểm khống chế của diện tích dự án, độ cao bốc dỡ khối lượng đất. Để chuẩn bị công tác này chủ đầu tư có trang thiết bị về máy móc, thiết bị phục vụ cho công việc, việc dẫn cao độ trên toàn tuyến, sẽ lấy từ cao độ 0.0 của mặt bờ ao, vuông tâm làm chuẩn, từ cao độ đó sẽ dẫn trên toàn khu vực bốc dỡ. Mốc ghi cao độ đó sẽ đặt ngoài phạm vi dự án để tránh có sự sai lệch do va chạm trong quá trình thi công. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm bảo quản các mốc toạ độ khống chế trong quá trình thi công.

**1.6. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án**

**a. Tiến độ:**

Dự án vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ được thực hiện trong thời gian 12 tháng bắt đầu tháng 01/2023 và kết thúc vào tháng 12/2023, cụ thể như sau:

*Bảng 1.7. Tiến độ thực hiện dự án*

Hạng mục dự án	Năm 2023											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lập hồ sơ thủ tục về môi trường và các vấn đề có liên quan												
Xác định vị trí bốc dỡ lượng đất dôi dư ra												

Hạng mục dự án	Năm 2023											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Bóc dỡ khối lượng đất dôi dư ra khu vực dự án												

(Nguồn: Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm, 2023)

**b. Nguồn vốn:**

Tổng mức đầu tư dự án: 966.310.560 đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi đồng). Nguồn vốn thực hiện của dự án là vốn tự có của Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm.

Bảng 1.8. Tổng hợp vốn đầu tư thực hiện dự án

(Đơn vị: Đồng)

STT	Nội dung	Đơn giá	Số lượng (m <sup>3</sup> )	Thành tiền
<b>I</b>	<b>Chi phí trực tiếp</b>			<b>1.028.976.000</b>
1	Chi phí cải tạo đất	15.000	24.000	360.000.000
2	Tiền cấp quyền	1.674	24.000	40.176.000
3	Thuế tài nguyên	3.500	24.000	84.000.000
4	Phí bảo vệ môi trường	1.200	24.000	28.800.000
5	Nhân công	20.000	24.000	480.000.000
6	Chi phí khác	36.000.000	-	36.000.000
<b>II</b>	<b>Thuế VAT (10%I)</b>			<b>102.897.600</b>
<b>III</b>	<b>Tổng chi phí</b>			<b>1.131.873.600</b>

(Nguồn: Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm, 2023)

Ghi chú:

- Tiền cấp quyền tính theo Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ về Quy định về phương pháp tính mức thu tiền cấp quyền khai thác;

- Thuế tài nguyên tính theo Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 về việc ban hành biểu thức thuế tài nguyên;

- Phí bảo vệ môi trường tính theo Nghị quyết số 29/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**c. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án**

+ Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm là chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án. Công tác bóc dỡ đất tại 02 thửa đất được tổ chức thành từng ca.

+ Trong quá trình hoạt động, chủ đầu tư trực tiếp chịu trách nhiệm trong quá trình quản lý và điều hành dự án theo đúng quy định của pháp luật.

+ Bố trí lao động: Các nhân viên, công nhân làm việc tại dự án bao gồm:

*Bảng 1.9: Bố trí lao động của dự án*

STT	Chức danh	Số lượng nhân viên
1	Quản lý chung	1
2	Đội cơ giới (công nhân lái xe cuốc)	4
3	Đội cơ giới (công nhân lái xe ben)	4
4	Đội lái tàu	3
5	Giám sát	2
	Tổng	14

*(Nguồn: Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm, 2023)*

## **CHƯƠNG 2:**

### **ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN**

#### **2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội**

##### **2.1.1. Điều kiện tự nhiên**

###### **a. Vị trí địa lý**

Theo Nghị quyết số 934/NQ-UBTVQH13 ngày 15/5/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Trà Cú, huyện Duyên Hải để thành lập thị xã Duyên Hải và 02 phường thuộc thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; sau khi điều chỉnh địa giới hành chính huyện Duyên Hải có vị trí tiếp giáp bao gồm:

- + Phía Đông giáp thị xã Duyên Hải;
- + Phía Tây giáp tỉnh Sóc Trăng;
- + Phía Nam giáp biển Đông;
- + Phía Bắc giáp huyện Trà Cú và huyện Cầu Ngang.

Tổng diện tích tự nhiên của huyện Duyên Hải là 30.047,21 ha, với dân số là 82.393 người. Huyện có 07 đơn vị hành chính cấp xã, gồm thị trấn Long Thành và 06 xã: Đông Hải, Đôn Châu, Đôn Xuân, Long Khánh, Long Vĩnh, Ngũ Lạc.

Trong đó, xã Đông Hải có diện tích tự nhiên là 5.924 ha và dân số là 11.401 người. Xã Đông Hải vị trí tiếp giáp: phía Đông giáp xã Dân Thành (thị xã Duyên Hải); phía Tây giáp xã Long Vĩnh; phía Nam giáp biển Đông; phía Bắc giáp xã Long Khánh.

###### **b. Đặc điểm địa chất**

Tham khảo báo cáo ĐTM của “Khu bến tổng hợp Định An” địa điểm thực hiện xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Địa tầng khu vực có các đặc điểm như sau:

- Lớp 1: Lớp đắp cát chọn lọc lẫn phù sa, sỏi tốt, trạng thái lỏng. Chiều dày lớp là 7,2 m. Cao độ đáy lớp là -2,74 m. Đặc tính của lớp này như sau:

+ Thành phần hạt: thành phần cát 87,8%; thành phần bùn 7,0% và thành phần sét là 5,2%.

+ Trọng lượng riêng 2,66; góc nghỉ khô 35; góc nghỉ ướt 25; Hệ số rỗng lớn nhất 1.140; Hệ số rỗng nhỏ nhất 0,584; Giá trị SPT 3 đến 15.

- Lớp 2: Sét béo (CH) màu xám xanh, rất mềm. Chiều dày lớp là 14,3 m. Cao độ đáy lớp là -20,04 m. Đặc tính của lớp này như sau:

+ Thành phần hạt: thành phần cát 0,6%; thành phần bùn 63,9% và thành phần sét là 35,5%.

+ Dung trọng ướt 1,65; độ ẩm tự nhiên 55,9; trọng lượng riêng 2,69; Hệ số rỗng eo 1,559; giới hạn chảy 63,9; giới hạn dẻo 26,7; chỉ số dẻo 37,2; Chỉ số chảy 0,78; Góc ma sát trong  $5^{\circ}11'$ ; cường độ ứng suất 0,098; Giá trị SPT 1 đến 3.

- Lớp 3: Sét gầy (CL) màu vàng nâu, nâu đỏ, lẫn sỏi, trạng thái cứng đến rất cứng. Chiều dày lớp là 6,7 m. Cao độ đáy lớp là -26,74 m. Đặc tính của lớp này như sau:

+ Thành phần hạt: thành phần sỏi 2,9%; thành phần cát 31,7%; thành phần bùn 37,3% và thành phần sét là 28,8%.

+ Dung trọng ướt 1,89; độ ẩm tự nhiên 28,2; trọng lượng riêng 2,71; Hệ số rỗng eo 0,844; giới hạn chảy 37,1; giới hạn dẻo 18,0; chỉ số dẻo 19,1; Chỉ số chảy 0,53; Góc ma sát trong  $12^{\circ}24'$ ; cường độ ứng suất 0,369; Giá trị SPT 15 đến 23.

- Lớp 4: Cát phù sa/cát sét (SM/SC) màu xám xanh, lẫn đá, trạng thái chặt. Chiều dày lớp là 3,8 m. Cao độ đáy lớp là -30,54 m. Đặc tính của lớp này như sau:

+ Thành phần hạt: thành phần sỏi 6,8%; thành phần cát 63,5%; thành phần bùn 17,4% và thành phần sét là 12,3%.

+ Trọng lượng riêng 2,68; góc nghỉ khô 34; góc nghỉ ước 26; Hệ số rỗng lớn nhất 1.286; Hệ số rỗng nhỏ nhất 0,628; Giá trị SPT 42 đến 50.

- Lớp 5: Sét béo (CH) màu vàng nâu, nâu đỏ, lẫn cát, cứng; lớp không đầy đủ, chiều dày lớp khoan 5,0 m. Đặc tính của lớp này như sau:

+ Thành phần hạt: thành phần cát 0,5%; thành phần bùn 56,6% và thành phần sét là 42,9%.

+ Dung trọng ướt 1,96; độ ẩm tự nhiên 27,2; trọng lượng riêng 2,74; Hệ số rỗng eo 0,777; giới hạn chảy 60,7; giới hạn dẻo 19,2; chỉ số dẻo 41,5; Chỉ số chảy 0,19; Góc ma sát trong  $14^{\circ}16'$ ; cường độ ứng suất 0,454; Giá trị SPT 30 đến 39.

### **c. Điều kiện về khí hậu, khí tượng**

#### **❖ Nhiệt độ không khí:**

Nhiệt độ không khí ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình di chuyển và chuyển hóa các chất ô nhiễm trong khí quyển. Nhiệt độ càng cao thì tốc độ của các phản ứng hóa học trong khí quyển càng lớn và thời gian lưu các chất ô nhiễm trong khí quyển sẽ càng giảm. Nhiệt độ không khí còn ảnh hưởng đến quá trình bốc hơi của các dung môi hữu cơ, các chất gây mùi hôi mà có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động.

**Bảng 2.1: Nhiệt độ trung bình tháng**

Năm Tháng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Đơn vị tính: °C				
Tháng 1	24,6	26,7	26,4	26,6	26,2
Tháng 2	24,6	26,5	26,3	26,5	26,6
Tháng 3	27,0	27,1	27,1	26,8	27,8
Tháng 4	28,7	29,1	28,6	29,3	29,0
Tháng 5	28,8	28,9	28,0	28,6	29,7
Tháng 6	27,3	27,4	27,6	27,9	27,9
Tháng 7	27,7	27,4	26,9	27,6	27,7
Tháng 8	27,5	27,7	27,2	27,1	27,9
Tháng 9	27,3	27,3	27,6	27,3	27,7
Tháng 10	27,1	26,7	27,1	27,9	26,6
Tháng 11	28,0	27,5	27,3	26,9	27,4
Tháng 12	26,9	26,3	25,8	25,7	26,5
<b>Bình quân năm</b>	<b>27,1</b>	<b>27,4</b>	<b>27,1</b>	<b>27,4</b>	<b>27,6</b>

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh năm 2021)

**❖ Số giờ nắng:**

Khu vực tỉnh Trà Vinh có số giờ nắng khá cao. Các tháng có số giờ nắng cao tập trung vào mùa khô, tập trung từ tháng 01 đến tháng 4 hàng năm. Số giờ nắng cao nhất là 295 giờ (tháng 3/2016) và thấp nhất là 109 giờ (vào tháng 8/2016). Thống kê số giờ nắng trung bình các tháng trong năm, từ năm 2016 – 2020 tại khu vực quan trắc Càng Long được thể hiện ở bảng sau:

**Bảng 2.2: Số giờ nắng trung bình tháng**

Năm Tháng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Đơn vị tính: giờ				
Tháng 1	281	197	149	230	280
Tháng 2	232	212	238	266	267
Tháng 3	295	269	270	293	283
Tháng 4	277	246	272	270	266
Tháng 5	205	157	206	212	240

Năm Tháng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Đơn vị tính: giờ				
Tháng 6	174	151	165	163	164
Tháng 7	198	152	170	171	183
Tháng 8	109	184	166	168	176
Tháng 9	163	178	174	158	174
Tháng 10	116	149	229	233	126
Tháng 11	202	176	186	189	201
Tháng 12	111	169	180	225	177
<b>Bình quân năm</b>	<b>2.363</b>	<b>2.239</b>	<b>2.405</b>	<b>2.578</b>	<b>2.537</b>

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh năm 2021)

#### ❖ Chế độ và lượng mưa:

Chế độ và lượng mưa cũng là một nhân tố làm ảnh hưởng đến môi trường, khi mưa rơi xuống đất sẽ mang theo các chất ô nhiễm trong không khí vào môi trường đất, nước. Nếu trong không khí có chứa các chất ô nhiễm như SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub> cao hơn mức cho phép sẽ gây ra hiện tượng mưa axit làm thiệt hại nghiêm trọng đến thực vật, môi trường nước, đất, ảnh hưởng đến đời sống sinh vật và con người.

Về thời gian mưa, có 90% lượng mưa năm tập trung vào mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 11. Càng về phía biển, thời gian mưa càng ngắn dần tức là mùa mưa bắt đầu muộn nhưng kết thúc sớm. Lượng mưa cao nhất vào năm 2016 với lượng mưa 1.987mm, thấp nhất vào năm 2018, với lượng mưa là 1.353mm. Phân bố mưa tại trạm Càng Long như bảng dưới đây:

Bảng 2.3: Lượng mưa trung bình tháng

Năm Tháng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Đơn vị tính: mm				
Tháng 1	9,8	41,5	35,2	9,4	0,8
Tháng 2	0,4	25,5	-	-	-
Tháng 3	-	5,6	-	2,2	-
Tháng 4	-	9,4	2,2	44,4	30,4
Tháng 5	264,0	172,6	68,1	255,6	125,5
Tháng 6	197,7	197,1	231,3	113,7	231,0
Tháng 7	326,1	225,2	152,6	182,2	302,0

Năm Tháng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Đơn vị tính: mm				
Tháng 8	151,9	379,4	192,0	322,8	108,7
Tháng 9	399,1	271,2	327,8	292,0	140,7
Tháng 10	456,7	231,5	222,7	147,3	268,0
Tháng 11	105,4	89,5	26,2	97,9	116,5
Tháng 12	76,3	107,0	94,8	1,3	31,7
<b>Bình quân năm</b>	<b>1.987</b>	<b>1.756</b>	<b>1.353</b>	<b>1.469</b>	<b>1.355</b>

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh năm 2021)

❖ **Độ ẩm không khí:**

Độ ẩm không khí tăng dần trong mùa mưa và giảm dần trong mùa khô. Giá trị lớn nhất của độ ẩm ghi nhận được từ năm 2016-2020 đã đo được là 90% (vào tháng 10/2016 và tháng 10/2020). Độ ẩm thấp nhất đã đo được là 74% (vào tháng 02/2020). Giá trị độ ẩm không khí trung bình quan trắc được tại trạm khí tượng Càng Long (Trà Vinh) như sau:

Bảng 2.4: Độ ẩm không khí trung bình tháng

Năm Tháng	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Đơn vị tính: %				
Tháng 1	81	82	86	75	77
Tháng 2	76	80	82	78	74
Tháng 3	79	79	81	77	77
Tháng 4	78	79	81	77	77
Tháng 5	84	88	86	87	81
Tháng 6	89	84	89	87	88
Tháng 7	88	87	89	85	86
Tháng 8	88	88	88	87	86
Tháng 9	89	86	87	86	84
Tháng 10	90	87	85	82	90
Tháng 11	86	87	85	82	85
Tháng 12	87	84	81	78	84
<b>TB Tháng</b>	<b>85</b>	<b>84</b>	<b>85</b>	<b>82</b>	<b>82</b>

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh năm 2021)

❖ **Lượng bốc hơi, bức xạ mặt trời, gió và hướng gió:**

- Bức xạ mặt trời là yếu tố khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến nhiệt độ, độ bốc hơi và độ ẩm khu vực, mức độ bền vững của khí quyển. Kết quả quan trắc cho thấy bức xạ mặt trời trung bình từ 80-90 Kcal/cm<sup>2</sup>/năm. Tổng lượng bức xạ mặt trời trung bình trong năm đạt 385-448 cal/cm<sup>2</sup>/ngày. Do vị trí địa lý giáp biển và 02 cửa sông lớn, tổng lượng bốc hơi hàng năm trung bình tại Trà Vinh khá cao, bình quân 1.293mm/năm. Vào mùa khô, lượng bốc hơi khá cao, dao động từ 130-150mm/tháng. Nhất là các vùng giồng cát cao và khu vực sát biển gây ra khô hạn cục bộ trên các vùng này.

- Gió có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình phát tán các chất ô nhiễm trong không khí, tốc độ gió càng nhỏ thì mức độ ô nhiễm xung quanh nguồn ô nhiễm càng lớn và ngược lại. Huyện Châu Thành có hai hướng gió chính:

+ Gió mùa Tây Nam: từ tháng 5 đến tháng 10 dương lịch, gió thổi từ biển Tây vào mang nhiều hơi nước gây ra mưa.

+ Gió mùa Đông Bắc hoặc Đông Nam (gió chướng): Thịnh hành nhất từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau, có hướng song song với các cửa sông lớn. Gió chướng là nguyên nhân gây ra hiện tượng nước biển dâng cao và đẩy mặn truyền sâu vào nội đồng.

**d. Điều kiện thủy văn/hải văn:**

Do nằm sát biển nên huyện Duyên Hải chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ triều biển Đông và thông qua sông Nguyễn Văn Pho và kênh Quan Trách Bó chi phối toàn bộ hệ thống sông rạch trên địa bàn huyện. Đây là hệ thống chính qua trung tâm huyện theo hướng Đông - Tây. Ngoài ra còn có mạng lưới sông, rạch phân phối nguồn nước đến sâu trong nội đồng.

- Sông Rạch Cỏ (Long Vĩnh); sông Vĩnh Lợi, sông Phước Thiện, sông Động Cao (Đông Hải).

- Sông La Bang, kênh 3 tháng 2, kênh Thầy Nại (Đôn Châu); sông Láng Sác, sông Khoen, sông Bào Sáu (Đôn Xuân).

- Các sông rạch này sâu và rộng, có chế độ bán nhật triều Biển Đông (nước lên - xuống 2 lần/ngày), biên độ triều khá cao và có lưu lượng chảy mạnh là điều kiện thuận lợi cung cấp nguồn nước mặt cho sản xuất nông nghiệp.

**2.1.2. Điều kiện kinh tế xã hội**

Năm 2022, là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2025 và cũng là năm còn nhiều khó khăn, thách thức trước những diễn biến của dịch COVID-19, thiên tai, dịch bệnh trên đàn vật nuôi, giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao trong khi đó mặt hàng nông sản của người dân làm ra thấp, không ổn định,... Những khó khăn trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến các lĩnh vực, các

hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn, làm cho một số hoạt động bị đình trệ, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức lớn, nhưng cả hệ thống chính trị đã đồng lòng vào cuộc, huy động, quy tụ sức mạnh tổng hợp chung sức vượt qua khó khăn, tích cực tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện.

### **Kết quả đạt được trên một số ngành, lĩnh vực:**

Giá trị sản xuất (theo giá 2010) được 8.226,63 tỷ đồng, đạt 104,80% kế hoạch (so với cùng kỳ tăng 1.371,25 tỷ đồng). Trong đó: khu vực I: 3.973,55 tỷ đồng, đạt 105,19% kế hoạch (so với cùng kỳ tăng 312,61 tỷ đồng); khu vực II: 3.046,19 tỷ đồng, đạt 105,58% kế hoạch (so với cùng kỳ tăng 852,43 tỷ đồng); khu vực III: 1.206,9 tỷ đồng, đạt 101,69% kế hoạch (so với cùng kỳ tăng 206,22 tỷ đồng). Tổng vốn đầu tư toàn xã hội là 9.549 tỷ đồng, đạt 164,8% kế hoạch.

Cơ cấu sản xuất: Khu vực I chiếm 48,3% (Thủy sản 39,72%; nông nghiệp 8,25%; lâm nghiệp 0,33%); khu vực II chiếm 37,03% (Công nghiệp 9,42%; xây dựng 27,6%); khu vực III (Thương mại - dịch vụ) chiếm 14,67%.

**1. Nông, lâm, ngư nghiệp:** Tổng giá trị sản xuất được 3.973,55 tỷ đồng, đạt 105,19% kế hoạch, trong đó:

**a) Thủy sản:** Giá trị sản xuất 3.267,62 tỷ đồng, đạt 104,61% kế hoạch.

- *Chuyển đổi cơ cấu sản xuất:* Chuyển đổi trong lĩnh vực thủy sản 165,5 ha. Diện tích mặt nước ao nuôi TCMĐC phát sinh mới 31,57 ha, nâng tổng số đến nay diện tích mặt nước ao nuôi TCMĐC toàn huyện có 176,17 ha.

- *Tôm sú:* Có 10.626 lượt hộ thả nuôi 513,43 triệu con giống, diện tích 14.820 ha.

- *Tôm thẻ chân trắng:* Có 2.533 hộ thả nuôi 1.051,25 triệu con giống, diện tích 792,3 ha.

- *Cua biển:* Có 13.908 lượt hộ thả nuôi 114,4 triệu con, diện tích 19.311,9 ha.

- *Nhuyễn thể:* Sản lượng thu hoạch 533 tấn, đạt 92,1% kế hoạch, so với cùng kỳ giảm 46 tấn.

**Sản lượng nuôi trồng, khai thác, đánh bắt:** Được 50.719 tấn, đạt 104% kế hoạch, so cùng kỳ tăng 3.966 tấn, cụ thể: Nuôi trồng 34.427 tấn, đạt 105,1% kế hoạch, so cùng kỳ tăng 3.498 tấn; khai thác, đánh bắt 16.292 tấn, đạt 101,8% kế hoạch, so cùng kỳ tăng 468 tấn.

**b) Nông nghiệp:** Giá trị sản xuất 678,43 tỷ đồng, đạt 108,2% kế hoạch.

- *Chuyển đổi cơ cấu sản xuất:* Chuyển đổi đất lúa 3 vụ sang luân canh 2 vụ lúa - 1 vụ màu được 566,9 ha (màu các loại 538,7 ha; trồng cỏ 28,2 ha).

- *Cây lúa:* Diện tích xuống giống 7.546,7 ha, sản lượng 38.463 tấn, đạt 137,4% kế hoạch.

- *Cây màu*: Xuống giống 3.747,9 ha, sản lượng thu hoạch 122.047 tấn, đạt 103,5% kế hoạch.

**c) Chăn nuôi và Thú y**: Tổng đàn gia súc, gia cầm toàn huyện hiện có 234.312 con. So với cùng kỳ tăng 106.616 con. Sản lượng thịt hơi các loại 2.920 tấn, đạt 100,7% kế hoạch, so với cùng kỳ tăng 232 tấn.

Nuôi chim yến: Có 63 hộ/65 nhà nuôi chim yến, sản lượng thu hoạch 450 kg.

Tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm: Tình hình dịch bệnh Viêm da nổi cục (VDNC) ở trâu, bò cơ bản được kiểm soát tốt; tình hình bệnh Dịch tả heo Châu Phi: Phát hiện 06 ổ dịch trên địa bàn 02 xã Đôn Châu và xã Long Vĩnh với tổng đàn 76 con heo, thực hiện tiêu hủy 49 con heo, tổng trọng lượng 2.621 kg.

Công tác tiêm phòng gia súc, gia cầm: 61.148 liều.

**d) Lâm nghiệp**: Giá trị sản xuất lĩnh vực lâm nghiệp 27,5 tỷ đồng, đạt 101,85% kế hoạch. Tổ chức tuần tra quản lý bảo vệ rừng 193 lượt, phát hiện 09 vụ vi phạm làm thiệt hại 4.407m<sup>2</sup>, xử phạt 08 đối tượng với tổng số tiền 47 triệu đồng, đề nghị Chi cục Kiểm lâm xử lý theo thẩm quyền 01 vụ, số tiền 87,5 triệu đồng.

Cấp phát 30.350 cây phân tán cho các xã, thị trấn. Tổng kinh phí thực hiện 199,4 triệu đồng.

## 2. Về xây dựng Nông thôn mới

Tổ chức công bố Quyết định công nhận xã Đôn Xuân, Đôn Châu đạt chuẩn xã nông thôn mới và xã Đông Hải đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao. Nâng đến nay toàn huyện có 06/06 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 100%, trong đó có 02 xã (Long Vĩnh và Đông Hải) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2016 - 2020.

- *Công tác thông tin, tuyên truyền*: Ban chỉ đạo các xã lồng ghép tuyên truyền được 206 cuộc có 5.991 lượt người tham dự.

- *Công tác công nhận hộ, ấp nông thôn mới*: Đến nay có 18.270 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới (*chiếm 95,44%*); có 51/54 ấp được công nhận ấp nông thôn mới; 04 ấp nông thôn mới kiểu mẫu năm 2022.

- *Kết quả thực hiện tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới theo Bộ tiêu chí mới giai đoạn 2021 – 2025*.

+ *Xây dựng xã nông thôn mới*: Các xã Đôn Xuân, Đôn Châu và Ngũ Lạc đánh giá đạt 18/19 tiêu chí (chưa đạt tiêu chí tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế).

+ *Xây dựng xã nông thôn mới nâng cao*: Xã Long Khánh đạt 19/19 tiêu chí; xã Long Vĩnh và xã Đông Hải cơ bản đạt 19/19 tiêu chí.

+ *Huyện nông thôn mới*: Đạt 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới. Hiện nay huyện đang hoàn chỉnh hồ sơ theo ý kiến đóng góp của các Sở ngành tỉnh.

**3. Công nghiệp - Xây dựng:** Tổng giá trị sản xuất được 3.046,19 tỷ đồng, đạt 105,58% kế hoạch, trong đó:

**a) Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp:** Tổng giá trị SXCN ngoài quốc doanh (giá so sánh 2010) đạt 775,27 tỷ đồng, đạt 125,38% so kế hoạch.

Hoàn thành Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040. Trình UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu dịch vụ công cộng và khu đô thị thuộc Khu kinh tế Định An. Đầu tư trồng mới và bổ sung các tuyến đường hoa trên địa bàn huyện tiến độ đạt 100% so với hợp đồng.

- *Điện*: Toàn huyện có 20.749 hộ dân, số hộ sử dụng điện 20.733 hộ đạt 99,92%.

- *Diêm nghiệp*: Có 73 hộ làm muối (tăng 04 hộ so với cùng kỳ) với diện tích sản xuất 61,7 ha (tăng 2,6 ha) tổng sản lượng thu hoạch là 3.053 tấn đạt 61,06% so với kế hoạch năm; tăng 171 so với cùng kỳ năm.

**b) Xây dựng:** Giá trị sản xuất được 2.270,92 tỷ đồng, đạt 100,18% kế hoạch.

Đầu tư xây dựng 50 công trình, với tổng mức đầu tư 642,867 tỷ đồng, tổng vốn được phân bổ 233,975 tỷ đồng. Giải ngân đến ngày 25/11/2022 đạt 163,722 tỷ đồng, tiến độ giải ngân đạt 69,97%.

Kết quả triển khai thực hiện 10 công trình phục vụ xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022, với tổng kế hoạch vốn 76 tỷ đồng, trong đó: 01 công trình đã nghiệm thu hoàn thành, 07 công trình đang triển khai thi công, 02 công trình đang thực hiện các quy trình, thủ tục đấu thầu. Đến nay đã giải ngân được 29,632 tỷ đồng, đạt 38,99%.

**Công tác giải phóng mặt bằng:** Hiện nay, trên địa bàn huyện đang thực hiện giải phóng mặt bằng 10 công trình, dự án, có 960 hộ gia đình, cá nhân, với tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ bị thiệt hại 291,499 tỷ đồng. Đã chi trả số tiền 256,316 tỷ đồng, đạt 87,93%; chưa chi trả số tiền 35,183 tỷ đồng, chiếm 12,07% .

#### **4. Chính sách xã hội:**

**a) Đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm:** Tổ chức Hội thảo việc làm và giới thiệu lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn huyện, có 293 người tham dự. Đưa 56 lao động có thời hạn nước ngoài (Nhật Bản 50, Thụy Điển 1, Đức 2, Đài Loan 02, Trung Quốc 1), đạt 186,7% kế hoạch. Tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 71,70%, đạt 126,53% so kế hoạch.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ chiếm 27,14%, đạt 111,33%. Giải quyết việc làm cho 1.625 lao động, đạt 108,33% so kế hoạch (chỉ tiêu 1.500 lao động).

**b) Công tác giảm nghèo:** Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022. Tổng số hộ dân cư: 20.514 hộ, tổng số nhân khẩu: 83.146 nhân khẩu, trong đó hộ nghèo: 453 hộ, chiếm tỷ lệ 2,21%, (giảm 481 hộ, tỷ lệ giảm 2,29%); hộ cận nghèo: 554 hộ, chiếm tỷ lệ 2,70% (giảm 1.129 hộ, tỷ lệ giảm 5,41%).

Rà soát, xác định 200/206 hộ cận nghèo thật sự khó khăn về nhà ở. Lập danh sách 43 hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu hỗ trợ đất ở; 565 hộ (289 hộ nghèo, 276 hộ cận nghèo) khó khăn về nhà ở.

- *Công tác Bảo trợ xã hội:* Chi hỗ trợ khẩn cấp cho 05 hộ bị lóc xoáy, hỏa hoạn số tiền 200 triệu đồng. Tổ chức Tết Trung thu cho trẻ em tại Trường Tiểu học thị trấn Long Thành, trao tặng 245 phần quà cho Trẻ em nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện, số tiền 73,5 triệu đồng. Vận động và trao tặng 1.380 phần quà, 60 suất học bổng cho hộ nghèo, hộ khó khăn, học sinh nghèo.....tổng số tiền 540 triệu đồng.

(Nguồn: Báo cáo số 724/BC-UBND ngày 28/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải Báo cáo Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và kế hoạch năm 2023).

## **2.2. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực dự án**

### **2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường**

#### **a. Thu thập dữ liệu về hiện trạng môi trường**

Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh thực hiện báo cáo quan trắc môi trường tỉnh. Theo đó, trên cơ sở vị trí dự án, báo cáo ĐTM lựa chọn các vị trí quan trắc vào năm 2021 trên địa bàn huyện Duyên Hải làm dữ liệu tham khảo để đánh giá môi trường nền khu vực triển khai dự án, cụ thể như sau:

#### ***Chất lượng môi trường nước mặt***

Vị trí lấy mẫu quan trắc môi trường nước mặt (môi trường tác động) huyện Duyên Hải năm 2021 không thay đổi so với năm 2020, cụ thể:

- Cống La Bang, xã Đôn Châu (NM<sub>15</sub>).
- Kênh đào Trà Vinh, xã Long Vĩnh (NM<sub>27</sub>).

Kết quả quan trắc như sau:

**Bảng 2.5: Kết quả quan trắc nước mặt tác động huyện Duyên Hải**

Thông số	Đơn vị	Điểm quan trắc	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	TB năm	QCVN 08-MT: 2015/ BTNMT
pH	-	NM <sub>15</sub>	7,43	7,41	7,52	6,92	7,32	<b>5,5-9</b>
		NM <sub>27</sub>	7,78	7,31	6,98	7,30	7,34	
DO	mg/L	NM <sub>15</sub>	<b>2,79</b>	<b>2,87</b>	<b>3,97</b>	<b>2,62</b>	<b>3,06</b>	<b>≥4</b>
		NM <sub>27</sub>	4,17	<b>2,98</b>	<b>3,71</b>	<b>2,36</b>	<b>3,31</b>	
TSS	mg/L	NM <sub>15</sub>	<b>114,3</b>	<b>56,3</b>	29,6	<b>57,2</b>	<b>64,4</b>	<b>50</b>
		NM <sub>27</sub>	32,2	<b>147,0</b>	42,5	<b>112,5</b>	<b>83,6</b>	
COD	mg/L	NM <sub>15</sub>	<b>35</b>	<b>40</b>	30	<b>32</b>	<b>34</b>	<b>30</b>
		NM <sub>27</sub>	<b>47</b>	<b>31</b>	27	10	29	
BOD <sub>5</sub>	mg/L	NM <sub>15</sub>	3,6	3,4	2,7	1,4	2,8	<b>15</b>
		NM <sub>27</sub>	3,0	4,1	3,1	1,3	2,9	
NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N	mg/L	NM <sub>15</sub>	0,69	<b>4,33</b>	0,48	0,32	<b>1,46</b>	<b>0,9</b>
		NM <sub>27</sub>	0,51	0,20	0,03	0,10	0,21	
Cl <sup>-</sup>	mg/L	NM <sub>15</sub>	<b>7.314,3</b>	<b>8.364,2</b>	<b>3.545,3</b>	<b>1.858,7</b>	<b>5.270,6</b>	<b>350</b>
		NM <sub>27</sub>	<b>9.947,5</b>	<b>6.402,2</b>	<b>1.213,3</b>	<b>506,0</b>	<b>4.517,3</b>	
NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> -N	mg/L	NM <sub>15</sub>	<b>0,207</b>	<b>0,246</b>	<b>0,056</b>	<b>0,079</b>	<b>0,170</b>	<b>0,05</b>
		NM <sub>27</sub>	0,045	<b>0,076</b>	0,004	0,012	0,042	
NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N	mg/L	NM <sub>15</sub>	0,097	0,345	0,253	0,446	0,285	<b>10</b>
		NM <sub>27</sub>	0,045	0,550	0,479	0,400	0,369	
PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P	mg/L	NM <sub>15</sub>	0,148	0,070	0,038	0,066	0,081	<b>0,3</b>
		NM <sub>27</sub>	0,056	0,049	0,020	0,063	0,047	
Dầu mỡ	mg/L	NM <sub>15</sub>	KPH	0,8	KPH	0,3	0,43	<b>1</b>
		NM <sub>27</sub>	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	
Coliform	MPN/ 100ml	NM <sub>15</sub>	<b>9,3.10<sup>3</sup></b>	<b>4,3.10<sup>5</sup></b>	<b>9,3.10<sup>4</sup></b>	<b>9,3.10<sup>4</sup></b>	<b>34.833</b>	<b>7.500</b>
		NM <sub>27</sub>	4,3.10 <sup>2</sup>	4,3.10 <sup>2</sup>	4,3.10 <sup>3</sup>	<b>1,5.10<sup>4</sup></b>	5.183	

\* **Ghi chú:** KPH - Không phát hiện.

\* **Nhận xét:**

Kết quả quan trắc nước mặt huyện Duyên Hải cho thấy có dao động 06-07/12 thông số còn vượt giới hạn quy định cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B<sub>1</sub>) cụ thể như sau:

- Đối với môi trường nước mặt khu vực Cống La Bang, xã Đôn Châu (NM<sub>15</sub>): Có 07/12 thông số vượt giới hạn cho phép như:

+ Amoni vượt quy chuẩn 4,81 lần (quy định 0,9 mg/L) vào đợt 2 năm 2021;

+ TSS vượt dao động từ 1,13 – 2,29 lần (quy định 50 mg/L) và COD vượt dao động từ 1,07 – 1,33 lần (quy định 30 mg/L) tại 03/04 đợt quan trắc ngoại trừ đợt 3;

+ Còn lại 04/12 thông số đều vượt quy chuẩn tại tất cả các đợt quan trắc trong năm bao gồm: clorua vượt dao động từ 5,31 – 23,90 lần (quy định 350 mg/L); nitrit vượt dao động từ 1,12 – 4,92 lần (quy định 0,05 mg/L); coliform vượt dao động từ 1,24 – 57,33 lần (quy định 7.500 MPN/100ml) và DO không đạt tại cả 04 đợt trong năm 2021.

- Đối với môi trường nước mặt khu vực kênh đào Trà Vinh, xã Long Vĩnh (NM<sub>27</sub>): Có 06/12 thông số vượt giới hạn cho phép như:

+ Nitrit vượt nhẹ 1,52 lần vào đợt 2 và Coliform vượt 2,0 lần vào đợt 4;

+ TSS vượt dao động từ 2,25 – 2,94 lần vào đợt 2, đợt 4 và COD vượt dao động từ 1,03 – 1,57 vào 02 đợt đầu năm 2021;

+ DO không đạt tại 03/04 đợt quan trắc ngoại trừ đợt 1;

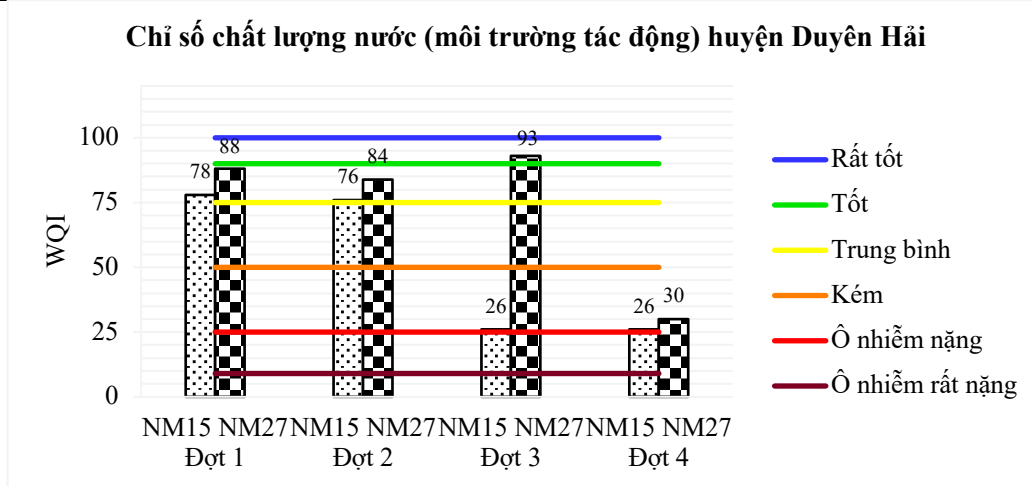
+ Clorua vượt dao động từ 1,45 – 28,42 lần tại tất cả các đợt quan trắc trong năm.

Bảng 2.6: Giá trị WQI nước mặt huyện Duyên Hải qua các năm

Đợt Năm	Giá trị WQI							
	Đợt 1		Đợt 2		Đợt 3		Đợt 4	
	NM <sub>15</sub>	NM <sub>27</sub>	NM <sub>15</sub>	NM <sub>27</sub>	NM <sub>15</sub>	NM <sub>27</sub>	NM <sub>15</sub>	NM <sub>27</sub>
Năm 2019	49	28	46	29	83	78	27	82
Năm 2020	82	84	78	85	48	29	27	94
Năm 2021	78	88	76	84	26	93	26	30

Qua kết quả tính toán chỉ số WQI cho thấy chất lượng nước mặt (môi trường tác động) tại khu vực huyện Duyên Hải không ổn định và phần lớn ở mức trung bình-tốt:

- Nước mặt khu vực cống La Bang, xã Đôn Châu (NM<sub>15</sub>) có chất lượng suy giảm dần ở mức tốt (màu xanh lá) xuống mức kém (màu cam) từ thời điểm đầu năm đến cuối năm 2021. Chỉ số WQI dao động trong khoảng 26-78 (trung bình năm là 52), trong đó giá trị cao nhất vào đợt 1 và thấp nhất vào 02 đợt cuối năm.



Hình 2.1: Diễn biến WQI khu vực huyện Duyên Hải năm 2021

- Nước mặt khu vực kênh đào Trà Vinh, xã Long Vĩnh (NM<sub>27</sub>) có chất lượng tương đối ổn định và tốt hơn so với khu vực cống La Bang, xã Đôn Châu trong phạm vi quan trắc của huyện Duyên Hải. Chỉ số WQI dao động trong khoảng 30-93 (trung bình năm là 74), trong đó giá trị cao nhất vào đợt 3 và thấp nhất vào đợt 4. Nhìn chung nước mặt (môi trường tác động) tại khu vực huyện Duyên Hải trong năm 2021 không ổn định, tuy nhiên có chất lượng ở mức trung bình-tốt. Diễn biến chất lượng nước mặt khu vực huyện Duyên Hải ổn định và dần được cải thiện so với cùng kỳ năm 2019, năm 2020.

### Chất lượng nước dưới đất huyện Duyên Hải

Vị trí lấy mẫu nước dưới đất huyện Duyên Hải: Khu vực làm muối Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải (NG<sub>14</sub>).

Bảng 2.7: Kết quả thử nghiệm nước dưới đất huyện Duyên Hải

Stt	Thông số	Đơn vị	NG <sub>14</sub>				QCVN 09-MT:2015/ BTNMT
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
1	pH	-	7,59	7,58	7,82	7,53	5,5 - 8,5
2	Độ cứng tổng số (theo CaCO <sub>3</sub> )	mg/L	236	251	230	233	500
3	COD (KMnO <sub>4</sub> )	mg/L	0,28	0,27	KPH	0,85	4
4	Cl <sup>-</sup>	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	250
5	F <sup>-</sup>	mg/L	KPH	KPH	0,5	KPH	1
6	NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> -N	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	1
7	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	15
8	SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup>	mg/L	KPH	23	11	12	400
9	As	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0,05

Stt	Thông số	Đơn vị	NG <sub>14</sub>				QCVN 09-MT:2015/BTNMT
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
10	Pb	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0,01
11	Fe	mg/L	0,182	0,155	0,135	0,261	5
12	E.Coli	MPN/100ml	<b>1,7.10<sup>1</sup></b>	KPH	KPH	KPH	KPH
13	Coliform	MPN/100ml	<b>4,9.10<sup>1</sup></b>	KPH	<b>0,7.10<sup>1</sup></b>	<b>1,4.10<sup>1</sup></b>	3

\* **Ghi chú:** KPH - Không phát hiện.

\* **Nhận xét:** Qua kết quả thử nghiệm 04 đợt quan trắc cho thấy, chất lượng nước dưới đất trên địa bàn huyện Duyên Hải tương đối tốt, 11/13 thông số thử nghiệm đều có giá trị thấp và nằm trong giới hạn cho phép quy định tại QCVN 09-MT:2015/BTNMT. Riêng thông số Coliform vượt giới hạn cho phép vào đợt 1, 3 và 4; thông số E.Coli vượt giới hạn cho phép vào đợt 1.

### **Chất lượng không khí huyện Duyên Hải**

Vị trí lấy mẫu quan trắc không khí huyện Duyên Hải: Làng nghề sơ chế biển thủy, hải sản xã Đông Hải (K<sub>26</sub>).

**Bảng 2.8: Kết quả thử nghiệm không khí môi trường tác động huyện Duyên Hải**

Đợt quan trắc	Ký hiệu mẫu	Thông số							
		Tiếng ồn	Bụi lơ lửng	SO <sub>2</sub>	NO <sub>2</sub>	CO	O <sub>3</sub>	H <sub>2</sub> S	NH <sub>3</sub>
		dB(A)	µg/m <sup>3</sup>	µg/m <sup>3</sup>	µg/m <sup>3</sup>	µg/m <sup>3</sup>	µg/m <sup>3</sup>	µg/m <sup>3</sup>	µg/m <sup>3</sup>
Đợt 1	K <sub>26</sub>	60,3	99	KPH	6	5.900	KPH	23	108
Đợt 2		58,6	167	31	KPH	5.268	KPH	17	143
Đợt 3		64,5	174	KPH	12	4.612	80	KPH	190
Đợt 4		60,6	30	19	9	4.606	19	47	207
<b>Giới hạn cho phép</b>		<b>70*</b>	<b>300</b>	<b>350</b>	<b>200</b>	<b>30.000</b>	<b>200</b>	<b>42**</b>	<b>200**</b>

\* **Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện;

- Giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- Giá trị (\*) áp dụng theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;

- Giá trị (\*\*) áp dụng theo QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

**\* Đánh giá chất lượng không khí môi trường tác động huyện Duyên Hải:**

Kết quả quan trắc cho thấy, không khí môi trường tác động trên địa bàn huyện Duyên Hải năm 2021 có chất lượng khá tốt, có 06/08 thông số nằm trong giới hạn cho phép quy định tại QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT. Riêng thông số H<sub>2</sub>S và NH<sub>3</sub> vượt nhẹ so với giới hạn cho phép vào đợt 4.

**\* So sánh chất lượng không khí môi trường tác động huyện Duyên Hải:**

Nhìn chung, chất lượng không khí môi trường tác động có giá trị các thông số quan trắc được cao hơn so với môi trường nền, nhưng giá trị quan trắc được giữa hai môi trường không cao. Có 06/06 thông số quan trắc tại cả hai môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép quy định tại QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT. Riêng thông số H<sub>2</sub>S và NH<sub>3</sub> được quan trắc thêm trong môi trường tác động có giá trị vượt nhẹ so với QCVN 06:2009/BTNMT. Từ đó cho thấy, hoạt động sơ chế thủy hải sản của làng nghề tại xã Đông Hải đã gây các tác động nhất định đến chất lượng môi trường không khí.

**b. Hiện trạng các thành phần môi trường nước, không khí của khu vực dự án**

Để đánh giá chất lượng môi trường dự án, Chủ đầu tư đã phối hợp với Đơn vị tư vấn, đơn vị phân tích thực hiện khảo sát, lấy mẫu môi trường nền tại khu đất dự án vào 03 đợt đối với mẫu nước mặt, 01 đợt đối với mẫu không khí xung quanh, mẫu và mẫu đất.

- Đợt 1: ngày 17/12/2022, thời điểm lấy mẫu 9h.
- Đợt 2: ngày 24/12/2022, thời điểm lấy mẫu 10h.
- Đợt 3: ngày 31/12/2022, thời điểm lấy mẫu 9h30.

**❖ Đơn vị thực hiện lấy mẫu và phân tích**

- Công ty TNHH Khoa học công nghệ và phân tích môi trường Phương Nam.

- Địa chỉ liên hệ: 1358/21/5G đường Quang Trung, P.14, Q. Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: 028.62959784

- Phòng thí nghiệm của Công ty đã được Bộ Tài nguyên Môi trường cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, số hiệu chứng nhận Vimcerts 039, Quyết định công nhận số 308/QĐ-BTNMT ngày 22/02/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (đính kèm Phụ lục).

❖ **Môi trường nước mặt**

Nguồn nước mặt chịu tác động mạnh mẽ từ thủy triều biển Đông, vào thời điểm thủy triều xuống các kênh, rạch trên địa bàn thị xã gần như cạn hết nước. Ngoài ra, địa hình bị chia cắt khá mạnh bởi sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, phần nào gây trở ngại cho xây dựng kết cấu hạ tầng và giao thông đi lại đường bộ.

Hiện nay, nguồn nước chịu sự tác động của nhiều nguồn ô nhiễm: công nghiệp, nông nghiệp, thương mại dịch vụ,... Đối với huyện Duyên Hải nguồn nước mặt chịu sự tác động bởi các nguồn thải từ thủy triều biển Đông, hoạt động sinh hoạt và chất thải nuôi trồng thủy sản.

*Bảng 2.9: Kết quả phân tích chất lượng nước mặt*

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B1)
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	
01	pH	-	7,15	7,21	7,43	5,5 – 9
02	DO	mg/L	4,32	4,55	4,28	≥ 4
03	BOD <sub>5</sub>	mg/L	14	13	11	15
04	COD	mg/L	26	24	25	30
05	TSS	mg/L	43	39	47	50
06	N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup>	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,05
07	P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	mg/L	KPH	KPH	KPH	0,3
08	Sắt tổng Fe	mg/L	0,85	0,79	0,94	1,5
09	Tổng Coliform	MPN/100 ml	4,6 x 10 <sup>3</sup>	6,4 x 10 <sup>3</sup>	7 x 10 <sup>3</sup>	7.500

*(Nguồn: Công ty TNHH Khoa học công nghệ và phân tích môi trường Phương Nam, 2022 -2023)*

Ghi chú:

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;

Chất lượng nước tại khu vực dự án so với quy chuẩn kỹ thuật QCVN 08-MT:2015/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt, cụ thể như sau:

- Nhóm chất hữu cơ thể hiện qua thông số BOD<sub>5</sub>, COD và TSS của nước mặt đều đạt quy chuẩn trong 3 đợt quan trắc.

- Nhóm chất dinh dưỡng biểu thị qua các thông số P- $\text{PO}_4^{3-}$ , N- $\text{NO}_2^-$  đạt quy chuẩn trong 3 đợt quan trắc và không có sự khác lớn giữa các đợt quan trắc và giá trị lớn nhất trong lần quan trắc đợt 3.

- Các thông số pH, DO, sắt tổng đều đạt quy chuẩn trong 3 đợt quan trắc. Giá trị pH dao động từ 7,15 – 7,43 ổn định không có sự thay đổi lớn theo thời gian; Giá trị DO dao động từ 4,28 – 4,55 mg/L tương đối ổn định.

- Thông số tổng coliforms trong 3 đợt quan trắc đều đạt quy chuẩn.

#### ❖ Môi trường không khí

Môi trường không khí là một trong những thành phần môi trường có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình dự án đi vào hoạt động. Theo ghi nhận cho thấy chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực dự án khá tốt.

*Bảng 2.10: Chất lượng không khí xung quanh khu vực dự án*

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/ BTNMT
1	CO	mg/m <sup>3</sup>	<8,3	30
2	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	0,062	0,35
3	NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	0,058	0,2
4	Tổng bụi lơ lửng	mg/m <sup>3</sup>	0,153	0,3
5	Tiếng ồn	dBA	52,7	≤ 70*

(Nguồn: Công ty TNHH Khoa học công nghệ và phân tích môi trường Phương Nam, 2022)

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- \*: QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Khu vực thông thường (từ 6 – 21h).

Hiện trạng chất lượng môi trường không khí khu vực dự án và xung quanh được so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng không khí xung quanh. Qua kết quả phân tích môi trường không khí tại vị trí quan trắc xung quanh khu vực thực hiện dự án cho thấy, tất cả các thông số phân tích đều đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

Điều này cho thấy môi trường không khí xung quanh khu vực dự án chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm, do xung quanh khu vực chủ yếu là đất nuôi tôm và mật độ dân cư thưa thớt.

### ❖ Môi trường đất

Bảng 2.11: Kết quả phân tích chất lượng đất tại khu vực dự án

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 03-MT:2015/ BTNMT (đất nông nghiệp)
			Mẫu 1	Mẫu 2	
1	Cd	mg/kg	KPH (MDL = 0,18)	KPH (MDL = 0,18)	1,5
2	Pb	mg/kg	KPH (MDL = 0,22)	KPH (MDL = 0,22)	70
3	Cu	mg/kg	< 6,22	< 6,22	100
4	Zn	mg/kg	< 9,13	< 9,13	200

(Nguồn: Công ty TNHH Khoa học công nghệ và phân tích môi trường Phương Nam, 2022)

Hiện trạng chất lượng môi trường đất khu vực dự án được so sánh với QCVN 03-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất (đối với đất nông nghiệp), cho thấy: tất cả các thông số trong 3 đợt quan trắc đều đạt quy chuẩn.

### 2.2.2. Tài nguyên sinh vật khu vực dự án

#### ➤ Hệ sinh thái rừng ngập mặn

Huyện Duyên Hải có hệ sinh thái của vùng cửa sông Hậu, có rừng bần – mắm – đước đan xen; tôm – cá nước mặn, lợ; văn hóa của cư dân nông – ngư nghiệp.

Hệ sinh thái rừng ngày càng đa dạng và phong phú, diện tích rừng được củng cố và được bảo vệ ổn định. Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Duyên Hải, diện tích đất rừng phòng hộ của huyện là 2.529,66 ha, diện tích đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên là 2.657,08 ha.

Tài nguyên biển và thủy hải sản của huyện có giá trị và tiềm năng lớn. Thềm lục địa và vùng mặt nước biển thuộc huyện hiện có 661 loài thủy sản sinh sống, đa phần đều có giá trị kinh tế.

Ngoài khơi xa có nhiều loại hải sản có giá trị thương phẩm cao như cá ngừ, cá hồng, cá chim, cá thu,... với trữ lượng khá cao.

Tham khảo báo cáo đánh giá tác động môi trường của “Dự án Khu bến tổng

hợp Định An” hiện trạng đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Trà Vinh chia thành 03 vùng sinh thái chính gồm sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái vùng cửa sông – ven sông và hệ sinh thái trên cạn. Trong đó sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái vùng cửa sông – ven sông là 02 hệ sinh thái đặc trưng của đa dạng sinh học tỉnh Trà Vinh.

➤ **Hệ sinh thái rừng ngập mặn**

Rừng ngập mặn phân bố chủ yếu ở vùng rìa ven biển trên các bãi lầy mặn được hình thành giữa trầm tích sông và ảnh hưởng thủy triều. Rừng ngập mặn xung quanh khu vực dự án mang đặc trưng chung của rừng ngập mặn toàn tỉnh Trà Vinh. Hệ thực vật và động vật ở đây còn khá phong phú và đa dạng có nhiều loài có giá trị kinh tế cao.

- Hệ thực vật:

Các loài thực vật được phát hiện ở rừng ngập mặn tỉnh Trà Vinh bao gồm 101 loài thực vật phù du (Phytoplankton), các loài thực vật phù du chủ yếu làm thức ăn cho ấu trùng tôm/cá đạt trung bình 0,7 – 1,5 triệu tế bào/m<sup>3</sup>.

Khu hệ thực vật rừng ngập mặn ở vùng này có sự hiện diện 16 loài cây đặc trưng cho rừng ngập mặn vùng nhiệt đới Đông Nam Á. Theo khảo sát, khu hệ thực vật tại đây có tổng cộng 132 loài thuộc 105 chi của 56 họ thực vật. Trong đó có 05 họ thực vật nhiều nhất là các họ Fabaceae, Rhizophoraceae, Asteraceae, Cyperaceae, Poaceae.

Thảm thực vật rừng ngập mặn tại đây cấu thành từ 12 quần hợp thực vật:

Các quần hợp thực vật rừng tự nhiên bao gồm: Bần trắng (*Sonneratia alba*), Mắm (*Avicennia alba*), Quần hợp mắm (*Avicennia* spp) + Vẹt (*Bruguiera* spp) + Bần (*Sonneratia* spp); Quần hợp thực vật ven sông rạch bao gồm: Quần hợp Đước (*Rhizophora apiculata* + *Rhizophora mucronata*); Quần hợp dừa nước (*Nipa fruticans*); Quần hợp phi lao (*Casuarina equisetifolia*).

Các quần hợp thực vật trên đất canh tác: Quần hợp thực vật trên đất nông nghiệp, Quần hợp thực vật trên đất thủy sản, Quần hợp thực vật trên đất ruộng muối.

- Hệ động vật:

Hệ sinh thái động vật rừng ngập mặn có hệ động vật mang đặc trưng của động vật vùng ven biển và khá phong phú với khá nhiều loài bao gồm:

Động vật phù du (Zooplankton): 48 loài, trong đó Arthropoda chiếm ưu thế. Mật độ động vật phù du đạt trung bình 15.600 – 34.000 con/m<sup>3</sup>.

Giun nhiều tơ (Polychaeta): 20 loài;

Lớp chân bụng (Gastropoda): 26 loài;

Lớp 02 mảnh vỏ (Bivalvia): 22 loài;

Chân đầu (Cephalopoda): 4 loài;

Giáp xác (tôm, moi): trên 50 loài;

Giáp xác (cua, còng): trên 30 loài;

Khu hệ cá biển/lợ: trên 200 loài.

➤ **Hệ sinh thái vùng cửa sông, ven biển**

Hệ sinh thái vùng cửa sông – ven biển chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi tác động của thủy triều và sự pha trộn giữa nước mặn và nước ngọt. Cửa sông duy trì những quá trình quan trọng như vận chuyển chất dinh dưỡng và phù du sinh vật, du đẩy các ấu trùng tôm, cá xác bồi động thực vật và quyết định các dạng trầm tích ven biển. Hệ sinh thái vùng cửa sông – ven biển nằm trong số các hệ sinh thái phong phú và năng động nhất, tuy nhiên chúng rất dễ bị ảnh hưởng do ô nhiễm môi trường, do thay đổi chế độ nước.

- Hệ thực vật:

Hệ thực vật vùng cửa sông – ven biển xác định 73 loài thực vật phù du thuộc 5 ngành, ngành tảo silic (Bacillariophyta): 49 loài; Ngành tảo mắt (Euglenophyta): 9 loài; Ngành tảo lục (Chlorophyta): 8 loài; Ngành tảo giáp (Pyrophyta): 01 loài; Ngành tảo lam (Cyanophyta): 6 loài. Các loài chiếm ưu thế là *Ceratium macroceros*, *Cfuscus*, *Oscillatoria limosa*, *Chaetoceros lorenzianus*, *Coscinodiscus radiates*, *Cperforatus Casteromphalus*, *Ccentralis*, *Nitzschia sigma*.

- Hệ động vật:

Động vật phù du: thành phần loài động vật phù du nghèo nàn, chỉ tìm thấy 48 giống loài phân bố theo các ngành: ngành Prorozoa: 1 loài; Mollusca 2 loài; ngành Nematelminthes có lớp Rotatoria 10 loài bộ Cladocera 75 loài trong đó ngành Arthropoda có số lượng nhiều nhất.

Động vật đáy: thành phần loài động vật đáy (Zoobenthos) vùng cửa sông và ven biển kém phong phú, chỉ tìm thấy 73 loài;

Giáp xác: đã xác định được 109 loài có ý nghĩa sinh thái và kinh tế thuộc 06 họ và 30 loài bao gồm: họ tôm He hay tôm biển (Penaeidae) xác định được 18 loài; họ tôm càng (Palaemonidae) xác định được 1 loài; họ tôm Lân (Alpheidae) có 1 loài; họ tôm tít (Squillidae) có 1 loài; họ Moi, Ruốc xác định được 6 loài; nhóm cua xác định được 3 loài trong họ cua bơi.

Nhuyễn thể: đã xác định được 70 loài trong đó lớp chân bụng 30 loài, chân đầu 10 loài, hai mảnh vỏ 30 loài, Trong các loài 2 mảnh vỏ nghêu và sò huyết là 02 đối tượng có giá trị kinh tế và có số lượng lớn ở tỉnh Trà Vinh. Ngoài ra còn có loài dất thuộc họ Corbulidae với số lượng rất lớn ở cửa Định An. Chúng phân bố mật độ khá lớn từ cửa Vàm Láng Sắc (xã Định Anh) kéo dài đến cửa Định An.

Khu hệ cá biển/lợ: hệ cá biển/lợ được xác định có tổng cộng 211 loài cá thuộc 5 họ. Trong đó bộ cá Vược có số lượng nhiều nhất gồm 33 họ: họ cá Khế

Carangidae 15 loài họ cá Đù Sciaenidae loài họ cá Liệt Leiognathidae loài họ cá Hồng Lujanidae 7 loài họ cá Sơn biển 5 loài,...

➤ **Hệ sinh thái trên cạn:**

- Thực vật: có tính đa dạng về thành phần loài, khoảng 111 họ

+ Khu hệ thực vật trên đất: phát hiện 132 loài với 105 chi thuộc 56 họ được xếp vào 2 ngành thực vật bậc cao có mạch: ngành dương xỉ (Polypodiophyta), ngành thực vật hạt kín (Magnoliophyta).

+ Thực vật trên đất: gồm nhiều quần hợp thực vật. Quần hợp Mắm trắng một số loài sống xen với quần hợp này có Bần và Dà; quần hợp mắm + vẹt + bần là kiểu rừng hỗn hợp phát triển trên vùng đất phèn tiềm tàng mặn, thường xuyên ngập triều và có địa hình thấp các vùng ven biển Duyên Hải.

+ Động vật: Lớp thú phát hiện được 05 loài thuộc 05 họ, 02 bộ là bộ dơi và họ gặm nhấm; lớp chim gồm có 35 họ 79 loài trong đó có một số loài đang trong tình trạng bị đe dọa là quắm đen và diên điểu; Lớp bò sát có 15 loài thuộc 10 họ và 01 bộ có ầy trong đó có 04 loài nằm trong sách đỏ Việt Nam là Kỳ Đà hoa, rắn hổ chúa, rắn cạp nong và rắn hổ mang; lớp lưỡng thê có 05 loài thuộc 03 họ và 01 bộ gồm cóc nhà, ếch đồng, chàng hiu, nhái và ếch cây.

Thực vật rừng ngập mặn tỉnh Trà Vinh có một số đặc điểm khá thú vị và đáng quan tâm, tuy nhiên chúng cũng có đặc điểm tương tự như hệ thực vật ngập mặn ở các vùng khác của miền Tây Nam Bộ. Ở phía biển, đai rừng có loài Mắm trắng (*Avicennia alba*) chiếm ưu thế, đây là kiểu rừng khá phổ biến ở Trà Vinh. Những quần thể Mắm trắng cũng là kiểu tái sinh ở các ao nuôi trồng thủy sản bỏ hoang.

❖ **Đặc điểm sinh thái khu vực dự án**

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện dự án đơn vị tư vấn đã phối hợp với chủ dự án tiến hành trình khảo sát thực địa hệ sinh thái tại khu vực dự án chủ yếu các loại như sau:

Đặc điểm sinh thái của khu vực dự án chủ yếu là nuôi tôm theo hình thức quảng canh và thâm canh, nuôi tôm công nghệ cao. Trong phạm vi cách dự án khoảng 1 km là các ao, vuông nuôi tôm. Khu vực dự án tại thửa đất số 576 và thửa 418 người dân thực hiện nuôi tôm quảng canh nhưng hiện tại không có nuôi tôm.

Đối với động vật và thực vật khác của khu vực dự án cụ thể như sau:

+ Động vật: các loài chim, cò, chuột và các loài thủy sản cua, loài nhuyễn thể,...

+ Thực vật: bao gồm các loại cây tạp, cây bụi rậm, dây leo và cây đước.

### CHƯƠNG 3:

## ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

### 3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng

Dự án “vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ không thực hiện xây dựng các công trình phụ trợ như lán trại, mạng lưới cấp nước, cấp điện,... do đó không phát sinh các tác động từ nguồn này.

Khu đất thực hiện Dự án có hiện trạng đất trống, không có công trình xây dựng, nhà ở, nên trong giai đoạn này không thực hiện công tác thu hồi, di dân, tái định cư, do đó sẽ không phát sinh các khiếu kiện, khiếu nại của người dân.

Khu đất thực hiện dự án không có các cây gỗ lớn, chỉ có một số ít cây bụi, cỏ dại, nên hoạt động phát quang được thực hiện trong thời gian rất ngắn (dự kiến khoảng 02 ngày) và chất thải phát sinh từ nguồn này với khối lượng rất thấp.

Ngoài ra, hiện trạng khu vực bãi tập kết tạm bùn dôi dư sau cải tạo ao hồ (chờ vận chuyển về bãi tập kết của Công ty TNHH VLXD Ngọc Tâm) chưa có bờ bao quanh, nhằm giảm thiểu tác động đến hoạt động sản xuất, nuôi trồng thủy sản xung quanh, dự án thực hiện đắp ò bao xung quanh khu vực bãi tập kết tạm tại thửa đất 418. Thời gian thực hiện dự kiến khoảng 02 ngày, với số lượng công nhân là 04 người.

Như vậy, giai đoạn thi công xây dựng dự án, tác động phát sinh chủ yếu từ các nguồn sau: Công tác phát quang bụi rậm, đắp bờ bao xung quanh bãi tập kết tạm tại thửa đất 418, di chuyển các phương tiện thi công từ bãi tập kết đến khu vực thi công hạ độ cao (tập kết phương tiện). Tổng thời gian thực hiện trong khoảng 04 ngày. Tác động cụ thể như sau:

#### 3.1.1. Đánh giá, dự báo tác động

##### *a. Đánh giá, dự báo tác động có liên quan đến chất thải*

##### *a.1) Tác động do nước thải*

- *Nguồn phát sinh:* Từ hoạt động sinh hoạt của công nhân

- *Quy mô nguồn thải:* Lưu lượng phát sinh trong giai đoạn xây dựng dự án được tính theo công thức sau:

$$NT_{sh} = (N_{dm} \times n) \times 20\% = (80 \times 4) \times 20\% = 64 \text{ lít/ngày} = 0,064 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Trong đó:

+  $NT_{sh}$ : Nước thải sinh hoạt (lít/ngày)

+  $N_{dm}$ : Định mức nước thải sinh hoạt theo QCVN 02:2021/BXD.

+  $n$ : số công nhân (4 người).

+ Lưu lượng nước thải chiếm 100% lưu lượng nước cấp. Tuy nhiên dự án thực hiện theo ca và không có lưu trữ, ăn uống tại khu vực dự án nên nước cấp sử dụng chủ yếu là phục vụ nhu cầu vệ sinh của công nhân nên lượng nước cấp dự kiến khoảng 20% tổng lượng nước cấp do đó tổng lượng nước cấp sử dụng là: 4 người x 80 lít/người/ngày x 20% = 0,064 m<sup>3</sup>/ngày.

*- Tính chất nguồn thải*

Các thành phần ô nhiễm chính đặc trưng thường thấy ở nước thải sinh hoạt là BOD<sub>5</sub>, COD, SS, Nitơ và Photpho,... Một yếu tố gây ô nhiễm quan trọng trong nước thải sinh hoạt đó là các loại mầm bệnh được lây truyền bởi các vi sinh vật có trong phân. Vi sinh vật gây bệnh cho người bao gồm các nhóm chính là virus, vi khuẩn, nguyên sinh bào và giun sán gây ra các bệnh lan truyền bằng đường nước như tiêu chảy, ngộ độc thức ăn, vàng da,...

*- Về không gian tác động:* Lưu lượng nước phát sinh rất thấp, thời gian rất ngắn công nhân sử dụng chung nhà vệ sinh của chủ đất nên hầu như không gây tác động đến các thành phần môi trường. Chủ yếu là gây sức ép lên công trình xử lý hiện hữu.

*- Về thời gian tác động:* Phát sinh và tác động xuyên suốt giai đoạn vận hành của dự án, dự kiến trong khoảng 04 ngày.

*a.2) Tác động do bụi, khí thải*

*- Nguồn phát sinh:* Từ các phương tiện cơ giới như máy cày phục vụ thi công đắp bờ bao xung quanh bãi tập kết tạm, và di chuyển vào khu vực cải tạo ao hồ.

*- Quy mô nguồn thải:* Tổng nhu cầu nhiên liệu sử dụng cho các phương tiện trong giai đoạn xây dựng dự kiến khoảng 260 lít/ngày, thì tải lượng ô nhiễm từ các phương tiện trong giai đoạn này được dự báo như sau:

*Bảng 3.1. Tải lượng ô nhiễm không khí*

<b>Chất ô nhiễm</b>	<b>Bụi</b>	<b>SO<sub>2</sub></b>	<b>NO<sub>x</sub></b>	<b>CO</b>	<b>VOC</b>
<b>Hàm lượng (kg/tấn dầu)</b>	1,1	20	23,65	248,3	35,25
<b>Tải lượng (kg/ngày)</b>	0,238	4,326	5,116	53,712	7,625

*Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2023*

*Ghi chú:*

+ *Khối lượng riêng của dầu Diesel là: 0,832 kg/lít*

+ Hệ số ô nhiễm do các phương tiện giao thông được áp dụng theo *Rapid Environmental Assessment, WHO, 1993* với 0,15%.

+ Hệ số áp dụng đối với các loại xe động cơ < 1.400 cc

Kết quả dự báo cho thấy tải lượng ô nhiễm phát sinh rất thấp.

- *Tính chất nguồn thải*: Nguồn thải di động, ô nhiễm phân tán và tải lượng ô nhiễm được dự báo là rất thấp.

- *Về không gian tác động*: Tác động chủ yếu tại khu vực thi công đắp bờ bao bãi tập kết tạm.

- *Về thời gian tác động*: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt giai đoạn thi công xây dựng dự án, dự kiến trong khoảng 02 ngày.

a.3) Tác động do chất thải rắn thông thường

❖ *Chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH)*:

- *Nguồn phát sinh*: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân, dự kiến tối đa là 04 người.

- *Quy mô nguồn thải*: khối lượng CTRSH phát sinh khoảng 1,6 kg/ngày. Định mức phát sinh CTRSH được quy định tại QCVN 02:2021/BXD, CTRSH phát sinh trung bình 0,8 kg/người/ngày. Tuy nhiên, công nhân làm việc 8 giờ/ngày (01 ca làm việc), nên CTRSH phát sinh trung bình khoảng 0,4 kg/người/ngày.

- *Tính chất nguồn thải*: CTRSH có thành phần hữu cơ chiếm chủ yếu. Dưới tác động của nhiệt độ, độ ẩm và vi sinh vật, các thành phần hữu cơ dễ phân hủy và sản sinh ra các khí gây mùi như CH<sub>4</sub>, H<sub>2</sub>S và một số khí khác như CO<sub>2</sub>,...

- *Về không gian tác động*: Chất thải phát sinh với khối lượng rất thấp, thời gian phát sinh rất ngắn nên chỉ tác động chủ yếu tại khu vực sinh hoạt của công nhân.

- *Về thời gian tác động*: Phát sinh và tác động xuyên suốt trong giai đoạn xây dựng dự án, dự kiến khoảng 04 ngày.

❖ *Chất thải rắn thông thường*

- *Nguồn phát sinh*: Từ phát quang cỏ dại, cây bụi

- *Quy mô nguồn thải*: Theo hiện trạng sử dụng đất tại khu vực dự án cho thấy khu vực ao hồ là chủ yếu, chỉ có diện tích các bờ là có cỏ và một số cây bụi (cây lức, ráng,...) do đó chất thải phát sinh từ quá trình phát quang là rất thấp.

- *Về không gian tác động*: Tại khu vực các bờ thuộc thửa đất 418 và 576 tờ bản đồ số 17. Nếu công tác thu gom không thực hiện đúng quy định có thể gây tác động đến chất lượng môi trường nước mặt của khu vực.

- *Về thời gian tác động*: Phát sinh và tác động xuyên suốt trong quá trình phát quang bụi rậm, dự kiến trong 02 ngày.

**b. Đánh giá, dự báo tác động không liên quan đến chất thải**

*Xác định nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung*

- *Nguồn phát sinh*: Chủ yếu từ phương tiện cơ giới thực hiện đắp bờ bao.
- *Mức độ của tiếng ồn*: Tham khảo các công trình xây dựng tương tự, độ ồn phát sinh từ nguồn này dao động trong khoảng 83 – 94 dBA.
- *Về không gian tác động*: Tác động chủ yếu tại khu vực thi công, xung quanh không có hộ dân sinh sống nên hầu như không gây tác động đến đối tượng này.
- *Về thời gian tác động*: Phát sinh và tác động xuyên suốt trong giai đoạn xây dựng dự án, tập trung chính vào 02 ngày đắp bờ bao.

**3.1.2 Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường**

*a) Đối với nước thải*

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Sử dụng hầm tự hoại hiện hữu của chủ đất cạnh thửa đất 418 để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này.
- Quy chuẩn so sánh: Chất lượng nước thải sau xử lý cơ bản đạt yêu cầu quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau hầm tự hoại được xả ra ao nội bộ phía sau nhà của chủ đất theo phương thức tự chảy.

*b) Đối với CTRSH, chất thải rắn thông thường*

*b.1) Chất thải rắn sinh hoạt*

- Bố trí 04 thùng chứa rác (loại thùng nhựa, có nắp đậy, dung tích 20 lít tại khu vực sinh hoạt của công nhân ở mỗi thửa đất 02 thùng.
- Bố trí công nhân tập kết CTRSH vào thùng rác công cộng trong khu vực. Tần suất 01 lần/ngày.
- Thực hiện đóng phí vệ sinh theo đúng quy định. Tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho công nhân, không vứt rác bừa bãi.

*b.2) Chất thải rắn thông thường*

- Bố trí nhân công thực hiện phát quang trong thời gian 02 ngày.
- Sinh khối được tập kết tại khu đất còn lại của chủ đất, bên trên phủ đất mặt để đảm bảo sinh khối khô không bị gió phát tán.
- Cam kết không thải bỏ ra môi trường xung quanh.

*c) Đối với tiếng ồn, độ rung*

- Sử dụng các phương tiện thi công đạt các yêu cầu kiểm định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ.

- Bố trí thời gian thi công hợp lý: từ 7h đến 11h và từ 13h đến 17h.

- Thực hiện kiểm tra, bảo trì và sửa chữa các phương tiện trước khi đưa vào sử dụng, nhằm hạn chế phát thải và các tác động khác.

→ Các biện pháp đề xuất thực hiện đơn giản, phù hợp với hiện trạng tại vị trí phát sinh chất thải và có tính khả thi cao.

### **3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành**

Dự án vận chuyển và tận thu phân đất dôi dư tại thửa đất số 576 và thửa đất số 418 thuộc tờ bản đồ số 17 với có diện tích 30.000 m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Chủ yếu thực hiện hoạt động đào, bốc dỡ và vận chuyển khối lượng đất dôi dư sử dụng san lấp mặt bằng. Trong quá trình bốc dỡ khối lượng đất dôi dư ra, số lượng công nhân viên của dự án là 14 người và số lượng phương tiện thi công sử dụng:

- Xe cuốc: 4 chiếc;
- Xe ben: 4 chiếc;
- Xà lan: 1 chiếc.

Các nguồn gây tác động trong quá trình hoạt động của dự án bao gồm:

#### **3.2.1. Đánh giá, dự báo tác động**

*a. Đánh giá, dự báo tác động có liên quan đến chất thải*

*a.1). Nước thải sinh hoạt*

- *Nguồn phát sinh:* Nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành chủ yếu từ nước thải vệ sinh của công nhân.

- *Quy mô nguồn thải:* Số lượng công nhân khoảng 14 người/ngày, theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, tiêu chuẩn cấp nước là  $\geq 80$  lít/ngày/người và nước thải sinh hoạt phát sinh bằng  $\geq 80\%$  lượng nước cấp. Nhu cầu sử dụng nước là: 14 người x 80 lít/người/ngày = 1,12 m<sup>3</sup>/ngày. Lượng nước thải phát sinh là: 0,896 m<sup>3</sup>/ngày.

- *Tính chất nguồn thải:* Các thành phần ô nhiễm chính đặc trưng thường thấy ở nước thải sinh hoạt là BOD<sub>5</sub>, COD, SS, Nitơ và Photpho,... Một yếu tố gây ô nhiễm quan trọng trong nước thải sinh hoạt đó là các loại mầm bệnh được lây truyền bởi các vi sinh vật có trong phân. Vi sinh vật gây bệnh cho người bao gồm

các nhóm chính là virus, vi khuẩn, nguyên sinh bào và giun sán gây ra các bệnh lan truyền bằng đường nước như tiêu chảy, ngộ độc thức ăn, vàng da,...

Hệ số ô nhiễm của các chất gây ô nhiễm có trong NTSH chưa được xử lý được tham khảo theo tài liệu *Đánh giá các nguồn gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí tập I, Geneva, 1993* như sau:

*Bảng 3.2. Tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt*

TT	Thông số	Hệ số ô nhiễm (g/người.ngày)
1	BOD <sub>5</sub>	45 – 54
2	COD	72 - 102
3	SS	70 – 145
4	Dầu mỡ	10 – 30
5	Amoni	3,6 - 7,2
6	Tổng coliforms	10 <sup>6</sup> - 10 <sup>9</sup>

(Nguồn: WHO, 1993)

Theo tải lượng ô nhiễm tại bảng trên thì nồng độ ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt trong giai đoạn hoạt động như sau:

*Bảng 3.3. Nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt chưa xử lý*

Chất ô nhiễm	Tải lượng (g/ngày)		Nồng độ (mg/l)		QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, k=1,2
	Min	Max	Min	Max	
BOD <sub>5</sub>	630	756	703,125	675	60
COD	1008	1428	900	1275	-
Chất rắn lơ lửng (TSS)	980	2030	875	1.812,5	120
Dầu mỡ	140	420	125	375	24
Amoni	50,4	100,8	45	90	12
Tổng Coliform	1,4*10 <sup>7</sup> MPN/100ml	1,4*10 <sup>9</sup> MPN/100ml	1,56*10 <sup>7</sup> MPN/100ml	1,56*10 <sup>9</sup> MPN/100ml	5.000

*Ghi chú:*

- *Tải lượng (g/ngày) = hệ số ô nhiễm (g/người/ngày) x số công nhân (người)*
- *Nồng độ (mg/l) = Tải lượng (mg/ngày)/Lưu lượng (lít/ngày).*

Theo số liệu tính toán cho thấy, nồng độ các chất ô nhiễm có trong NTSH rất cao và đều vượt giới hạn so với QCVN 24:2008/BTNMT, cột B với K=1,2.

*Về không gian tác động:* Lưu lượng nước phát sinh rất thấp, công nhân sử dụng chung nhà vệ sinh của chủ đất nên hầu như không gây tác động đến các thành phần môi trường. Chủ yếu là gây sức ép lên công trình xử lý hiện hữu.

*Về thời gian tác động:* Phát sinh và tác động xuyên suốt giai đoạn vận hành của dự án, dự kiến từ tháng 6/2023 đến tháng 12/2023.

*a.2). Nước mưa chảy tràn*

- *Nguồn phát sinh:* Trong giai đoạn vận hành dự án, nguồn gây tác động do ảnh hưởng của nước mưa chảy tràn chủ yếu tại các bờ đất khu vực dự án.

- *Quy mô nguồn thải:* Theo *Handbook for Environment Engineering, 2005* thì lượng nước mưa lớn nhất theo tháng chảy tràn qua khu vực dự án được tính theo công thức:

$$Q = C \cdot I \cdot A / 1.000$$

Trong đó:

+ Q: Lưu lượng nước mưa chảy tràn cực đại (m<sup>3</sup>/tháng).

+ S: Hệ số chảy tràn (C=0,6515).

+ A: Diện tích thoát nước (m<sup>2</sup>).

+ I: Lượng mưa trung bình tháng lớn nhất, theo Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh, lượng mưa cao nhất trong những năm gần đây vào khoảng 456,7mm (tháng 10/2016).

Lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt diện tích của dự án được dự báo như sau:

+ Tại thửa đất 418:  $Q_1 = 0,6515 \cdot 456,7 \cdot 20.000 / 1000 = 5.950 \text{ m}^3/\text{tháng}$

+ Tại thửa đất 576:  $Q_2 = 0,6515 \cdot 456,7 \cdot 10.000 / 1000 = 2.975 \text{ m}^3/\text{tháng}$

- *Không gian tác động:* Khu vực dự án chủ yếu là ao hồ, xung quanh có bờ bao, địa chất các bờ đất có thành phần lớp mặt là đất, bên dưới chủ yếu là cát, có hệ số thấm rất cao, nên phần lớn nước mưa sẽ thấm trên các bờ, và chảy tràn xuống ao trong khu vực dự án. Do đó, không gian tác động chủ yếu là tại khu vực dự án, hầu như không tác động đến các đối tượng xung quanh.

- *Thời gian tác động:* Phát sinh và gây tác động khi có mưa, dự kiến từ tháng 4/2023 đến tháng 12/2023. (Theo Niên giám thống kê, năm 2020 mưa nhiều tập trung chủ yếu vào tháng 6 và tháng 7, nên các tác động của nước mưa chảy tràn cũng tập trung chủ yếu vào 02 tháng này).

a.3). Tác động do bụi và khí thải

- Nguồn phát sinh: Trong quá trình vận hành dự án, các nguồn phát sinh bụi, khí thải bao gồm:

+ Phát sinh từ quá trình bốc, xúc đất hạ độ cao và hoạt động bốc xúc đất lên phương tiện vận chuyển.

+ Phát sinh từ quá trình hoạt động của các phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển.

- Quy mô nguồn thải:

(1) Phát sinh từ hoạt động đào đất

Bụi phát sinh từ các hoạt động đào khối lượng đất dôi dư ra của dự án. Cuốc đất là nguồn chính gây ô nhiễm không khí.

Hệ số ô nhiễm bụi được tính bằng công thức:

$$E = k \times 0,0016 \times \frac{(U/2,2)^{1,3}}{(M/2)^{1,4}} \text{ (kg/tấn)}$$

Trong đó:

- E: Hệ số ô nhiễm (kg/tấn).

- k: Cấu trúc hạt, có giá trị trung bình (0,35).

-  $u_{tb}$ : Tốc độ gió trung bình tại khu vực dự án (1,5 m/s).

- M: Độ ẩm trung bình của vật liệu (80%).

Áp dụng công thức tính được hệ số ô nhiễm

$$E = 0,35 \times 0,0016 \times (1,5/2,2)^{1,4} / (0,8/2)^{1,3} = 0,001 \text{ kg bụi/tấn}$$

Tính toán khối lượng bụi phát sinh từ việc đào đất theo công thức sau:

$$W = E * Q * d$$

Trong đó:

- W: Lượng bụi phát sinh bình quân (kg);

- E: Hệ số ô nhiễm (kg bụi/tấn đất);

- Q: Lượng đất đào ( $m^3$ );

- d: Tỷ trọng đất đào ( $d=1,5 \text{ tấn}/m^3$ ).

Theo tính toán thiết kế thi công thì tổng khối lượng đất đào theo công thức sau:

**Bảng 3.4: Thông số kỹ thuật cơ bản dự án**

STT	Hộ cải tạo vuông nuôi thủy sản	Số thửa	Khối lượng (m <sup>3</sup> )	Diện tích (m <sup>2</sup> )
1	Nguyễn Như Tiên	576	5.000	10.000
2	Nguyễn Bé Hai	418	13.000	20.000
	Tổng		18.000	30.000

(Nguồn: Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm, 2023)

Áp dụng công thức tính khối lượng bụi phát sinh được dự báo như sau:

**Bảng 3.5: Khối lượng bụi phát sinh của khu vực dự án**

STT	Thửa đất	Khối lượng (m <sup>3</sup> )	Khối lượng bụi (kg)
1	576	5.000	5
2	418	13.000	13
	Tổng	18.000	18

(Nguồn: Công ty TNHH Kỹ thuật Môi trường CDM Sóc Trăng tổng hợp)

Hoạt động thi công bốc dỡ khối lượng đất dôi dư ra diễn ra trong thời gian khoảng 60 ngày. Khi đó dự báo khối lượng nồng độ bụi phát sinh theo ngày như sau:

**Bảng 3.6: Khối lượng bụi phát sinh của khu vực dự án**

STT	Thửa đất	Khối lượng bụi (kg/ngày)	Nồng độ bụi (mg/m <sup>3</sup> )	QCVN 05:2013/BTNMT
1	576	0,02	0,0000002	0,3
2	418	0,05	0,00000025	0,3

(Nguồn: Công ty TNHH Kỹ thuật Môi trường CDM Sóc Trăng tổng hợp)

Ghi chú:

Tính toán theo thể tích lớp không khí gần mặt đất khu vực dự án  $V = H \times S$

- Thể tích mặt thoáng của khu vực dự án (m<sup>3</sup>);

- S: diện tích mặt bằng khu vực (m<sup>2</sup>);

- H = 10 m là chiều cao đo các yếu tố khí tượng (m).

Nhận xét:

So sánh với QCVN 05:2013/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (hàm lượng tổng bụi trong thời gian 1 giờ theo QCVN là  $0,3 \text{ mg/m}^3$ ) thì nồng độ bụi trung bình phát sinh khu vực dự án đều đạt quy chuẩn. Với vị trí dự án cách nhà dân từ 50 – 100 m thì hầu như lượng bụi trong quá trình đào, bốc dỡ khối lượng đất không ảnh hưởng đến người dân xung quanh.

Mặt khác hầu hết loại bụi này có kích thước lớn nên có khả năng sa lắng ngay tại vị trí phát sinh, riêng bụi có kích thước nhỏ theo gió phát tán nên chủ dự án sẽ tiến hành bơm phun nước bề mặt trước khi bốc dỡ khối lượng đất tạo độ ẩm hạn chế phát sinh lượng bụi có kích thước nhỏ gây ảnh hưởng đến hoạt động nuôi thủy sản của người dân khu vực.

(2) Phát sinh từ quá trình hoạt động của các phương tiện thi công:

Bảng 3.7. Bảng tổng hợp nhiều liệu tiêu hao của máy móc thi công

STT	Nguyên – nhiên liệu	Số lượng (hoạt động)	Định mức (lít/ca)	Tổng khối lượng (lít/ca)
1	Máy cuốc (dung tích gàu $0,8 \text{ m}^3$ )	4	65	260
	Tổng			260

Theo bảng trên, lượng dầu DO tối đa sử dụng là  $260 \text{ lít/ca} = 32,5 \text{ lít/giờ} = 27,95 \text{ kg/giờ}$  (Tỷ trọng của dầu DO là  $0,86 \text{ kg/lít}$ ).

Theo Viện Nhiệt đới Môi trường Tp. Hồ Chí Minh, lượng khí thải thực tế khi đốt 1 kg dầu DO ở nhiệt độ thường ( $\text{Nm}^3$ : N= nomal, nhiệt độ  $15\text{-}20^\circ\text{C}$ , 1 atm; Riêng Việt Nam lấy nhiệt độ này là nhiệt độ phòng:  $25^\circ\text{C}$ ) khoảng 22 - 25  $\text{Nm}^3$  khí thải. Lưu lượng khí thải tối đa của các phương tiện thi công trong 1 giờ:

$$25 \text{ Nm}^3 * 27,95 \text{ kg/giờ} = 698,75 \text{ Nm}^3/\text{giờ} = 0,194 \text{ Nm}^3/\text{s}.$$

Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm phát thải như sau:

Bảng 3.5. Tải lượng và nồng độ ô nhiễm khí thải của các thiết bị thi công

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn)*	Tải lượng ô nhiễm (g/s)	Nồng độ ô nhiễm ( $\text{mg/Nm}^3$ )	QCVN19:2009/ BTNMT, ( $\text{mg/Nm}^3$ )
1	Bụi	0,71	0,0055	28,41	200

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn)*	Tải lượng ô nhiễm (g/s)	Nồng độ ô nhiễm (mg/Nm <sup>3</sup> )	QCVN19:2009/BTNMT, (mg/Nm <sup>3</sup> )
2	SO <sub>2</sub>	20S	0,0008	4,00	500
3	NO <sub>x</sub>	9,62	0,0747	384,99	850
4	VOC	0,791	0,0061	31,66	-

(Nguồn: “\*”*Assessment of sources of air, water, and land pollution - WHO, 1993*)

Ghichú:

S: Hàm lượng lưu huỳnh có trong dầu DO là 0,05%.

“-“: không quy định.

**Nhận xét:**

Kết quả tính toán cho thấy nồng độ ô nhiễm khí thải do quá trình bốc dỡ khối lượng đất dôi dư ra tại khu vực dự án đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT. Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động tới môi trường và sức khỏe công nhân thi công tại công trường.

(3) *Phát sinh từ phương tiện vận chuyển khối lượng đất dôi dư ra đến vị trí bãi tập kết*

- Phương tiện vận chuyển đường bộ: trong quá trình vận chuyển khối lượng đất dôi dư về bãi tập kết sử dụng xe ben với tải trọng 12 tấn. Trong quá trình vận chuyển sử dụng nhiên liệu do đó phát sinh chất gây ô nhiễm chủ yếu là bụi, khói có chứa CO, SO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub> và hydrocacbon.

Khối lượng đất cần vận chuyển là 13.000 m<sup>3</sup> tương đương 19.500 tấn. Nếu sử dụng xe vận chuyển có tải trọng trung bình 10 tấn và với thời gian vận chuyển dự kiến khoảng 240 ngày thì ước tính cần khoảng 1.950 lượt xe, trung bình 8 lượt xe/ngày. Đoạn đường vận chuyển từ dự án đến bãi tập kết của Công ty TNHH VLXD Ngọc Tâm khoảng 4 km.

*Bảng 3.6: Tải lượng ô nhiễm của phương tiện vận chuyển đường bộ*

Stt	Chất ô nhiễm	Điều kiện vận chuyển	Hệ số ô nhiễm (g/xe.km)	Lượt xe (Lượt)	Khoảng cách (km)	Tải lượng (g/ngày)
1	Bụi	<i>Chạy có tải</i>	1.19	8	4	38,08
		<i>Chạy không tải</i>	0.611	8	4	19,552

Stt	Chất ô nhiễm	Điều kiện vận chuyển	Hệ số ô nhiễm (g/xe.km)	Lượt xe (Lượt)	Khoảng cách (km)	Tải lượng (g/ngày)
2	SO <sub>2</sub>	Chạy có tải	0.786	8	4	25,152
		Chạy không tải	0.582	8	4	18,624
3	NO <sub>x</sub>	Chạy có tải	2.96	8	4	94,72
		Chạy không tải	1.62	8	4	51,84
4	CO	Chạy có tải	1.78	8	4	56,96
		Chạy không tải	0.913	8	4	29,216
5	VOC	Chạy có tải	1.27	8	4	40,64
		Chạy không tải	0.511	8	4	16,352

(Nguồn: Công ty TNHH Kỹ thuật Môi trường CDM Sóc Trăng tổng hợp)

**Ghi chú:**

- Khối lượng riêng của dầu Diesel ở 15<sup>0</sup>C là 820 – 860 kg/m<sup>3</sup>. Ta chọn ρ=860kg/m<sup>3</sup>.

- Hàm lượng lưu huỳnh trong dầu lấy bằng 0,05%.

Theo kết quả tính toán, tải lượng phát sinh chất ô nhiễm không khí từ phương tiện vận chuyển đường bộ rất thấp.

Đây là nguồn thải không cố định, khí thải phát tán theo chiều dài của quãng đường vận chuyển. Do đó, phạm vi ảnh hưởng của nguồn thải đối với người dân và môi trường không khí dọc theo tuyến đường vận chuyển là không đáng kể.

- Phương tiện vận chuyển đường thủy. Quá trình vận chuyển đất dôi dư từ dự án về bãi tập kết, dự án sử dụng xà lan 100 tấn. Lượng bùn đất cần vận chuyển là 5.000m<sup>3</sup>, tương đương 7.500 tấn thì cần 75 lượt vận chuyển. trung bình mỗi ngày 1 lượt vận chuyển. Chiều dài tuyến đường vận chuyển khoảng 10 km (5km có tải và 5km không tải).

Hệ số phát thải của tàu và xà lan chạy bằng động cơ Diesel như sau:

Bảng 3.7: Tải lượng ô nhiễm của phương tiện vận chuyển đường thủy

Chất ô nhiễm	Bụi	SO <sub>2</sub>	NO <sub>x</sub>	CO	VOC
Hệ số phát thải (kg/10.000km) (*)	6,8	136S	90,7	0,036	4,1
Tải lượng ô nhiễm (g/km)	0,68	13,6S	9,07	0,0036	0,41

((\*) Nguồn: WHO, 1993)

Theo kết quả tính toán, tải lượng phát sinh chất ô nhiễm không khí từ phương tiện vận chuyển đường thủy rất thấp.

Đây là nguồn thải không cố định, khí thải phát tán theo chiều dài của quãng đường vận chuyển. Do đó, phạm vi ảnh hưởng của nguồn thải đối với người dân và môi trường không khí dọc theo tuyến đường vận chuyển là không đáng kể.

#### *a.4). Chất thải rắn thông thường*

Dự án chủ yếu là bóc dỡ khối lượng đất dôi dư tại 02 thửa đất 418 và 576 nên trong quá trình hoạt động của dự án có các loại chất thải rắn phát sinh như sau:

#### **Chất thải rắn sinh hoạt**

- *Nguồn phát sinh:* Từ các hoạt động của công nhân, dự kiến tối đa 14 người.

- *Quy mô nguồn thải:* Khối lượng CTRSH phát sinh trong giai đoạn vận hành được tính toán theo công thức sau:

$$M_{CTRSH} = N (\text{người}) * M_{dm} (\text{kg/người/ngày}) = 14 * 0,4 = 5,6 (\text{kg/ngày})$$

Trong đó:

+  $M_{CTRSH}$ : Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong một ngày (kg/ngày).

+ N: số công nhân làm việc tại dự án.

+  $M_{dm}$ : Định mức phát sinh chất thải rắn sinh hoạt. Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD, CTRSH phát sinh vào khoảng 0,8 kg/người/ngày. Tuy nhiên, công nhân làm việc trung bình 8 giờ/ngày, không có lưu trú, không có hoạt động nấu ăn tại dự án, nên CTRSH phát sinh trung bình khoảng 0,4kg/người/ngày.

- *Tính chất nguồn thải:* thành phần chính là chất hữu cơ dễ phân hủy, phần còn lại là giấy vụn, nylon, nhựa cao su, thành phần vô cơ và hữu cơ khó phân hủy. Tuy khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án là không lớn, nhưng nếu không được thu gom và xử lý tốt thì sẽ gây ô nhiễm môi trường, nhất là nguồn nước mặt tại khu vực dự án, ảnh hưởng xấu đến đời sống của các giống loài thủy sinh, nguồn nước cấp phục vụ cho nuôi trồng thủy sản. Ngoài ra, các chất hữu cơ trong rác thải sinh hoạt trong quá trình phân hủy chất thải hữu cơ trong rác thải phát sinh các chất độc hại ( $CH_4$ ,  $H_2S$ ,...), tạo điều kiện cho các vi sinh vật gây bệnh phát triển, gây nguy cơ phát sinh và lây truyền mầm bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân làm việc.

- *Về không gian tác động:* CTRSH có trọng lượng riêng tương đối nặng, khó phát tán vào không khí hay phát tán theo gió ra xung quanh. Do đó, không gian tác động chủ yếu tại khu vực phát sinh.

- *Về thời gian tác động*: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn vận hành dự án, dự kiến từ tháng 6/2023 đến tháng 12/2023.

**Chất thải rắn thông thường**

- *Nguồn phát sinh*: Chất thải rắn thông thường phát sinh tại dự án chủ yếu là phần đất bị dính vào bánh xe ben trong quá trình vận chuyển từ thửa đất bốc dỡ đến đường nhựa nông thôn.

- *Quy mô nguồn thải*: Khối lượng ước tính phát sinh từ 100 kg/ngày.

- *Tính chất nguồn thải*: thành phần chủ yếu là bùn đất, cát. Khối lượng đất dính bám vào phương tiện vận chuyển nếu không được thu gom và quản lý tốt sẽ gây ảnh hưởng đến an toàn khi tham gia giao thông đặc biệt vào những ngày có mưa sẽ gây trơn trượt và mất mỹ quan khu vực dự án và trên đường vận chuyển. Do đó, Chủ đầu tư cần phải có phương án thu gom và quản lý không gây ảnh hưởng đến hoạt động của người dân và mỹ quan khu vực dự án và xung quanh.

- *Không gian tác động*: tại khu vực dự án, dọc theo tuyến đường vận chuyển từ thửa đất khai thác tận thu đến bãi tập kết của công ty.

- *Về thời gian tác động*: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn vận hành dự án, dự kiến từ tháng 6/2023 đến tháng 12/2023.

**a.5). Chất thải nguy hại**

- *Nguồn phát sinh*: CTNH phát sinh của dự án trong giai đoạn này chủ yếu là quá trình bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là dầu nhớt thải, bình Ắc quy thải, giẻ lau dính dầu nhớt từ quá trình bảo dưỡng thiết bị,...

- *Quy mô nguồn thải*: Khối lượng CTNH phát sinh không thường xuyên, chỉ phát sinh khi tiến hành vệ sinh phương tiện, thay dầu nhớt định kỳ hoặc do rò rỉ từ quá trình cấp nhiên liệu. Ước tính khối lượng phát sinh khoảng 296 kg/năm.

*Bảng 3.8. Khối lượng CTNH phát sinh của dự án*

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/ 12 tháng)	Mã CTNH
1	Giẻ lau, bao tay dính dầu	Rắn	20	18 02 01
2	Dầu, nhớt thải	Lỏng	216	17 02 04
3	Bình ắc quy	Rắn	60	17 02 04
<b>Tổng cộng</b>			<b>296</b>	

Theo kết quả điều tra, khảo sát dầu nhớt thải trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thực hiện năm 2002 và số liệu tham khảo từ các cơ sở sửa chữa ô tô cho thấy:

- Lượng dầu nhớt thải ra từ các phương tiện vận chuyển và thi công cơ giới trung bình 7 - 12 lít/lần thay;

- Chu kỳ thay nhớt và bảo dưỡng máy móc: trung bình khoảng 6 tháng.

Số lượng phương tiện thi công ước tính có mặt tại công trình phải thực hiện bảo trì định kỳ mà có phát sinh dầu nhớt thải là 2 phương tiện. Khối lượng dầu nhớt thải phát sinh được dự báo như sau:

$$Q_{\text{dầu nhớt thải}} = 12(\text{lít/lần}) * 9 (4 \text{ xe cuốc}, 4 \text{ xe ben}, 01 \text{ xà lan}) * 2 (\text{lần/năm}).$$
$$= 216 \text{ lít.}$$

*Một số loại chất thải nguy hại khác*

- Giẻ lau dính dầu nhớt: Giẻ lau được sử dụng trong quá trình bảo trì, sửa chữa máy móc thiết bị với số lượng khá ít và không có định mức cụ thể. Ước tính sơ bộ khối lượng giẻ lau phát sinh trong quá trình sửa chữa, bảo trì là 2 kg/tháng.

- Ấc quy thải: Ấc quy thải phát sinh trong quá trình sửa chữa, bảo trì thiết bị. Nguồn thải này thường phát sinh định kỳ theo tuổi thọ của bình ắc quy. Dự báo khối lượng ắc quy thải trong suốt thời gian thi công của dự án là khoảng 4 cái, tương đương với 4 phương tiện thi công. Khối lượng trung bình của ắc quy là khoảng 15 kg, như vậy tổng khối lượng ắc quy thải là 60 kg.

*- Tính chất nguồn thải:*

CTNH khi không được quản lý và xử lý theo đúng quy định sẽ gây ra những tác động tiêu cực lên các thành phần môi trường đất, nước, không khí, cũng như ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp lên sức khỏe con người. Cơ chế tác động và tích lũy của CTNH lên sinh vật sẽ khác nhau phụ thuộc vào loài, thể trạng, điều kiện tiếp xúc. Các tác động tiêu cực của CTNH đối với môi trường và sức khỏe con người được biểu hiện cụ thể ở tính chất của CTNH như sau:

- *Chất dễ cháy:* Các chất thải ở thể rắn hoặc lỏng mà bản thân chúng có thể nổ do kết quả của phản ứng hóa học (khi tiếp xúc với ngọn lửa, bị va đập hoặc ma sát) hoặc tạo ra các loại khí ở nhiệt độ, áp suất và tốc độ gây thiệt hại cho môi trường xung quanh. Gây tổn thương da, bỏng và có thể dẫn đến tử vong, phá hủy vật liệu, phá hủy công trình. Từ quá trình cháy nổ, các chất dễ cháy nổ hay sản

phẩm của chúng cũng có đặc tính nguy hại, phát tán ra môi trường, gây ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí.

- *Có độc tính:*

+ Độc tính nguy hại: do hóa chất có thể gây ngộ độc qua da, niêm mạc, hít hay ăn phải hoặc gây thương tích như bỏng. Ảnh hưởng gián tiếp các yếu tố nguy hại này xảy ra do nhiễm độc nước ngầm khi các chất này được quản lý và xử lý không tốt.

+ Độc di truyền: Các chất độc có đặc tính gây đột biến gen, gây hư hại ADN, gây quái thai hoặc gây ung thư.

- *Độc tính sinh thái:* các chất thải có thành phần nguy hại gây tác hại nhanh chóng hoặc từ từ đối với môi trường và các hệ sinh vật thông qua tích lũy sinh học.

- *Không gian tác động:* tại khu vực dự án, khu vực sửa chữa phương tiện.

- *Về thời gian tác động:* Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn vận hành dự án, dự kiến từ tháng 6/2023 đến tháng 12/2023.

b) *Xác định nguồn phát sinh và mức độ tác động của tiếng ồn, độ rung*

b.1). *Tiếng ồn*

- *Nguồn phát sinh:* Tiếng ồn phát sinh từ phương tiện thi công và phương tiện vận chuyển.

- *Mức độ:* Mức ồn các nguồn cách nguồn của các phương tiện vận chuyển và thi công được tính toán theo công thức sau:

$$L_p(X) = L_p(X_0) + 20 \log_{10}(X_0/X)$$

Trong đó:

-  $L_p(X_0)$ : mức ồn cách nguồn 1m (dBA).

-  $L_p(X)$ : Mức ồn tại vị trí cần tính toán.

-  $X$ : vị trí cần tính toán.

-  $X_0 = 1m$ .

Mức ồn do máy móc thi công gây ra được thể hiện ở bảng sau:

**Bảng 3.9. Mức ồn tối đa từ hoạt động của máy cơ giới**

STT	Loại máy móc	Mức ồn ứng với khoảng cách 1m		Mức ồn ứng với khoảng cách					
		Khoảng	TB	5m	10m	20m	50m	100m	200m
1	Xe ben	82-94	88	74,0	68,0	62,0	54,0	48	42
2	Xe cuốc	75-98	86,5	72,5	66,5	60,5	52,5	46,5	40,5
QCVN 26:2010/BTNMT: 70dBA (6-21h)									

(Nguồn: Môi trường không khí, Phạm Ngọc Đăng, NXB Khoa học kỹ thuật, 2003)

Tác động của tiếng ồn đối với cơ thể con người ở các dải tần khác nhau được thể hiện cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 3.10. Tác hại của tiếng ồn đối với sức khỏe con người**

TT	Mức ồn (dBA)	Tác động đến người nghe
1	0	Nguưỡng nghe thấy
2	100	Bắt đầu làm biến đổi nhịp đập của tim
3	110	Kích thích mạnh màng nhĩ
4	120	Nguưỡng chói tai
5	130 ÷ 135	Gây bệnh thần kinh, nôn mửa, làm yếu xúc giác và cơ bắp
6	140	Đau chói tay, gây bệnh mất trí, điên
7	145	Giới hạn cực đại mà con người có thể chịu được tiếng ồn
8	150	Nếu nghe lâu sẽ bị thủng màng nhĩ
9	160	Nếu nghe lâu sẽ nguy hiểm
10	190	Chỉ cần nghe trong thời gian ngắn đã bị nguy hiểm

(Nguồn: Môi trường không khí, Phạm Ngọc Đăng, NXB Khoa học kỹ thuật, 2003)

Mức ồn cao hơn tiêu chuẩn cho phép sẽ gây ảnh hưởng tới sức khỏe của người lao động như gây mất ngủ, mệt mỏi, gây tâm lý khó chịu. Mức ồn cao còn làm giảm năng suất lao động. Tiếp xúc với tiếng ồn có cường độ lớn trong thời gian dài sẽ làm cho thính giác giảm sút, dẫn tới bệnh điếc nghề nghiệp.

- *Không gian tác động*: Theo bảng 3.9 Mức ồn tối đa từ hoạt động của máy cơ giới cho thấy tiếng ồn phát sinh vượt quy chuẩn ở khoảng cách từ 1-5 m so với phương tiện xe cuốc và xe tải tuy nhiên vị trí dự án cách nhà dân tối thiểu là 50 m do đó hoạt động của dự án phát sinh tiếng ồn hầu như không ảnh hưởng đến người dân khu vực.

- *Về thời gian tác động*: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn vận hành dự án, dự kiến từ tháng 6/2023 đến tháng 12/2023.

*b.2). Độ rung*

- *Nguồn phát sinh*: Phát sinh từ các phương tiện thi công và phương tiện vận chuyển.

- *Mức độ*: Mức độ rung có thể xác định nhanh trên cơ sở số liệu được USEPA (US Environmental Protection Agency – Cơ quan bảo vệ môi trường của Mỹ) xác lập nêu tại bảng sau:

*Bảng 3.11. Mức độ gây rung của một số máy móc xây dựng*

STT	Thiết bị	Mức độ rung động (theo hướng thẳng đứng Z, dB)	
		Cách nguồn gây rung động 10m	Cách nguồn gây rung động 30m
1	Xe cuốc, xe đào đất	75	71
2	Xe tải	74	64
	<b>QCVN 27:2010/BTNMT</b>	75	

(Nguồn: Tổng cục môi trường tổng hợp số liệu của USEPA, năm 2010)

Số liệu trên cho thấy các phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công hoạt động tại dự án có độ rung tương đối thấp và nằm trong giới hạn cho phép.

*c) Nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường có thể xảy ra của dự án*

*c.1). An ninh trật tự, an toàn lao động và an toàn giao thông khu vực*

- An ninh trật tự: Do dự án sử dụng lao động tương đối ít và lại là lao động địa phương nên xác suất xảy ra những xung đột, mâu thuẫn giữa nội bộ

công nhân hoặc công nhân với người dân địa phương là rất thấp.

- An toàn giao thông: Tai nạn giao thông có nguy cơ xảy ra trong quá trình thi công vận chuyển do sự gia tăng về số lượng và mật độ các loại phương tiện hoạt động. Tai nạn giao thông sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản và tính mạng cũng như gây ra các sự cố môi trường nghiêm trọng. Nguyên nhân thường là do chủ phương tiện không đảm bảo tình trạng kỹ thuật của máy móc, thiết bị hoặc do không tuân thủ các nguyên tắc an toàn giao thông. Trong quá trình vận chuyển làm gia tăng mật độ phương tiện giao thông tại khu vực dự án và khu vực xung quanh sẽ có thể ảnh hưởng đến giao thông bộ, đường thủy. Tuy nhiên, để đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển chủ dự án sẽ thực hiện đúng các qui định về an toàn giao thông khi vận chuyển.

- Sụt lún đường giao thông: Ngoài ra, trong quá trình vận chuyển đường bộ, nếu các phương tiện vận chuyển có tải trọng vượt quá tải trọng cho phép có thể phát sinh sự cố sụt lún đường giao thông.

- Tai nạn lao động: Điều kiện thời tiết khắc nghiệt có khả năng gây mệt mỏi, choáng váng hay ngất cho nhân viên trong khi lao động nhất là trong điều kiện nắng nóng. Tai nạn trong quá trình lao động có thể xuất phát từ việc người lao động bất cẩn, thao tác không đúng kỹ thuật hay do thiết bị hư hỏng gây ra tai nạn cho người lao động hoặc do thiếu ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh về nội quy an toàn lao động. Thời gian làm việc liên tục và lâu dài có thể ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe của công nhân, gây tình trạng mệt mỏi, choáng váng hay ngất xỉu cho nhân viên tại công trường.

#### *c.2). Sự cố tràn dầu, rò rỉ dầu, nhớt*

Hoạt động bốc dỡ và vận chuyển khối lượng đất dôi dư của dự án sẽ được thực hiện bởi phương tiện như xe cuốc, xe ben nên trong quá trình hoạt động sử dụng lượng nhiên liệu dầu, nhớt. Do đó, có khả năng xảy ra hiện tượng rò rỉ dầu, nhớt từ phương tiện thi công xuống khu vực dự án.

Dự án có sử dụng phương tiện vận chuyển đường thủy (xà lan), khi xảy ra tai nạn giao thông đường thủy thì rủi ro sự cố tràn dầu là rất lớn.

Rò rỉ dầu, nhớt từ phương tiện, vận chuyển thi công có các tác động đến môi trường nước mặt, phân dầu loang trên mặt nước làm giảm khả năng khuếch tán oxy vào trong nước, thay đổi tính chất hoá lý của nước như thay đổi màu, mùi, vị, tăng độ nhớt,... ảnh hưởng đến hoạt động nuôi thủy sản của các hộ dân khu vực dự án.

#### *c.3). Sự cố sạt lở bờ ao, vuông nuôi thủy sản*

Việc sử dụng xe cuốc đào, bốc dỡ khối lượng đất dôi ra của dự án tại 02 thửa đất tạo áp lực lên bờ và khối lượng bốc dỡ nhiều hơn so với tính toán gây tràn bờ hoặc sạt lở các đoạn bờ ao, vuông lân cận.

Sự cố sạt lở bờ ao, ruộng nuôi tôm ảnh hưởng đến tiến độ thi công dự án do việc phải tổ chức khắc phục sự cố. Tác động này có thể giảm thiểu được nhờ tuân thủ kịp thời khi phát hiện sự cố.

### 3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

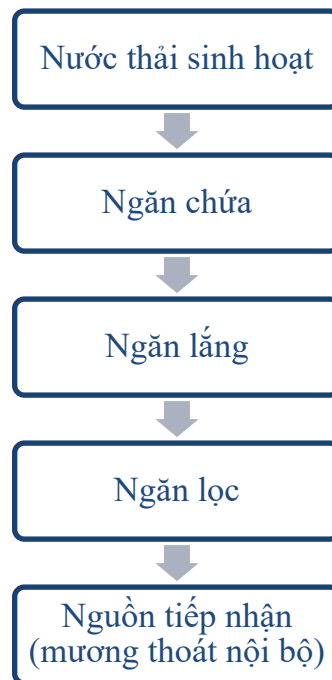
#### a) Đối với công trình xử lý nước thải

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn.

- Vị trí: hiện trạng tại thửa 418 có nhà của chủ đất, đã có hầm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo khả năng xử lý nước thải sinh hoạt trong giai đoạn vận hành dự án.

- Quy mô: thể tích hầm tự hoại 2,64 m<sup>3</sup> đảm bảo khả năng xử lý nước thải sinh hoạt trong giai đoạn vận hành.

- Quy trình xử lý:



Hình 3.1 Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt

- Thuyết minh quy trình

Nước thải từ nhà vệ sinh được đưa về hầm tự hoại để xử lý. Nước thải khi đi vào hầm sẽ qua lần lượt các ngăn: ngăn chứa phân – ngăn lắng – ngăn lọc. Vai trò của hầm tự hoại là lắng các chất rắn, phân hủy yếm khí các chất hữu cơ có trong nước thải, sau khi qua ngăn lọc thì các cặn lơ lửng khó lắng và mùi hôi sẽ được vật liệu lọc giữ lại (cát, đá, sỏi, than hoạt tính). Nước thải sau khi qua hầm

tự hoại được thải ra mương thoát nước nội bộ của chủ đất theo phương thức tự chảy.

- Nguồn tiếp nhận: nước thải sau hầm tự hoại được xả ra nguồn tiếp nhận là mương thoát nội bộ của chủ đất.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.

*Việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu phát sinh nước thải sinh hoạt của dự án sẽ hạn chế các tác động tiêu cực, dễ thực hiện, mang lại hiệu quả tích cực trong công tác quản lý, xử lý chất thải.*

*b) Đối với công trình xử lý bụi, khí thải*

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên khi làm việc, chủ yếu là khẩu trang và mắt kính.

- Phun nước để tăng độ ẩm và làm hạn chế khả năng phát sinh bụi vào các ngày nắng nóng, gió mạnh tại các vị trí đang thi công. Tần suất phun nước giảm bụi là 02 lần/ngày, tùy nhiên tùy thuộc vào thời tiết, có thể tăng hoặc giảm số lần phun nước tạo độ ẩm.

- Các phương tiện vận chuyển hoạt động đúng với tải trọng quy định, có bạt che kín các thùng xe nhằm giảm thiểu lượng đất rơi vãi và phát tán bụi trên đường vận chuyển.

- Định kỳ vệ sinh phương tiện vận chuyển sau mỗi ca làm việc như: phun xịt nước rửa đất cát bám vào bánh xe, thân xe nhằm tránh tích tụ đất với khối lượng lớn, từ đó giảm thiểu tối đa phát sinh bụi, làm rơi vãi đất cát trên đường vận chuyển.

- Đối với quảng đường vận chuyển trên đường nhựa nông thôn đến khu vực san lấp mặt bằng/bãi tập kết các xe vận chuyển đất sẽ được phủ bạt, phân công công nhân quét dọn đảm bảo không để lượng đất rơi vãi gây ảnh hưởng đến giao thông.

- Các thiết bị hoạt động phải sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp (không quá 0,5%S), chủ dự án sẽ sử dụng nhiên liệu dầu Diesel có hàm lượng lưu huỳnh 0,25%.

- Tất cả các thiết bị thi công cơ giới phải được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ theo quy định và đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, không sử dụng các loại máy móc quá cũ, kém chất lượng;

- Để đảm bảo sức khỏe, giờ nghỉ của nhân công làm việc tại dự án và các hộ dân sống xung quanh khu vực khai thác, thời gian vận chuyển và hoạt động của các phương tiện sẽ được bố trí một cách phù hợp. Không hoạt động trong thời gian: Trưa từ 11h0 đến 13h00, chiều từ 17h00 đến 07h sáng hôm sau.

*Việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải khí và bụi của dự án sẽ hạn chế các tác động tiêu cực, dễ thực hiện, mang lại hiệu quả tích cực trong công tác quản lý, xử lý chất thải.*

*c. Đối với công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường*

*c.1). Chất thải rắn sinh hoạt*

Các biện pháp được áp dụng nhằm thu gom, lưu giữ xử lý CTRSH trong giai đoạn vận hành:

- Tiếp tục duy trì các biện pháp đã được áp dụng trong giai đoạn xây dựng bao gồm: trang bị 04 thùng chứa rác, mỗi thùng dung tích 20 lít. Tại mỗi thửa đất khai thác bố trí 02 thùng. Cuối ngày bố trí công nhân thu gom bỏ vào thùng rác công cộng, thực hiện đóng phí vệ sinh theo đúng quy định.

- Tuyên truyền công nhân ý thức giữ gìn vệ sinh, không xả rác bừa bãi tại khu vực thi công phải bỏ rác vào thùng rác đã được trang bị.

*c.2). Chất thải rắn thông thường (đất rơi vãi)*

Đối với khối lượng đất rơi vãi của các phương tiện vận chuyển được Chủ đầu tư đưa ra các biện pháp khắc phục cụ thể như sau:

- Trang bị dụng cụ thu gom như chổi, đồ hút rác yêu cầu công nhân trong quá trình vận chuyển sẽ phải thu gom hoàn toàn lượng đất rơi vãi phát sinh.

- Lượng đất dính bám vào phương tiện vận chuyển sau khi tách ra và lượng đất rơi vãi sẽ được thu gom vào xe vận chuyển đến bãi tập kết.

*Việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu, xử lý chất thải rắn của dự án sẽ hạn chế các tác động tiêu cực, dễ thực hiện, xử lý được khối lượng chất thải phát sinh, mang lại hiệu quả tích cực trong công tác quản lý, xử lý chất thải.*

*d. Công trình, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại*

Các phương tiện, thiết bị thi công khi thực hiện thay nhớt, bình ắc quy sẽ phát sinh lượng chất thải nguy hại như nhớt thải; bình ắc quy; giẻ lau dính dầu nhớt do đó chủ dự án sẽ thực hiện thay nhớt, bình ắc quy của phương tiện tại địa điểm Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Lượng chất thải nguy hại phát sinh sẽ được thu gom và lưu chứa vào 04 thùng nhựa (02 thùng có dung tích là 120 lít chứa nhớt thải và 01 thùng có dung tích là 50 lít chứa giẻ lau và 01 thùng có dung tích 50 lít chứa bình ắc quy thải).

Phân loại chất thải nguy hại và chất thải thông thường riêng biệt, lưu chứa và quản lý lượng chất thải phát sinh tại Công ty theo quy định.

Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đã được cấp giấy phép vận chuyển và xử lý CTNH đến vận chuyển và xử lý theo quy định. Định kỳ báo cáo về việc lưu giữ và công tác xử lý CTNH tại dự án với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh theo quy định.

Việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu, xử lý CTNH của dự án sẽ hạn chế các tác động tiêu cực, thực hiện theo đúng quy định hiện hành, xử lý được khối lượng chất thải phát sinh, mang lại hiệu quả tích cực trong công tác quản lý, xử lý CTNH.

*Việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu, xử lý CTNH của dự án sẽ hạn chế các tác động tiêu cực, thực hiện theo đúng quy định hiện hành, xử lý được khối lượng chất thải phát sinh, mang lại hiệu quả tích cực trong công tác quản lý, xử lý CTNH.*

*đ) Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung*

Để giảm thiểu tiếng ồn từ các phương tiện, thiết bị chủ dự án thực hiện các giải pháp như sau:

- Thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng động cơ của các thiết bị phương tiện thi công. Sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ để giảm thiểu khả năng gây ồn.

- Đối với người lao động trực tiếp trong công trường cần được trang bị nút tai chống ồn để đảm bảo sức khỏe.

- Thời gian thi công hợp lý: từ 7 giờ đến 11 giờ và từ 13 giờ đến 17 giờ hàng ngày.

- Bố trí các phương tiện vận chuyển và thi công hợp lý, hạn chế tập trung hoạt động cùng lúc tại một vị trí.

- Các phương tiện vận chuyển đảm bảo đạt các yêu cầu kiểm định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

*Việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu sẽ hạn chế các tác động tiêu cực phát sinh, dễ thực hiện, giảm thiểu tiếng ồn và độ rung phát sinh. Tiếng ồn đạt QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, độ rung đạt QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.*

*e) Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường*

*e.1). An toàn giao thông*

- Xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, điều tiết phương tiện phù hợp với tình hình thực tế của khu vực.

- Phương tiện vận chuyển khối lượng đất sau bốc dỡ phải luôn thực hiện chở đúng tải trọng và tuân thủ tốc độ khi tham gia giao thông và đăng ký, đăng kiểm theo quy định.

- Các phương tiện máy móc, thiết bị sử dụng đều được kiểm định về chất lượng, an toàn khi vận hành; Trong suốt thời gian hoạt động, chủ dự án phải thực hiện đúng phương án, biện pháp, thời gian hoạt động đã được phê duyệt, phải đảm bảo an toàn giao thông thông suốt;

- Tuyên truyền, nhắc nhở nhân viên phải tuân thủ đúng quy định về an toàn giao thông (phạm vi lưu thông, tốc độ lưu thông, báo hiệu an toàn,...).

### *e.2). Đảm bảo an ninh trật tự*

Xây dựng nội quy làm việc, xử lý nghiêm hành vi gây mất đoàn kết tại khu vực dự án. Tích cực phối hợp với chính quyền địa phương quản lý nhân viên làm việc tại dự án. Đồng thời, chủ dự án sẽ quản lý chặt chẽ nhân viên đảm bảo không ảnh hưởng đến đời sống người dân gần khu vực dự án. Đảm bảo thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường để không ảnh hưởng đến đời sống, hoạt động sản xuất của người dân.

### *e.3) Tai nạn lao động*

Chủ dự án thực hiện biện pháp giảm thiểu như sau: Công nhân được hướng dẫn nội quy công trình, nhắc nhở nhân viên đảm bảo an toàn lao động, bố trí thời gian nghỉ ngơi cho nhân viên tránh tình trạng làm việc quá sức để gây nên hậu quả đáng tiếc. Có chế độ bồi thường cho người gặp tai nạn.

- Nâng cao ý thức tự bảo vệ mình của nhân viên lao động và nghiêm túc thực hiện tốt các quy định về bảo hộ lao động, thường xuyên tuyên truyền về an toàn lao động và vệ sinh môi trường cho nhân viên lao động trên công trường.

- Các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo trì thường xuyên.

- Quy định các nội quy làm việc tại dự án, bao gồm nội quy ra, vào nơi làm việc; nội quy về bảo hộ lao động; nội quy sử dụng các thiết bị,....

- Trang bị các dụng cụ sơ cấp cứu tạm thời: thuốc, bông băng,... và có kế hoạch cấp cứu tạm thời cho nhân viên trong trường hợp công nhân bị ngã hoặc bị thương.

- Tập huấn về an toàn lao động cho nhân viên, xử lý nghiêm các trường hợp không tuân thủ an toàn lao động: không tuân thủ bảo hộ lao động, uống rượu bia trong thời gian làm việc, đùa nghịch,...

*e.4). Giảm thiểu sự cố rò rỉ dầu, nhớt, sự cố tràn dầu*

Theo Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 63/2014/QĐ-TTg ngày 11/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ, tại dự án có sử dụng sà lan có dung tích chứa 400RT trở lên thì chủ phương tiện phải thực hiện lập Kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu của tàu được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt theo quy định. Với công suất chở của sà lan mà dự án sử dụng để chở cát, đất là 200 tấn thì dung tích của sà lan < 100RT. Vậy với quy mô sà lan được sử dụng tại dự án thì không cần phải thực hiện hồ sơ trên.

Tuy nhiên, chủ doanh nghiệp cần phải thực hiện các công tác sau để hạn chế tác động từ sự cố này:

Sử dụng phương tiện vận tải đã qua kiểm định;

Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc, phương tiện để không làm phát sinh sự cố rò rỉ, tràn dầu;

Tuân thủ các biện pháp phòng ngừa tai nạn giao thông thủy đã được đề xuất.

Khi xảy ra sự cố rò, rỉ dầu nhớt chủ dự án sẽ yêu cầu công nhân khắc phục ngay tình trạng rò rỉ dầu, nhớt bằng các biện pháp sau:

- Tạm dừng ngay hoạt động của các phương tiện thi công và vận chuyển khối lượng đất bốc dỡ bị rò rỉ dầu nhớt để giảm tình trạng lan tràn ra khu vực xung quanh.

- Thường xuyên kiểm tra; bảo trì, bảo dưỡng và thay thế phụ tùng của phương tiện thi công và vận chuyển.

- Tiến hành phối hợp với chính quyền địa phương đánh giá mức độ thiệt hại về sản xuất của người dân đặc biệt là các hộ dân nuôi thủy sản khu vực và môi trường. Đồng thời thực hiện bồi hoàn thiệt hại (nếu có).

### **3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

- Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 3.12. Danh mục công trình bảo vệ môi trường của dự án**

STT	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Khối lượng	Thời gian thực hiện
<b>I Giai đoạn xây dựng</b>				
1	Nước thải sinh hoạt	Hầm tự hoại 3 ngăn	01 hầm, thể tích 2,64m <sup>3</sup>	áp dụng trong suốt thời gian xây dựng
2	Chất thải rắn sinh hoạt	Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt	04 thùng	
<b>II Giai đoạn vận hành</b>				
1	Nước thải sinh hoạt	Hầm tự hoại 3 ngăn	01 hầm, thể tích 2,64m <sup>3</sup>	Công trình hiện hữu
2	Chất thải rắn sinh hoạt	Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt	04 thùng	Duy trì sử dụng thùng chứa trang bị trong giai đoạn xây dựng
		Đóng phí thu gom CTRSH	1 năm	áp dụng trong suốt thời gian vận hành dự án
3	Chất thải nguy hại	- Thiết bị lưu chứa - Khu vực lưu chứa	04 thùng	áp dụng trong suốt thời gian vận hành dự án
		Thuê đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý	296 kg	
4	Bụi, khí thải	Bạt che chắn	-	
		Dụng cụ bảo hộ lao động	-	

- Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:

Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quy định của Luật bảo vệ môi trường, bao gồm: Bố trí kinh phí thực hiện đầy đủ các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Cung cấp tất cả các thông tin liên quan đến việc tổ chức, các nguyên tắc và các hướng dẫn cần thiết cho việc thực hiện, đồng thời liên tục cải tiến các biện pháp môi trường để đạt được kết quả cao nhất.

Xây dựng và thực hiện quy trình kiểm soát, giám sát, xem xét và kiểm tra nhằm đảm bảo chính sách an toàn và môi trường của Chủ Dự án được tuân thủ và chương trình quản lý môi trường còn phù hợp.

Tuân thủ các quy định và các luật áp dụng. Kiểm tra và xem xét định kỳ tính hiệu quả của chương trình quản lý môi trường để có sự sửa đổi khi cần thiết.

### 3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo

Đánh giá độ tin cậy của các phương pháp áp dụng trong báo cáo ĐTM được thể hiện tại bảng sau:

*Bảng 3.14: Độ tin cậy của các phương pháp*

TT	Phương pháp	Mức độ tin cậy	Cơ sở đánh giá
1	Phương pháp khảo sát hiện trường, lấy mẫu và phân tích trong phòng thí nghiệm	Cao	Được thực hiện bởi đơn vị tư vấn có đầy đủ chức năng theo đúng quy định hiện hành, kết quả thử nghiệm được thực hiện bởi các đơn vị có đầy đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường
2	Phương pháp lập bảng liệt kê	Khá cao	Số liệu được lấy từ các nguồn đáng tin cậy
3	Phương pháp thống kê	Cao	Số liệu được lấy từ các nguồn đáng tin cậy
4	Phương pháp đánh giá nhanh	Khá cao	Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức y tế thế giới thiết lập
5	Phương pháp so sánh	Cao	kết quả thử nghiệm được thực hiện bởi các đơn vị có đầy đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường
6	Phương pháp kế thừa	Trung bình	Thực hiện bằng cách tham khảo các báo cáo ĐTM có quy mô và loại hình tương tự đã được phê duyệt để dự báo và đánh giá các tác động có khả năng xảy ra.
7	Phương pháp tham vấn cộng đồng	Khá cao	Có sự tham gia của các đối tượng chịu tác động trực tiếp bởi dự án, tổ chức Đoàn thể và chính quyền địa phương

## **CHƯƠNG 4: PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

### **4.1. Lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường**

Vị trí thực hiện dự án thuộc ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Phía đông, phía Tây, phía Bắc giáp đất nuôi trồng thủy sản; Phía Nam giáp sông Cồn Cù và đất trồng hoa màu. Các đối tượng xung quanh dự án:

*Bảng 4. 1. Các đối tượng xung quanh dự án*

<b>Stt</b>	<b>Đối tượng xung quanh</b>	<b>Khoảng cách đến dự án (m)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Chợ Cồn Cù	1.000	Hướng Đông Bắc
2	Chùa Giác Chơn	1.500	Phía Tây Bắc.

Căn cứ theo Công văn số 1285/TCMT-TĐ ngày 28/4/2020 của Tổng Cục Môi trường dự án tận thu và vận chuyển đất dôi dư sau cải tạo ao hồ thuộc loại dự án sử dụng khoáng sản.

Căn cứ theo điểm a khoản 2 Điều 67 Luật bảo vệ môi trường, Dự án tận thu và vận chuyển đất sỏi dư sau cải tạo ao hồ không thuộc đối tượng lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

Do đó, dự án Tận thu và vận chuyển đất dôi dư sau cải tạo ao hồ không thực hiện lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc Dự án.

### **4.2 Nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường**

Trong quá trình hoạt động của dự án, để đảm bảo không gây ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất, nuôi trồng thủy sản, chủ dự án xây dựng phương án cải tạo, phục hồi môi trường ngay trong quá trình thi công tận thu vận chuyển đất dôi dư như sau:

- Thời điểm thực hiện: được thực hiện song song với quá trình bóc dỡ đất dôi dư.
- Nội dung các công việc cần cải tạo, phục hồi môi trường tại khu vực dự án bao gồm:
  - + Đắp bờ, gia cố bờ, di chuyển máy móc ra khỏi khu vực đã đạt đến độ cao được duyệt.
  - + San gạt hoàn trả mặt bằng (thực hiện song song với công tác hạ độ cao, bóc dỡ đất dôi dư)
  - + Dự án không bố trí các công trình phụ trợ nên không thực hiện tháo dỡ, di dời.

- Giải pháp và kinh phí thực hiện: các công việc được thực hiện trong quá trình thi công hạ độ cao nên không phát sinh thêm kinh phí thuê mướn. Do đó, không phát sinh thêm kinh phí từ các công việc cải tạo, phục hồi môi trường tại khu vực thực hiện dự án.

Ngoài ra, trong quá trình bóc dỡ, tận thu, vận chuyển khối lượng đất dôi dư về bãi tập kết để làm vật liệu san lấp mặt bằng chủ dự án phải thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác là 40.176.000 đồng, thuế tài nguyên là 84.000.000 đồng và phí bảo vệ môi trường là 28.800.000 đồng theo quy định.

## CHƯƠNG 5: CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

### 5.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án

Để thực hiện giảm thiểu ô nhiễm, các công trình sau đây sẽ được đầu tư xây dựng khi dự án đi vào vận hành.

*Bảng 5.1. Các công trình xử lý ô nhiễm môi trường*

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
Thi công, xây dựng	- Phát quang bụi rậm - Đắp bờ bao - Tập kết phương tiện	Nước thải sinh hoạt	Sử dụng hầm tự hoại hiện hữu của chủ đất	Trong 04 ngày
		Chất thải rắn sinh hoạt	- Bố trí thiết bị thu gom: bố trí 04 thùng chứa rác (loại thùng nhựa 20 lít, có nắp đậy) tại khu vực sinh hoạt của công nhân, mỗi thửa đất bố trí 02 thùng. - Bố trí công nhân tập kết CTRSH vào thùng rác công cộng. Tần suất 01 lần/ngày - Thực hiện đóng phí vệ sinh theo đúng quy định.	
		Chất thải rắn thông thường	Chủ đất bố trí khu vực chôn lấp, bên trên được phủ đất.	

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
		Bụi, tiếng ồn và khí thải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng các phương tiện thi công đạt các yêu cầu kiểm định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.</li> <li>- Sử dụng nhiên liệu đúng với động cơ, thực hiện kiểm tra, bảo trì và sửa chữa các phương tiện trước khi đưa vào sử dụng</li> <li>- Bố trí thời gian thi công hợp lý từ 7 giờ đến 11 giờ và từ 13 giờ đến 17 giờ hàng ngày.</li> </ul>	
Vận hành	Sinh hoạt của công nhân	Nước thải sinh hoạt	Sử dụng hầm tự hoại hiện hữu của chủ đất	Từ tháng 6/2023 đến tháng 12/2023
		Chất thải rắn sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bố trí thiết bị thu gom: bố trí 04 thùng chứa rác (loại thùng nhựa 20 lít, có nắp đậy) tại khu vực sinh hoạt của công nhân, mỗi thửa đất bố trí 02 thùng.</li> <li>- Bố trí công nhân tập kết CTRSH vào thùng rác công cộng. Tần suất 01 lần/ngày</li> <li>- Thực hiện đóng phí vệ sinh theo đúng quy định.</li> </ul>	

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
	Sửa chữa phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển	Chất thải nguy hại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác phân loại chất thải nguy hại được thực hiện bắt đầu từ thời điểm đưa vào lưu chứa.</li> <li>- Bố trí thiết bị lưu chứa (02 thùng 120 lít, 02 thùng 50 lít)</li> <li>- Bố trí khu vực lưu chứa.</li> <li>- Ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải</li> </ul>	Từ tháng 6/2023 đến tháng 12/2023
	Hoạt động hạ độ cao, bốc dỡ đất dôi dư	Bụi, khí thải và tiếng ồn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân</li> <li>- Phun nước tăng độ ẩm, tần suất 02 lần/ngày vào ngày nắng, có gió</li> <li>- Các phương tiện vận chuyên, máy móc thi công phải được đăng kiểm, sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ.</li> <li>- Phương tiện vận chuyên hoạt động đúng với tải trọng.</li> <li>- Thùng xe phải được che kín bạt trong quá trình vận chuyên.</li> <li>- Định kỳ vệ sinh phương tiện sau mỗi ca làm việc.</li> <li>- Bố trí thời gian thi công hợp lý.</li> </ul>	

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
		An ninh trật tự và an toàn giao thông, an toàn lao động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ dự án ưu tiên sử dụng lao động địa phương.</li> <li>- Bố trí khu vực sinh hoạt cho công nhân.</li> <li>- Công nhân vận hành phương tiện cơ giới phải có giấy phép hoặc chứng nhận của cơ quan chức năng cấp.</li> <li>- Các tuyến đường hoạt động của các phương tiện vận chuyển đúng theo Phương án vận chuyển được duyệt.</li> </ul>	Từ tháng 6/2023 đến tháng 12/2023
Cải tạo phục hồi môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Di chuyển phương tiện máy móc ra khỏi khu vực dự án</li> <li>- San gạt hoàn trả mặt bằng</li> </ul>	Bụi, khí thải và tiếng ồn	Các nội dung công việc đề xuất thực hiện trong cải tạo phục hồi môi trường được thực hiện song song với hoạt động bóc dỡ hạ độ cao. Do đó các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được áp dụng trong gian đoạn vận hành dự án.	

## **5.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của chủ dự án**

### **5.2.1. Giám sát chất thải rắn**

- Thành phần giám sát: giám sát CTRSH, CTR thông thường (bùn rơi vãi, sinh khối thực vật từ phát quang,...) chất thải nguy hại.

- Vị trí giám sát: Khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển, vị trí tập kết chất thải.

- Nội dung giám sát: khối lượng phát sinh, công tác thu gom, xử lý.

- Tần suất giám sát: hằng ngày.

### **5.2.2. Giám sát các vấn đề môi trường khác**

+ Vị trí giám sát: toàn bộ bờ bao xung quanh dự án.

+ Tần suất giám sát: hàng ngày.

## **CHƯƠNG 6: KẾT QUẢ THAM VẤN**

### **6.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng**

#### **6.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên cổng thông tin điện tử**

Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm gửi Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ đến Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử.

#### **6.1.2. Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến**

Tóm tắt quá trình tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến về việc triển khai thực hiện dự án Vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ, cụ thể như sau:

- Thời gian niêm yết báo cáo đánh giá tác động môi trường tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đông Hải: từ ngày 03/02/2023 đến ngày 08/02/2023.

- Thời gian họp tham vấn: lúc 14h00 ngày 10/02/2023.

- Địa điểm họp tham vấn: Nhà văn hoá ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Thành phần tham dự họp:

+ Đại diện UBND xã Đông Hải

+ Đại diện MTTQ xã Đông Hải

+ Đại diện Đoàn thanh niên xã Đông Hải

+ Đại diện Ban nhân dân ấp

+ Đại diện Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm (Chủ dự án)

+ Đại diện Công ty TNHH Kỹ thuật Môi trường CDM Sóc Trăng (đơn vị lập báo cáo đánh giá tác động môi trường)

+ Đại diện công đồng dân cư có khả năng bị tác động bởi dự án: 17 hộ dân.

*(Đính kèm phụ lục Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án ngày 10/02/2023)*

#### **6.1.3. Tham vấn bằng văn bản**

- Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm đã gửi văn bản số 01/CV.NT ngày 02/02/2023 đến Ủy ban nhân dân xã Đông Hải về việc lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

- Ủy ban nhân dân xã Đông Hải có văn bản số 14/CV-UBND ngày 10/02/2023 về việc ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

(Đính kèm phụ lục Văn bản số 01/CV.NT ngày 02/02/2023 của Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm và Văn bản số 14/CV-UBND ngày 10/02/2023 của UBND xã Đông Hải).

## 6.2. Kết quả tham vấn cộng đồng

Trong quá trình lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ, chủ dự án phối hợp với đơn vị tư vấn thực hiện tham vấn cộng đồng theo quy định. Kết quả tham vấn như sau:

Bảng 6.1 Kết quả tham vấn cộng đồng

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
I	Tham vấn thông qua đăng tải trên cổng thông tin điện tử		
Chương 1			
1			
...			
Chương 6			
1			
...			
Các ý kiến khác			
II	Tham vấn bằng hình thức tổ chức họp lấy ý kiến		
Chương 1	- Khối lượng đất khai thác phải được cơ quan nhà nước giám sát.	Chủ dự án và đơn vị tư vấn tiếp thu, hoàn thiện báo cáo.	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	<p>- Phương án cải tạo nên nêu rõ lấy cách ranh bao nhiêu? Độ sâu khai thác là bao nhiêu.</p>		
Chương 3	<p>- Đề nghị chủ dự án giám sát các phương tiện vận chuyển, bố trí công nhân thu dọn bùn đất rơi vãi trên đường.</p> <p>- Phương tiện vận chuyển phải đảm bảo được đậy bạt kín thùng xe.</p> <p>- Khai thác, cải tạo ao hồ phải đảm bảo không làm sạt lở các ao lân cận.</p> <p>- Khi thực hiện cải tạo ao hồ, bóc dỡ đất phải được sự đồng thuận của các hộ giáp ranh.</p>	<p>- Chủ dự án và đơn vị tư vấn tiếp thu, hoàn thiện báo cáo.</p> <p>- Đối với việc cải tạo ao hồ, bóc dỡ đất, do vị trí dự án thửa 418 được bao bọc xung quanh bởi thửa 419 của cùng chủ đất. Do đó, việc cải tạo ao hồ của chủ đất đảm bảo không ảnh hưởng đến các hộ xung quanh dự án. Chủ đất cam kết thực hiện cải tạo ao hồ chừa bờ đến vị trí ranh đất là 10m.</p>	<p>Các hộ dân giáp ranh chủ đất đều thống nhất chủ đất thực hiện dự án.</p> <p>Phương án cải tạo ao hồ của chủ đất đã được UBND xã Đông Hải chấp thuận bằng văn bản. <i>(Đính kèm phụ lục Văn bản số 01-BQL-TĐ và Văn bản số 02-BQL-TĐ ngày 13/01/2023)</i></p>
III	Tham vấn bằng văn bản		
Chương 3	<p>- Cần lưu ý thêm công tác quản lý nước thải, sự cố tràn dầu do xung quanh dự án là các hộ nuôi tôm.</p> <p>- Đề nghị làm rõ một số nội dung về xử lý</p>	<p>Chủ dự án và đơn vị tư vấn tiếp thu, hoàn thiện báo cáo.</p>	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	vật liệu vun vãi trên lộ khi vận chuyển, vấn đề bụi bay, vấn đề tiếng ồn...		
Chương 5	Đề nghị tiếp thu ý kiến của các hộ dân trong quá trình tham vấn cộng đồng.		
Các ý kiến khác	Đề xuất các cơ quan chức năng chuyên ngành phân tích, khảo sát, đánh giá sâu hơn về báo cáo đánh giá tác động môi trường này.		

## **KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT**

### **1. Kết luận**

Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá tác động môi trường Dự án có thể đưa ra một số kết luận như sau:

- Báo cáo ĐTM đã nhận dạng và đánh giá được các tác động từ quá trình xây dựng cải tạo công trình và hoạt động của dự án cụ thể như sau: đã nhận dạng và đánh giá được các tác động đến môi trường không khí, đất, nước và xung quanh khu vực dự án. Bên cạnh đó báo cáo đã dự báo được các sự cố môi trường có thể xảy ra. Các tác động có hại trên đều ở mức độ nhẹ hơn nhiều nếu có các biện pháp kiểm soát và bảo vệ môi trường.

- Ứng với sự nhận dạng và đánh giá tác động từ quá trình xây dựng và hoạt động của dự án, báo cáo đã đề ra các biện pháp giảm thiểu đến các thành phần môi trường, đồng thời đề xuất các biện pháp an toàn lao động, phòng ngừa sự cố rủi ro. Đây là các biện pháp mang tính khả thi cao và đã được ứng dụng vào thực tế tại các dự án tương tự.

- Tuy nhiên, việc nhận dạng và đánh giá về những tác động của dự án cũng như các biện pháp giảm thiểu được đề xuất trong báo cáo không thể tránh khỏi những sơ suất do nhiều nguyên nhân như những hạn chế về mặt chuyên môn, thông tin từ dự án chưa hoàn chỉnh.

- Vì vậy để kiểm soát, hạn chế ô nhiễm và giảm thiểu các tác động của dự án tới môi trường thì từ khi giai đoạn giải phóng mặt bằng, giai đoạn đi vào hoạt động và giai đoạn giai đoạn hoàn trả mặt bằng, chúng tôi áp dụng các giải pháp, biện pháp giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo đúng phương án đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

### **2. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường**

Chủ đầu tư Dự án – Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm xin cam kết:

- Tuân thủ các văn bản pháp luật và văn bản kỹ thuật đã nêu ở phần Mở đầu, mục 2.

- Nghiêm túc thực hiện các biện pháp khống chế nguồn ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng phương án kỹ thuật đã nêu trong ĐTM này.

- Đảm bảo kinh phí đầu tư các công trình môi trường cũng như kinh phí thực hiện chương trình giám sát môi trường.

- Đảm bảo các nguồn phát sinh chất thải do hoạt động của dự án nằm trong giới hạn cho phép của Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành:
- Toàn bộ CTR sẽ được thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo quy định.
- Công khai thông tin, lưu giữ, cập nhật số liệu môi trường và báo cáo về việc thực hiện nội dung của ĐTM đã được phê duyệt của dự án.
- Thực hiện chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường định kỳ như đã nêu trong Chương 5.
- Trong quá trình hoạt động có yếu tố môi trường nào phát sinh chúng tôi sẽ trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương và các cơ quan có chuyên môn để xử lý ngay nguồn ô nhiễm này.
- Thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên khoáng sản;
- Thực hiện bóc dỡ khối lượng đất dôi dư tại 02 thửa đất (thửa đất số 106 và thửa đất số 49) theo đúng quy mô và khối lượng đã được nêu trong báo cáo ĐTM.
- ❖ Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong giai đoạn giải phóng mặt bằng.
- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa sự cố môi trường như đã trình bày trong Chương 3.
- Cam kết đảm bảo an toàn giao thông cho người dân khu vực xung quanh cũng như lực lượng thi công.
- Cam kết đảm bảo vệ sinh môi trường, hạn chế bụi, tiếng ồn trong quá trình thi công, đảm bảo thời gian thi công theo quy định.
- ❖ Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động.
- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường như đã trình bày trong Chương 3.
- Thực hiện chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Chương 5.
- ❖ Các cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án

- Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp phòng chống sự cố: an toàn lao động, an toàn giao thông,... trong giai đoạn hoạt động như đã trình bày trong Chương 3.

- Cam kết khắc phục sự cố như: sự cố môi trường, sạt lở, bờ; rò rỉ dầu nhớt;... Trong trường hợp xảy ra sự cố ảnh hưởng đến nuôi trồng thủy sản của người dân, chủ dự án sẽ phối hợp với chính quyền địa phương xác định khối lượng và đền bù thiệt hại theo quy định.

- Bên cạnh đó, chủ đầu tư cam kết đảm bảo trật tự, an ninh tại khu vực, phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý công nhân của dự án.

### **3. Kiến nghị**

Đề tạo điều kiện thuận lợi cho dự án sớm được triển khai. Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành chức năng xem xét, thẩm định và trình UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

## CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh, 2019. Niên giám thống kê Trà Vinh 2018. Nhà xuất bản thống kê.
2. Đặng Kim Chi, 1998. Hóa học môi trường, tập 1. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
3. Đinh Xuân Thắng, 2003. Ô nhiễm không khí. Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Đinh Xuân Thắng, 2007. Giáo trình ô nhiễm không khí. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Economopoulos A.P., Assessment of sources of air, water, and land pollution, WHO, 1993.
6. Hoàng Kim Cơ, 2001. Kỹ thuật môi trường. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
7. Lê Huy Bá, 2008. Khoa học môi trường.
8. Lâm Minh Triết, 2008. Giáo trình xử lý nước thải đô thị và khu công nghiệp.
9. Phạm Ngọc Đăng, 2003. Môi trường không khí. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
10. TS. Nguyễn Lan, 2016. Rung chấn do hoạt động thi công xây dựng, kết quả thực nghiệm đo rung chấn xác định bán kính ảnh hưởng đến công trình lân cận.
11. Cổng thông tin điện tử Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh [www.travinh.gov.vn](http://www.travinh.gov.vn)
12. Cổng thông tin điện tử Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Trà Vinh [www.tnmttravinh.gov.vn](http://www.tnmttravinh.gov.vn)
13. Cổng thông tin điện tử Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh [www.skhdtravinh.gov.vn](http://www.skhdtravinh.gov.vn)
14. Cổng thông tin điện tử Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải [www.txdh.travinh.gov.vn](http://www.txdh.travinh.gov.vn)
15. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Khu bến tổng hợp Định An” địa điểm thực hiện dự án xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, năm 2020.
16. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nạo vét khu nước trước bến, luồng nhánh và vũng quay tàu cảng Trà Cú” năm 2020.

**PHỤ LỤC: VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN CỦA DỰ ÁN VÀ THAM  
VẤN CỘNG ĐỒNG**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 2100675183**

*Đăng ký lần đầu: ngày 03 tháng 06 năm 2022*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 22 tháng 09 năm 2022*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VLXD  
NGỌC TÂM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Ấp Côn Cù, Xã Đông Hải, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

Điện thoại: 0942 743 932

Fax:

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ**

8.000.000.000 đồng

*Bằng chữ: Tám tỷ đồng*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 19/02/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 084187005519

Ngày cấp: 22/11/2021 Nơi cấp: Cục trưởng cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 7, khóm 3, Thị Trấn Trà Cù, Huyện Trà Cù, Tỉnh Trà Vinh,  
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 7, khóm 3, Thị Trấn Trà Cù, Huyện Trà Cù, Tỉnh Trà Vinh, Việt  
Nam

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THÚY HÀNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/02/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 084187005519

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 7, nhóm 3, Thị Trấn Trà Cú, Huyện Trà Cú, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 7, nhóm 3, Thị Trấn Trà Cú, Huyện Trà Cú, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam



**TRƯỞNG PHÒNG**

*Lê Thanh Tuấn*

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ ĐÔNG HẢI  
BAN QUẢN LÝ-THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01 -BQL-TĐ

Đông Hải, ngày 13 tháng 01 năm 2023

**Kính gửi:** Bà: Nguyễn Như Tiên. Địa chỉ: ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ theo đơn của bà: Nguyễn Như Tiên, ngày 06 tháng 01 năm 2023. Địa chỉ: ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Nội dung đơn: Xin cải tạo ao hồ bằng phương tiện KOBE phục vụ nuôi trồng thủy sản.

Căn cứ Công văn số: 1287/UBND-KT ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải về việc quy định thời gian sên, cải tạo ao hồ và lịch thời vụ thả nuôi tôm, vụ mùa năm 2022-2023 trên địa bàn huyện Duyên Hải.

Qua khảo sát thực tế tại đất bà: Nguyễn Như Tiên. Đoàn làm việc thống nhất cho phép chủ hộ và chủ phương tiện xe Kobe sên cải tạo ao hồ phục vụ nuôi trồng thủy sản trong phần diện tích đất đã được cơ quan chức năng cấp quyền sử dụng.

Đoàn làm việc đề nghị bà: Nguyễn Như Tiên và chủ phương tiện xe cơ giới trong quá trình hoạt động cải tạo ao hồ nuôi trồng thủy sản không làm ảnh hưởng đến các hộ xung quanh, công trình công cộng, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Đối với phần đất dôi dư trong quá trình cải tạo ao hồ phải có nơi chứa và không được vận chuyển đi nơi khác.

Nếu bà: Nguyễn Như Tiên và chủ phương tiện xe cơ giới cố tình không thực hiện theo đề nghị của đoàn làm việc thì sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

ĐẠI DIỆN  
TRẠM KIỂM LÂM

Kim Chéch Trà

ĐẠI DIỆN BAN  
QUẢN LÝ-THẨM ĐỊNH

Trần Văn Chính

XÁC NHẬN UBND XÃ  
CHỦ TỊCH



Lữ Minh Tâm

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ ĐÔNG HẢI  
BAN QUẢN LÝ-THẨM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 02 -BQL-TĐ

Đông Hải, ngày 13 tháng 01 năm 2023

**Kính gửi:** Ông: Nguyễn Bé Hai. Địa chỉ: ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ theo đơn của ông: Nguyễn Bé Hai, ngày 06 tháng 01 năm 2023. Địa chỉ: ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Nội dung đơn: Xin cải tạo ao hồ bằng phương tiện KOBE phục vụ nuôi trồng thủy sản.

Căn cứ Công văn số: 1287/UBND-KT ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải về việc quy định thời gian sên, cải tạo ao hồ và lịch thời vụ thả nuôi tôm, vụ mùa năm 2022-2023 trên địa bàn huyện Duyên Hải.

Qua khảo sát thực tế tại đất ông: Nguyễn Bé Hai. Đoàn làm việc thống nhất cho phép chủ hộ và chủ phương tiện xe Kobe sên cải tạo ao hồ phục vụ nuôi trồng thủy sản trong phần diện tích đất đã được cơ quan chức năng cấp quyền sử dụng.

Đoàn làm việc đề nghị ông: Nguyễn Bé Hai và chủ phương tiện xe cơ giới trong quá trình hoạt động cải tạo ao hồ nuôi trồng thủy sản không làm ảnh hưởng đến các hộ xung quanh, công trình công cộng, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Đối với phần đất dôi dư trong quá trình cải tạo ao hồ phải có nơi chứa và không được vận chuyển đi nơi khác.

Nếu ông: Nguyễn Bé Hai và chủ phương tiện xe cơ giới cố tình không thực hiện theo đề nghị của đoàn làm việc thì sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

**ĐẠI DIỆN  
TRẠM KIỂM LÂM**

**Kim Chêch Trà**

**ĐẠI DIỆN BAN  
QUẢN LÝ-THẨM ĐỊNH**

**Trần Văn Chính**

**XÁC NHẬN UBND XÃ  
CHỦ TỊCH**



**Lữ Minh Tâm**

UBND TỈNH TRÀ VINH  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /STNMT-QLMT

Trà Vinh, ngày 24 tháng 02 năm 2023

V/v phúc đáp đề nghị đăng tải tham vấn hồ sơ báo cáo  
đánh giá tác động môi trường dự án “Vận chuyển và  
tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ”

Kính gửi: Công ty TNHH MTV vật liệu xây dựng Ngọc Tâm  
(Địa chỉ: ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh)

Ngày 20/02/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Công văn số 02/CV.NT ngày 17/02/2023 của Công ty TNHH MTV vật liệu xây dựng Ngọc Tâm về việc lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện ĐTM của dự án “Vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ” với nội dung đề nghị Sở đăng tải báo cáo ĐTM của dự án trên trang thông tin điện tử để lấy ý kiến tham vấn.

Tuy nhiên, qua rà soát nội dung báo cáo ĐTM của dự án và văn bản pháp lý liên quan, Sở Tài nguyên và Môi trường xét thấy báo cáo ĐTM dự án có 01 số nội dung như sau:

Theo Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động cải tạo đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thì hoạt động cải tạo ao hồ nuôi tôm thuộc loại hình cải tạo đất nông nghiệp. Đồng thời, việc thực hiện cải tạo đất nông nghiệp này phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cải tạo đất nông nghiệp trước khi thực hiện (UBND cấp huyện hoặc UBND tỉnh phê duyệt tùy theo quy mô diện tích thực hiện cải tạo). Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện Chỉ thị số 13/CT-UBND tại Hướng dẫn số 05/HD-STNMT ngày 30/9/2021 về việc lập phương án vận chuyển đất dôi dư sau khi thực hiện cải tạo đất nông nghiệp, hạ độ cao bờ kênh, bờ ao, bãi chứa bùn và các thủ tục về môi trường có liên quan.

Dự án “Vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ” của Công ty TNHH MTV vật liệu xây dựng Ngọc Tâm hình thành từ việc có phát sinh hoạt động vận chuyển, tận thu phần đất sau cải tạo ao hồ nuôi tôm của 02 hộ dân tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Tuy nhiên, hồ sơ báo cáo ĐTM dự án chưa đính kèm văn bản phê duyệt phương án thực hiện cải tạo ao hồ nuôi tôm (phương án cải tạo đất nông nghiệp) của cơ quan có thẩm quyền.

Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường chưa đủ cơ sở pháp lý để đăng tải tham vấn báo cáo ĐTM của dự án theo đề nghị tại Công văn số 02/CV.NT.

Sở đề nghị Công ty TNHH MTV vật liệu xây dựng Ngọc Tâm liên hệ UBND huyện Duyên Hải để được hướng dẫn lập phương án cải tạo đất nông nghiệp và trình phê duyệt theo đúng quy định tại Chỉ thị số 13/CT-UBND của UBND tỉnh và Hướng dẫn số 05/HD-STNMT của Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi thực hiện hoạt động vận chuyển, tận thu phần đất sau cải tạo.

Trên đây là phúc đáp đề nghị đăng tải tham vấn hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ”, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi đến Công ty TNHH MTV vật liệu xây dựng Ngọc Tâm biết, thực hiện.

Trân trọng./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- UBND huyện Duyên Hải (hướng dẫn);
- GD Sở (b/c);
- Lưu: VT, MT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Quốc Tuấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN DUYÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 519/UBND-KT

Duyên Hải, ngày 26 tháng 4 năm 2023

V/v trả lời đơn xin cải tạo ao hồ  
của ông Nguyễn Bé Hai, ấp Cồn Cù,  
xã Đông Hải

Kính gửi:

- Trưởng Phòng Nông nghiệp và PTNT;
- Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND xã Đông Hải;
- Hộ ông Nguyễn Bé Hai, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải.

Xét Đơn xin cải tạo ao, hồ nuôi trồng thủy sản ngày 06/3/2023 của ông Nguyễn Bé Hai, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải;

Trên cơ sở Báo cáo số 32/BC-PNNPTNT ngày 24/4/2023 của Phòng Nông nghiệp và PTNT về việc thẩm định đơn xin cải tạo ao, hồ nuôi trồng thủy sản của ông Nguyễn Bé Hai và bà Nguyễn Như Tiên, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải có ý kiến như sau:

1. Hộ ông Nguyễn Bé Hai đủ điều kiện tiến hành cải tạo ao, hồ nuôi trồng thủy sản. Trong quá trình cải tạo khu nuôi hộ ông Nguyễn Bé Hai tuân thủ các quy định về cải tạo ao, khu nuôi và lịch thời vụ nuôi tôm nước lợ năm 2022 – 2023 tại Công văn số 1287/UBND-KT ngày 19/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện Duyên Hải (đính kèm); phải bố trí khu chứa đất, bùn thải, nước thải, không được xả thải đất, bùn, chất thải trực tiếp ra sông, kênh, rạch gây ô nhiễm môi trường, làm bồi lắng, tắc nghẽn dòng chảy.

Đề nghị hộ ông Nguyễn Bé Hai tuân thủ đúng các quy định trong hoạt động nuôi tôm theo Luật Thủy sản năm 2017, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ, áp dụng tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh thủy sản theo Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT; thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình nuôi, không xả thải trực tiếp chất thải, nước thải gây ảnh hưởng môi trường xung quanh.

2. Giao Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Đông Hải theo chức năng, nhiệm vụ được giao kiểm tra, theo dõi, giám sát quá trình cải tạo ao hồ nuôi trồng thủy sản của hộ ông Nguyễn

Bé Hai theo đúng quy định; tuyên truyền, hướng dẫn hộ ông Nguyễn Bé Hai tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động nuôi trồng thủy sản./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- Khối NC;
- Lưu.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trương Văn Huy**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN LÀM VIỆC**

Hôm nay, vào lúc 15 giờ 15 phút, ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải. Tổ công tác tiến hành kiểm tra thực tế theo đề nghị cải tạo ao hồ của hộ ông (bà): Nguyễn Bé Hải

**\* Thành phần gồm có:**

- 1/ Bà Phạm Thị Hồng Diễm; Chức vụ: Phó Trưởng phòng NN và PTNT
- 2/ Ông Lê Thanh Vũ; Chức vụ: Chuyên viên phòng NN và PTNT
- 3/ Ông Trần Thanh Quý; Chức vụ: Chuyên viên phòng TN và MT
- 4/ Ông Trần Văn Chính; Chức vụ: Công chức Nông nghiệp
- 5/ Ông .....; Chức vụ: .....
- 6/ Ông (bà): Nguyễn Bé Hải địa chỉ: Ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

**\* Nội dung làm việc**

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết hợp phòng Tài nguyên và Môi trường; UBND xã Đông Hải tiến hành khảo sát hiện trạng khu nuôi tôm của ông (bà) Nguyễn Bé Hải xin cải tạo ao hồ để nuôi tôm sú quản canh cải tiến.

Qua khảo sát thực tế khu nuôi tôm sú và trao đổi với ông (bà):

Nguyễn Bé Hải, chúng tôi ghi nhận thông tin như sau:

\* Đại diện chủ sở hữu:

Có 'đồng' xin cải tạo ao, hồ nuôi thủy sản vào ngày 06/3/2023, cụ thể là cải tạo ao nuôi tôm sú quản canh cải tiến tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải với diện tích xin cải tạo là 20.000m<sup>2</sup>, thời gian cải tạo từ ngày 01/4/2023 đến 31/12/2023, phương tiện cải tạo là máy đào (kobe) và cải tạo bằng máy sên hút bùn theo hướng dẫn lịch thời vụ cải tạo ao hồ của UBND huyện; Cam kết bồi đắp kín chuồng bùn thải, nước thải theo quy định.

\* Đại diện phòng nông nghiệp và PTNT huyện:

Tại khu vực tôn đứ' quán các cái tên,  
Ông Nguyễn Bá Học, có hi' bở' lảng  
vớ' mức nước trung bình trong khu vực  
khu vực 0,7m (tính từ' đáy ao đến mặt bở')  
đề nghị chủ sở hữu bở' đứ' khu vực đất  
thái, mức thái trong quá đứ' cái tạo ao  
hồ theo hướng dẫn tại Công văn bở' 1287/UBND  
KS ngày 19/9/2022 của ủy ban nhân dân huyện  
\* Đại diện phòng tài nguyên và môi trường;  
đề nghị chủ sở hữu bở' đứ' khu vực đất  
thái có diện tích phù hợp; Cần phải nêu  
lưu ý đất thái và mức thái từ' hạn chế  
đứ' hướng các hộ môi' tôn đứ' quán.

\* Đại diện UBND xã Đông Hải;  
trồng nhất ý kiến đại diện Phòng Nông nghiệp  
và PTNT; Tài nguyên và môi trường; đề  
nghị chủ sở hữu cần phải gia cố' bở' bao  
vùng quanh khu vực tôn đứ' theo hướng cái  
tạo.

.....  
.....  
Biên bản kết thúc vào lúc ...16...giờ ...30... phút cùng ngày, thành phần tham gia thống nhất ký tên./.

**ĐẠI DIỆN HỘ XIN CẢI TẠO AO HỒ**

Trần Hải  
Nguyễn Văn Hải

**NGƯỜI GHI BIÊN BẢN**

  
Lê Thanh Việt

**XÁC NHẬN UBND XÃ ĐÔNG HẢI**



Lữ Minh Tâm

**THÀNH PHẦN THAM GIA**

  
Trần Văn Chính

  
Trần Văn Chính

Số: 32/BC-PNNPTNT

Duyên Hải, ngày 24 tháng 4 năm 2023

## BÁO CÁO

Về việc thẩm định đơn xin cải tạo ao, hồ nuôi trồng thủy sản  
của ông Nguyễn Bé Hai và bà Nguyễn Như Tiên,  
ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải.

Thực hiện Công văn số 325/UBND-KT ngày 15/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải về việc thẩm định đơn xin cải tạo ao hồ, nuôi trồng thủy sản.

Phòng Nông nghiệp và PTNT báo cáo về việc thẩm định đơn xin cải tạo ao hồ để nuôi trồng thủy sản của ông Nguyễn Bé Hai (ngụ ấp Cồn Cù, xã Đông Hải) và bà Nguyễn Như Tiên (ngụ ấp Cồn Cù, xã Đông Hải), như sau:

### 1. Kết quả khảo sát thực tế điều kiện cải tạo ao hồ để nuôi tôm quảng canh cải tiến

#### 1.1. Đối với hộ ông Nguyễn Bé Hai (ngụ ấp Cồn Cù, xã Đông Hải)

Khu đất của hộ tọa lạc tại thửa đất số 418, tờ bản đồ số 17, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, với tổng diện tích 46.242 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: ao (hồ). Hộ nuôi tôm sú quảng canh cải tiến với diện tích 10.000 m<sup>2</sup>, độ sâu từ đáy ao đến mặt bờ khoảng 0,7m. Khu nuôi nằm trong vùng quy hoạch, kế hoạch sản xuất của địa phương, sử dụng đất đúng mục đích, đáp ứng đủ điều kiện cải tạo ao để nuôi tôm quảng canh cải tiến.

#### 1.2. Đối với hộ bà Nguyễn Như Tiên (ngụ ấp Cồn Cù, xã Đông Hải)

Khu đất của hộ tọa lạc tại thửa đất số 576, tờ bản đồ số 17, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, với tổng diện tích 18.772 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: nuôi trồng thủy sản. Hộ nuôi tôm sú quảng canh cải tiến với diện tích 7.000 m<sup>2</sup>, độ sâu từ đáy ao đến mặt bờ khoảng 0,7m. Khu nuôi nằm trong vùng quy hoạch, kế hoạch sản xuất của địa phương, sử dụng đất đúng mục đích, đáp ứng đủ điều kiện cải tạo ao để nuôi tôm quảng canh cải tiến.

### 2. Ý kiến đề xuất

Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo:

- Đối với hộ ông Nguyễn Bé Hai và hộ bà Nguyễn Như Tiên: Thực hiện cải tạo ao hồ theo quy định tại Công văn số 1287/UBND-KT ngày 19/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện Duyên Hải. Trong quá trình cải tạo ao nuôi, khu nuôi phải bố trí khu chứa đất, bùn thải, nước thải, không được xả thải đất, bùn, chất thải trực tiếp ra sông, kênh, rạch gây ô nhiễm môi trường, làm bồi lắng, tắc nghẽn dòng chảy.

- Giao Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Đông Hải theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi, giám sát quá trình cải tạo ao hồ của hộ ông Nguyễn Bé Hai và hộ bà Nguyễn Như Tiên đảm bảo theo đúng quy định.

Trên đây là báo cáo về việc thẩm định đơn xin cải tạo ao, hồ để nuôi tôm quảng canh cải tiến của ông Nguyễn Bé Hai và bà Nguyễn Như Tiên, Phòng Nông nghiệp và PTNT báo cáo Ủy ban nhân dân huyện năm, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Phạm Thị Hồng Diễm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN DUYÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 520/UBND-KT

*Duyên Hải, ngày 26 tháng 4 năm 2023*

V/v trả lời đơn xin cải tạo ao hồ của  
bà Nguyễn Như Tiên, ấp Cồn Cù,  
xã Đông Hải

Kính gửi:

- Trưởng Phòng Nông nghiệp và PTNT;
- Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND xã Đông Hải;
- Bà Nguyễn Như Tiên, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải.

Xét Đơn xin cải tạo ao, hồ nuôi trồng thủy sản ngày 06/3/2023 của bà Nguyễn Như Tiên, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải;

Trên cơ sở Báo cáo số 32/BC-PNNPTNT ngày 24/4/2023 của Phòng Nông nghiệp và PTNT về việc thẩm định đơn xin cải tạo ao, hồ nuôi trồng thủy sản của ông Nguyễn Bé Hai và bà Nguyễn Như Tiên, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải có ý kiến như sau:

1. Hộ bà Nguyễn Như Tiên đủ điều kiện tiến hành cải tạo ao, hồ nuôi trồng thủy sản. Trong quá trình cải tạo khu nuôi hộ bà Nguyễn Như Tiên tuân thủ các quy định về cải tạo ao, khu nuôi và lịch thời vụ nuôi tôm nước lợ năm 2022 – 2023 tại Công văn số 1287/UBND-KT ngày 19/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện Duyên Hải (*đính kèm*); phải bố trí khu chứa đất, bùn thải, nước thải, không được xả thải đất, bùn, chất thải trực tiếp ra sông, kênh, rạch gây ô nhiễm môi trường, làm bồi lắng, tắt nghẽn dòng chảy.

Đề nghị hộ bà Nguyễn Như Tiên tuân thủ đúng các quy định trong hoạt động nuôi tôm theo Luật Thủy sản năm 2017, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ, áp dụng tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh thủy sản theo Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT; thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình nuôi, không xả thải trực tiếp chất thải, nước thải gây ảnh hưởng môi trường xung quanh.

2. Giao Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Đông Hải theo chức năng, nhiệm vụ được giao kiểm tra, theo dõi, giám sát quá trình cải tạo ao hồ nuôi trồng thủy sản của hộ bà Nguyễn

Như Tiên theo đúng quy định; tuyên truyền, hướng dẫn hộ bà Nguyễn Như Tiên tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động nuôi trồng thủy sản./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- Khối NC;
- Lưu.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Trương Văn Huy*

**Trương Văn Huy**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN LÀM VIỆC**

Hôm nay, vào lúc 13 giờ 30 phút, ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải. Tổ công tác tiến hành kiểm tra thực tế theo đề nghị cải tạo ao hồ của hộ ông (bà): Nguyễn Như Tiến.....

**\* Thành phần gồm có:**

- 1/ Bà Phạm Thị Hồng Diễm; Chức vụ: Phó Trưởng phòng NN và PTNT
- 2/ Ông Lê Thanh Vũ; Chức vụ: Chuyên viên phòng NN và PTNT
- 3/ Ông Trần Thanh Tú; Chức vụ: Chuyên viên phòng TN và MT
- 4/ Ông Trần Văn Chính; Chức vụ: Công chức Nông nghiệp
- 5/ Ông .....; Chức vụ: .....
- 6/ Ông (bà): Nguyễn Như Tiến; địa chỉ: Ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

**\* Nội dung làm việc**

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết hợp phòng Tài nguyên và Môi trường; UBND xã Đông Hải tiến hành khảo sát hiện trạng khu nuôi tôm của ông (bà) Nguyễn Như Tiến... xin cải tạo ao hồ để nuôi tôm sú quản canh cải tiến.

Qua khảo sát thực tế khu nuôi tôm sú và trao đổi với ông (bà): Nguyễn Như Tiến....., chúng tôi ghi nhận thông tin như sau:

- \* Đại diện chủ cơ sở:  
Có đơn xin cải tạo ao, hồ nuôi thủy sản vào ngày 06/3/2023, cụ thể là xin cải tạo ao nuôi tôm sú quảng canh cải tiến, tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải với diện tích 10.000m<sup>2</sup>, thời gian cải tạo từ ngày 01/4/2023 đến 31/12/2023, phương tiện cải tạo bằng máy đào (Kobe) và cải tạo bằng máy hút bùn theo hướng dẫn lịch trình cải tạo ao hồ của UBND huyện; Cam kết bố trí chuồng trại theo quy định.
- \* Đại diện phòng Nông nghiệp và PTNT huyện:  
Thực tế tại khu nuôi tôm sú quản canh

Cải tiến của bà Nguyễn Như Tiên, có sự phối  
lẫn với mức nước trong khu vực trung bình  
khoảng 0,7m (đỉnh từ đáy ao đến mặt bờ)  
để nghỉ chừ hồ bờ trái khu chia thái và  
mới thái theo hướng dẫn các tạo ao hồ tại  
Công văn số 1287/UBND-KT ngày 19/9/2022  
của Ủy ban nhân dân huyện.

\* Đại diện phòng tài nguyên và MT huyện  
đề nghị chủ hồ bờ trái khu dự kiến  
đặt chỗ phù hợp; cần kết nối xử lý đất  
thái và nước thái để làm hạn chế  
ảnh hưởng các hồ nước trong xung quanh.

\* Đại diện UBND xã đồng ý:

Thống nhất ý kiến của phòng nông nghiệp và  
PTNT; phòng tài nguyên và môi trường huyện;  
đề nghị chủ hồ cần tôn tạo, giữ bờ  
bờ ao xung quanh theo phương hướng các tạo.

.....  
.....  
Biên bản kết thúc vào lúc .15....giờ ..00... phút cùng ngày, thành phần tham gia thống nhất ký tên./.

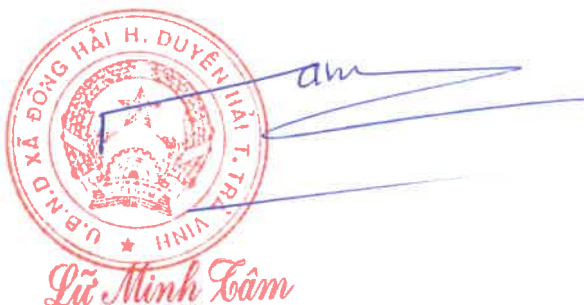
**ĐẠI DIỆN HỘ XIN CẢI TẠO AO HỒ**

**NGƯỜI GHI BIÊN BẢN**

Ale  
Nguyễn Như Kiên

[Signature]  
Lê Thanh Văn

**XÁC NHẬN ỦY BAN XÃ ĐÔNG HẢI**

  
Lữ Minh Tâm

**THÀNH PHẦN THAM GIA**

[Signature]  
Nguyễn Đình Tú

[Signature]  
Trần Văn Chính

Số: 32/BC-PNNPTNT

Duyên Hải, ngày 24 tháng 4 năm 2023

## BÁO CÁO

Về việc **thẩm định đơn xin cải tạo ao, hồ nuôi trồng thủy sản của ông Nguyễn Bé Hai và bà Nguyễn Như Tiên, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải.

Thực hiện Công văn số 325/UBND-KT ngày 15/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải về việc thẩm định đơn xin cải tạo ao hồ, nuôi trồng thủy sản.

Phòng Nông nghiệp và PTNT báo cáo về việc thẩm định đơn xin cải tạo ao hồ để nuôi trồng thủy sản của ông Nguyễn Bé Hai (ngụ ấp Cồn Cù, xã Đông Hải) và bà Nguyễn Như Tiên (ngụ ấp Cồn Cù, xã Đông Hải), như sau:

### **1. Kết quả khảo sát thực tế điều kiện cải tạo ao hồ để nuôi tôm quảng canh cải tiến**

#### **1.1. Đối với hộ ông Nguyễn Bé Hai (ngụ ấp Cồn Cù, xã Đông Hải)**

Khu đất của hộ tọa lạc tại thửa đất số 418, tờ bản đồ số 17, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, với tổng diện tích 46.242 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: ao (hồ). Hộ nuôi tôm sú quảng canh cải tiến với diện tích 10.000 m<sup>2</sup>, độ sâu từ đáy ao đến mặt bờ khoảng 0,7m. Khu nuôi nằm trong vùng quy hoạch, kế hoạch sản xuất của địa phương, sử dụng đất đúng mục đích, đáp ứng đủ điều kiện cải tạo ao để nuôi tôm quảng canh cải tiến.

#### **1.2. Đối với hộ bà Nguyễn Như Tiên (ngụ ấp Cồn Cù, xã Đông Hải)**

Khu đất của hộ tọa lạc tại thửa đất số 576, tờ bản đồ số 17, ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, với tổng diện tích 18.772 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: nuôi trồng thủy sản. Hộ nuôi tôm sú quảng canh cải tiến với diện tích 7.000 m<sup>2</sup>, độ sâu từ đáy ao đến mặt bờ khoảng 0,7m. Khu nuôi nằm trong vùng quy hoạch, kế hoạch sản xuất của địa phương, sử dụng đất đúng mục đích, đáp ứng đủ điều kiện cải tạo ao để nuôi tôm quảng canh cải tiến.

### **2. Ý kiến đề xuất**

Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo:

- Đối với hộ ông Nguyễn Bé Hai và hộ bà Nguyễn Như Tiên: Thực hiện cải tạo ao hồ theo quy định tại Công văn số 1287/UBND-KT ngày 19/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện Duyên Hải. Trong quá trình cải tạo ao nuôi, khu nuôi phải bố trí khu chứa đất, bùn thải, nước thải, không được xả thải đất, bùn, chất thải trực tiếp ra sông, kênh, rạch gây ô nhiễm môi trường, làm bồi lắng, tắc nghẽn dòng chảy.

- Giao Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Đông Hải theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi, giám sát quá trình cải tạo ao hồ của hộ ông Nguyễn Bé Hai và hộ bà Nguyễn Như Tiên đảm bảo theo đúng quy định.

Trên đây là báo cáo về việc thẩm định đơn xin cải tạo ao, hồ để nuôi tôm quảng canh cải tiến của ông Nguyễn Bé Hai và bà Nguyễn Như Tiên, Phòng Nông nghiệp và PTNT báo cáo Ủy ban nhân dân huyện nắm, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Phạm Thị Hồng Diễm**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

***HỢP ĐỒNG KINH TẾ***

**Số:02/2023/HĐKT**

**VỀ VIỆC CẢI TẠO ĐẤT VÀ TẬN THU ĐẤT DÔI DƯ**

Giữa

**CÔNG TY TNHH MTV VLXD NGỌC TÂM**

Và

**Ông: Nguyễn Bé Hai**

**Địa chỉ: ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên hải, tỉnh Trà Vinh**

**Trà Vinh, 2023**

## 1. Các điều khoản hợp đồng

*Căn cứ* Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;

*Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;*

*Căn cứ vào nhu cầu và sự thỏa thuận của các bên tham gia Hợp đồng;*

Hôm nay, ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm có địa chỉ ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh chúng tôi gồm:

### **Bên A (bên chủ đất):**

- Ông: Nguyễn Bé Hai;                      sinh năm: 1960

- CMND/CCCD số: 084060001942; Ngày cấp: 25/4/2021; Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Nơi ĐKTT: ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

**Bên B (bên thực hiện cải tạo):** Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm

- Bà: Nguyễn Thị Thúy Hằng; Chức vụ: Giám đốc

+ Địa chỉ thường trú: Số 7, khóm 3, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

+ Địa chỉ liên lạc: số 7, khóm 3, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Điện thoại: 0901039690

Bên A và Bên B sau đây gọi riêng là “**Bên**” hoặc “**mỗi Bên**” và gọi chung là “Hai Bên” và “Các bên”, tùy theo ngữ cảnh diễn đạt.

Sau khi thảo luận, Hai Bên thống nhất đi đến ký kết Hợp đồng cải tạo đất và tận thu đất dôi dư (“**Hợp Đồng**”) với các điều khoản và điều kiện dưới đây:

## 2. Nội dung hợp đồng

Bên A đồng ý cho bên B thực hiện cải tạo đất ao hồ để nuôi trồng thủy sản theo đúng phương án cải tạo đất ao hồ đã được phê duyệt. Đồng thời bên B thực hiện tận thu vận chuyển đất dôi dư.

### **3. Địa điểm thực hiện dự án**

Phần đất cần cải tạo có diện tích là 20.000 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 418 tờ bản đồ số 17 tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của Ông Nguyễn Bé Hai.

### **4. Giá trị hợp đồng và thời gian thực hiện**

- Tổng giá trị hợp đồng là 195.000.000 đồng (*một trăm chín mươi lăm triệu đồng*), tương đương 1m<sup>3</sup> đất dôi dư được tận thu, bên B trả cho bên A 15.000 đồng.

- Thời gian thực hiện cải tạo là: 12 tháng.

### **5. Trách nhiệm của bên A**

Bên A tạo mọi điều kiện thuận lợi để Bên B thực hiện cải tạo ao hồ được nhanh chóng, an toàn, tiết kiệm và hiệu quả. Đồng thời bên A sẽ giám sát việc thực hiện cải tạo theo khối lượng công việc và yêu cầu của bên A như đã thỏa thuận.

Cung cấp thông tin, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho bên B thực hiện, lập các thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật có liên quan khi có yêu cầu.

### **6. Trách nhiệm của bên B**

Thanh toán đầy đủ giá trị hợp đồng cho bên A theo quy định.

Mọi chi phí cải tạo do bên B chi trả.

Thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý để tận thu, vận chuyển đất dôi dư.

Trong quá trình thực hiện cải tạo tại thửa đất số 418 tờ bản đồ số 17 ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh nếu có gây tổn thất, thiệt hại cho bên A do lỗi của bên B thì bên B sẽ bồi thường thiệt hại theo quy định hoặc do hai bên tự thỏa thuận.

### **7. Kết thúc hợp đồng**

Hợp đồng được chấm dứt khi đạt khối lượng công việc theo thỏa thuận của hai bên và được thanh toán đầy đủ giá trị hợp đồng hoặc do yêu cầu của các bên (phải thông báo trước và có sự đồng ý bằng văn bản của bên còn lại).

Hợp Đồng được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

**BÊN A**  
(ký và ghi rõ họ tên)

Bế Hải  
Nguyễn Bế Hải

**BÊN B**  
(ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Thùy Hằng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

***HỢP ĐỒNG KINH TẾ***  
**Số:01/2023/HĐKT**

**VỀ VIỆC CẢI TẠO VÀ TẬN THU ĐẤT DÔI DƯ**

Giữa

**CÔNG TY TNHH MTV VLXD NGỌC TÂM**

Và

Bà: Nguyễn Như Tiên

Địa chỉ: ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên hải, tỉnh Trà Vinh

Trà Vinh, 2023

## 1. Các điều khoản hợp đồng

*Căn cứ* Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;

*Căn cứ* Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

*Căn cứ vào nhu cầu và sự thỏa thuận của các bên tham gia Hợp đồng;*

Hôm nay, ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm có địa chỉ ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh chúng tôi gồm:

### **Bên A (bên chủ đất):**

- Bà: Nguyễn Như Tiên; sinh năm: 01/01/2001

- CMND/CCCD số: 335078331; Ngày cấp: 15/07/2020; Nơi cấp CA tỉnh Trà Vinh

- Nơi ĐKTT: ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

### **Bên B (bên thực hiện cải tạo):** Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm

- Bà: Nguyễn Thị Thúy Hằng; Chức vụ: Giám đốc

+ Địa chỉ thường trú: Số 7, khóm 3, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

+ Địa chỉ liên lạc: số 7, khóm 3, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Điện thoại: 0901039690

Bên A và Bên B sau đây gọi riêng là “**Bên**” hoặc “**mỗi Bên**” và gọi chung là “Hai Bên” và “Các bên”, tùy theo ngữ cảnh diễn đạt.

Sau khi thảo luận, Hai Bên thống nhất đi đến ký kết Hợp đồng cải tạo đất và tận thu đất dôi dư (“**Hợp Đồng**”) với các điều khoản và điều kiện dưới đây:

## 2. Nội dung hợp đồng

Bên A đồng ý cho bên B thực hiện cải tạo đất ao hồ để nuôi trồng thủy sản theo đúng phương án cải tạo đất ao hồ đã được phê duyệt. Đồng thời bên B thực hiện tận thu vận chuyển đất dôi dư.

### 3. Địa điểm thực hiện dự án

Phần đất cần cải tạo có diện tích là 10.000 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 576 tờ bản đồ số 17 tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của Bà Nguyễn Như Tiên.

### 4. Giá trị hợp đồng và thời gian thực hiện

- Tổng giá trị hợp đồng là 75.000.000 đồng, tương đương 1m<sup>3</sup> đất dôi dư được tận thu, bên B trả cho bên A 15.000 đồng.

- Thời gian thực hiện cải tạo là: 12 tháng.

### 5. Trách nhiệm của bên A

Bên A tạo mọi điều kiện thuận lợi để Bên B thực hiện cải tạo ao hồ được nhanh chóng, an toàn, tiết kiệm và hiệu quả. Đồng thời bên A sẽ giám sát việc thực hiện cải tạo theo khối lượng công việc và yêu cầu của bên A như đã thoả thuận.

Cung cấp thông tin, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho bên B thực hiện, lập các thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật có liên quan khi có yêu cầu.

### 6. Trách nhiệm của bên B

Thanh toán đầy đủ giá trị hợp đồng cho bên A theo quy định.

Mọi chi phí cải tạo do bên B chi trả.

Thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý để tận thu, vận chuyển đất dôi dư.

Trong quá trình thực hiện cải tạo tại thửa đất số 576 tờ bản đồ số 17 ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh nếu có gây tổn thất, thiệt hại cho bên A do lỗi của bên B thì bên B sẽ bồi thường thiệt hại theo quy định hoặc do hai bên tự thoả thuận.

### 7. Kết thúc hợp đồng

Hợp đồng được chấm dứt khi đạt khối lượng công việc theo thoả thuận của hai bên và được thanh toán đầy đủ giá trị hợp đồng hoặc do yêu cầu của các bên (phải thông báo trước và có sự đồng ý bằng văn bản của bên còn lại).

Hợp Đồng được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

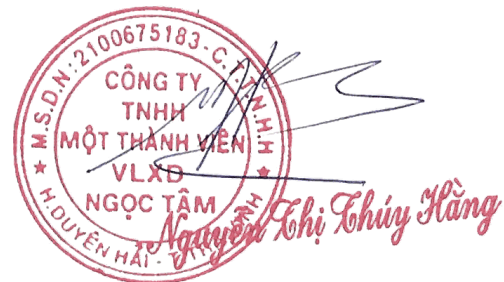
**BÊN A**

(ký và ghi rõ họ tên)

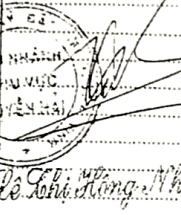
*Nguyễn Văn Tiến*  
*Nguyễn Văn Tiến*

**BÊN B**

(ký và ghi rõ họ tên)



NHỮNG THAY ĐỔI SAU KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Ngày tháng năm	Số và nội dung quyết định	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
16/09/2016	Đổi tên địa chỉ thửa đất từ ấp Côn Cù, xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh thành ấp Côn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Người sử dụng đất đổi địa chỉ từ ấp Côn Cù, xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh thành ấp Côn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, số mới của tờ bản đồ là 17 do thay đổi đơn vị hành chính theo hồ sơ số: 003809.DT.001./.	<p>KT. QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI PHÒNG QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI</p>  <p>Lê Chí Hồng, Nguyễn Văn...</p>

Kèm theo GCN có trang bổ sung số

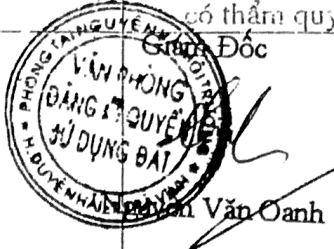
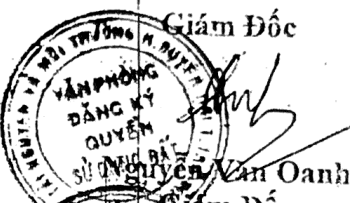

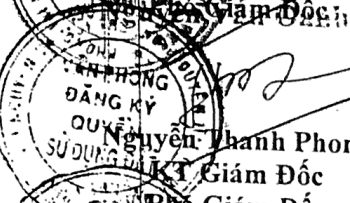

**NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý !**

- 1- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo các điều 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79 Luật Đất đai 1993.
- 2- Khi có thay đổi về hình thế, quy mô sử dụng, mục đích sử dụng và người sử dụng khu đất, phải mang giấy chứng nhận này đến đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 3- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ một nội dung nào trong giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc làm hư hỏng giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.



**GIẤY CHỨNG NHẬN  
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**



Ngày tháng năm	Số và nội dung quyết định	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
16/03/2012	Số Thừa 418, Tờ 7, Số GCN số Y 696014 Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng NN và PTNT chi nhánh Duyên Hải theo hồ sơ số: 29533.001741.TC.VP	 Giám Đốc Nguyễn Văn Oanh
21/03/2014	Đã xóa thế chấp theo xác nhận của Ngân Hàng NN và PTNT Việt Nam Chi nhánh Duyên Hải Tỉnh Trà Vinh theo hồ sơ số: 29533.023838.XC.VP	 Giám Đốc Nguyễn Văn Oanh
21/03/2014	Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân Hàng NN và PTNT Việt Nam Chi nhánh Duyên Hải Tỉnh Trà Vinh theo hồ sơ số: 29533.023839.TC.VP	 Giám Đốc Nguyễn Văn Oanh
08/04/2015	Đã xóa thế chấp ngày 21/03/2014 theo xác nhận của Agribank Chi nhánh Duyên Hải theo hồ sơ số: 29533.033523.XC.3033	 Giám Đốc Nguyễn Thanh Phong
08/04/2015	Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Agribank Chi nhánh Duyên Hải theo hồ sơ số: 29533.0334524.TC.3033	 Phó Giám Đốc Nguyễn Thanh Phong

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 576, tờ bản đồ số: 17,
- b) Địa chỉ: ấp Côn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh,
- c) Diện tích: 18772,0m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Mười tám nghìn bảy trăm bảy mươi hai mét vuông),
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng,
- đ) Mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản,
- e) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 25/12/2022,
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất,

2. Nhà ở: -/-

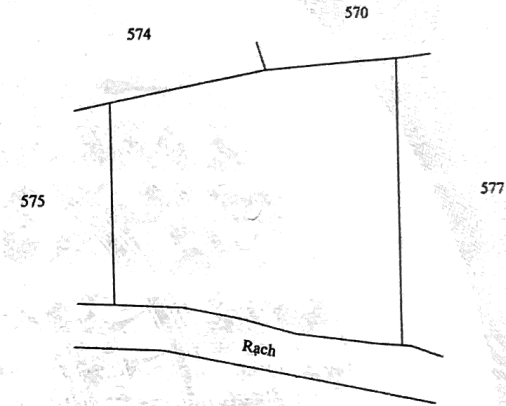
3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

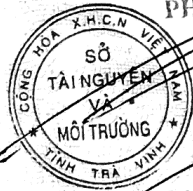
6. Ghi chú: -/-

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Trà Vinh, ngày 08 tháng 6 năm 2022  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH  
TU. GIÁM ĐỐC  
GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Linh Linh Nien*



Số vào sổ cấp GCN: CS 07109

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bà: NGUYỄN NHƯ TIÊN

Năm sinh: 2001, CCCD số: 084301001615

Địa chỉ thường trú: ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2953622003384

DG 090175

**CÔNG TY TNHH MTV  
VLXD NGỌC TÂM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/CV.NT

Đông Hải, ngày 02 tháng 02 năm 2023

V/v lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện ĐTM của dự án “Vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ”

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Đông Hải.

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm đã thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án Vận chuyển và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo ao hồ.

Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm kính gửi đến Ủy ban nhân dân xã Đông Hải báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và rất mong nhận được ý kiến đóng góp của UBND xã Đông Hải về các nội dung: vị trí thực hiện dự án đầu tư; biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư.

Ý kiến tham vấn của Ủy ban nhân dân xã Đông Hải xin gửi về Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm trong thời hạn không quá 5 ngày để Công ty TNHH MTV VLXD Ngọc Tâm hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

**GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đơn vị tư vấn;
- Lưu: VT



*Nguyễn Thị Thuý Hằng*

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## BIÊN BẢN

### Họp tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Tên dự án: **VẬN CHUYỂN VÀ TẬN THU PHẦN ĐẤT DÔI DƯ SAU CẢI TẠO AO HỒ**

Thời gian họp: 14. giờ 00. phút, ngày 10. tháng 02. năm 2023

Địa chỉ nơi họp: Nhà văn hoá ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

#### 1. Thành phần tham dự:

1.1. Đại diện Ủy ban nhân dân xã Đông Hải – chủ trì cuộc họp và chỉ định người ghi biên bản cuộc họp

Ông (Bà): Lữ... Minh... Tâm...

Chức vụ: Chủ tịch UBND xã

Ông (Bà): Lâm... Văn... Nhịp...

Chức vụ: CC. Địa chính Môi trường

1.2. Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án

Ông (Bà): Nguyễn... Thị... Thủy... Hằng

Chức vụ: Giám đốc

1.3. Đại diện đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM: Công ty TNHH Kỹ thuật Môi trường CDM Sóc Trăng

Ông (Bà): Nguyễn... Thị... Thủy... Đan

Chức vụ: Nhân Viên

1.5. Thành phần tham dự

Cùng với sự tham gia của ..... hộ dân trên địa bàn ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh chịu tác động trực tiếp bởi dự án (Danh sách đính kèm).

#### 2. Nội dung và diễn biến cuộc họp

2.1. Người chủ trì: Ông... Lữ... Minh... Tâm... thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần tham dự.

2.2. Đại diện chủ dự án trình bày nội dung tham vấn:

Đại diện chủ dự án: Bà... Nguyễn... Thị... Thủy... Hằng... trình bày nội dung tham vấn như sau:

- Vị trí thực hiện dự án đầu tư: ... tại... thửa... 418... và... 576... ấp... bàu đả số 17

ấp... Cơn... Cũ... xã... Đông Hải... huyện... Duyên Hải... tỉnh... Trà Vinh.  
mục... đích... sử... dụng... đất... đất... ao... hồ... và... đất... nuôi... thủy... sản

... Sau... cái... tạo... ao... hồ... phân... đất... dư... dư... được... vận... chuyển... tận... thu... tận... vật... liệu... san... lấp... và... được... tập... lã... tại... bãi... VLXD... của... công... ty... TNHH... Ngọc... Tâm... tại... ấp... Cơn... Cũ... xã... Đông... Hải... bằng... phĩng... tũp... vận... chuyển... thủy... thủy... và... đường... bả.

... Xung... quanh... dự... án... là... vùng... nuôi... tôm... bán... thâm... canh... công... nghệ... cao... và... quản... canh... hệ... thống... khoa... mẫu...

- Tác động môi trường của dự án đầu tư:

+ Tác... động... đến... chất... lượng... nước: nước... thải... sinh... hoạt... của... công... nhân... làm... việc... tại... dự... án... nước... rỉ... từ... hoạt... động... sản... tạo... ao... bãi... tách... đất... nước... mưa... chảy... tràn... qua... chu... vi... dự... án... Nước... thải... nếu... không... được... quản... lý... tốt... có... thể... ảnh... hưởng... đến... hoạt... động... nuôi... thủy... sản... của... người... dân.

+ Tác... động... từ... chất... thải... rắn: Bùn... rời... vãi... chất... thải... rắn... sinh... hoạt... chất... thải... nguy... hại... cần... được... quản... lý.

+ Tác... động... đến... môi... trường... không... khí: bụi... từ... quá... trình... vận... chuyển... chất... thải... từ... phương... tiện... động... cơ... máy... móc... thi... công...

+ Rủi... ro... về... cỏ... tràn... dầu... sạt... lở... bả... bao... tràn... nước... thải... ra... ngoài... môi... trường... ảnh... hưởng... đến... các... ao... nuôi...

- Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

+ Đối với bùn rơi vãi: tổ chức thu gom, quét dọn, rửa bồn xe trước khi rời bãi, có bạt che chắn tránh vãi tạt bụi.

+ Đối với nước thải xử lý: sử dụng nhà x. của chủ đất.

+ Đối với nước thải trong quá trình bãi dỡ vật liệu, các thao tác: gia cố bờ bao, giữ nước thải bên trong thối đất cho lắng tự nhiên.

+ Đối với rác sinh hoạt: bố trí thùng rác, mỗi ngày mang bỏ vào thùng rác công cộng, hợp đồng với đơn vị vận chuyển xử lý.

+ Sử dụng trần đất: xây dựng phòng ăn phòng ngủ và nhà vệ sinh có trần đất trong quá trình vận chuyển bằng đường thủy.

#### - Chương trình quản lý và giám sát môi trường:

+ Giám sát nước thải: 3 tháng / lần - tại vị trí tiếp nhận

+ Giám sát không khí: 6 tháng / lần

chu kỳ theo quy định vận chuyển đường bộ

+ Giám sát sát lở, khối lượng đất vận chuyển: hàng ngày

### 2.3. Ý kiến của cộng đồng dân cư với chủ dự án, Ủy ban nhân dân cấp xã về các nội dung tham vấn

+ Ý kiến 1: đất hiện trạng thấp, lấy đất đi sẽ dễ gây sụt lở.

+ Ý kiến 2: cho lấy phải cắm biển, phải lấy ý kiến của các hộ giáp ranh, lấy đất phải trong giới hạn cho phép.

+ Ý kiến 3: Tiến hành pháp của dự án do chính quyền xã xem xét.

+ Ý kiến 4: Khai thác phải có sự đồng ý của các  
hệ giáp ranh.

+ Ý kiến 5: Tuyên dương vận chuyển phải được về  
nhà, quê đón khi về hưu, đất rời về.

+ Ý kiến 6: Xe chở đất phải được phủ bạt kín  
thùng xe để tránh phát tán bụi.

+ Thường xin các tạo phải nêu rõ cách vận  
bảo như thế nào? Lãi tao sâu bao nhiêu? Bao bảo  
không gây sát lộ thối đất lên cầu.

+ Ý kiến số các hệ giáp ranh.

+ Thủ tục đất 418 được bao bao bởi thủ tục đất 119  
của cùng chủ đất 118 nên không sinh hướng dẫn  
sâu thối của các hệ lân cận.

+ Thấy nhất cho chủ đất thực hiện cải tạo  
và tận thu đất cho đủ.

2.4. Đại diện chủ dự án tiếp thu, giải trình rõ các ý kiến của cộng đồng:

- Đại diện chủ dự án tiếp thu ý kiến đóng  
góp của người dân và đồng thời có ý kiến  
giải trình:

+ Quá trình thực hiện dự án đảm bảo tuân  
thủ giải pháp môi trường đã nêu trong ĐTM.

+ Bổ sung các ý kiến đóng góp của các hệ  
đáp vào ĐTM.

+ Quá trình chủ đất thực hiện cải tạo  
ao hồ đảm bảo các yêu cầu đất từ trên  
đề không ảnh hưởng đến các lộ địa xung  
quanh.

+ Quá trình tận thu vận chuyển thực hiện  
theo các phương tiện đã có đủ tại bãi tập kết  
tận do chủ đất bố trí tại thủ tục đất 118 và  
576 trong quá trình cải tạo ao hồ đối dư.

3. Người chủ trì cuộc họp tổng hợp nội dung cuộc họp, kiến nghị của cộng đồng dân cư và tuyên bố kết thúc cuộc họp.

Các hộ dân có nhiều bất khoản, lo lắng việc vận chuyển cát đất để gây sạt lở...  
Cần nêu rõ các giải pháp bảo vệ, giảm thiểu số cá thể động môi trường trong các DTU...  
Sau khi chủ dự án giải trình thấy nhất của các hộ giáp ranh, các thành viên tham dự họp thấy nhất bất sự các giải pháp và đôn đốc gia bất sự vào DTU, thấy nhất dự án.

**ĐẠI DIỆN UBND XÃ ĐÔNG HẢI**

(Ký tên, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)



Lữ Minh Tâm

**ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN**

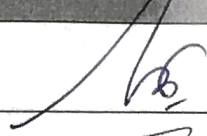
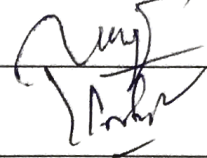
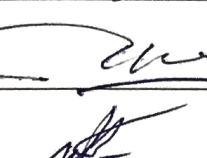
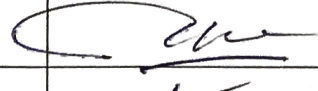


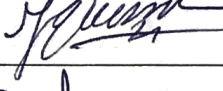
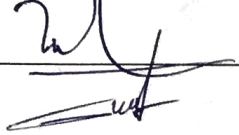
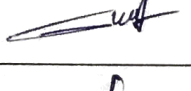
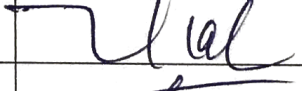
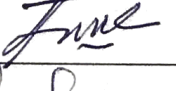
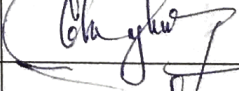
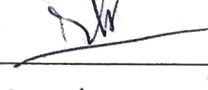
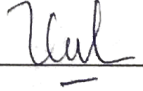



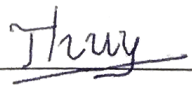
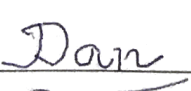
(Ký tên, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Thủy Hằng

## THÀNH PHẦN THAM DỰ

(Kèm theo Biên bản cuộc họp ngày 12/02./2013)

Stt	Họ tên	Chức vụ	Chữ ký
1	Hau Văn Dũng	UBND	
2	Mai Văn Yên	Hộ dân	
3	Lâm Văn Nhịp	Ce Đu Mĩ	
4	Nguyễn Lê Quốc Tâm	Hộ dân	
5	Đường Quốc Sĩ	Hộ dân	
6	Nguyễn Thị Tánh	Mặt trận cấp	
7	Phạm Văn Quang	Hộ dân	
8	Lê Thị Bình	Hộ dân	
9	Nguyễn Thị Hồng Đan	Ban TĐ Đảng	
10	Hà Văn Nam	Hộ dân	
11	Nguyễn Văn Lâm	Hộ dân	
12	Trần Thị Huệ Linh	Xã Đoàn	
13	Trần Thị Trúc Linh	MTTC VN nữ	
14	Nguyễn Thị Hiệp	Hiệp Hộ dân	
15	Nguyễn Thị Cẩm	Hộ dân	
16	Nguyễn Thị Huệ	Hộ dân	
17	Tô Văn Sơn	Hộ dân	
18	Hà Như Thủy	Hộ dân	
19	Đường Văn Đào	Hộ dân	

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG  
**PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM  
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783  
Hot line : 0919797284 - 0919986829  
E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)  
Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)



**PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682**

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã số phiếu: 22.7986

- Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG CDM SÓC TRĂNG
- Địa điểm lấy mẫu** : XƯỞNG SẢN XUẤT THAN ĐÁ TƯ PHÀN  
Địa chỉ: Xã Đa Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh
- Phân loại mẫu** : Môi trường không khí xung quanh
- Ngày lấy mẫu** : 22/11/2022
- Ngày trả kết quả** : 01/12/2022

Chỉ tiêu	Độ ồn dBA	Tốc độ gió m/s	Bụi mg/m <sup>3</sup>	SO <sub>2</sub> mg/m <sup>3</sup>	NO <sub>2</sub> mg/m <sup>3</sup>	CO mg/m <sup>3</sup>
Điểm đo						
K1: Khu vực công dự án trên đường QL54	67,2	0,5	0,208	0,096	0,083	< 8,3
Phương pháp đo, xác định	TCVN 7878-2:2018	QCVN 46:2012/BTNMT	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD 85-PTCO
QCVN 05:2013/BTNMT	-		<b>0,3</b>	<b>0,35</b>	<b>0,2</b>	<b>30</b>
QCVN 26:2010/BTNMT						
Khu vực thông thường (6 – 21h)	≤ 70		-	-	-	-

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (-): Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG  
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM  
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783  
 Hot line : 0919797284 - 0919986829  
 E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)  
 Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)



**PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682**

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã số phiếu: 22.7987

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG CDM SÓC TRĂNG
2. Địa điểm lấy mẫu : XƯỞNG SẢN XUẤT THAN ĐÁ TƯ PHÀN  
Địa chỉ: Xã Đa Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh
3. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất
4. Ngày lấy mẫu : 22/11/2022
5. Ngày trả kết quả : 01/12/2022

Điểm đo	Chỉ tiêu	Nhiệt độ °C	Độ rung (m/s <sup>2</sup> )		Độ ồn dBA
			Rung đứng m/s <sup>2</sup>	Rung ngang m/s <sup>2</sup>	
K2: Khu vực sản xuất		30,1	0,009	0,007	71,3
<b>Phương pháp đo, xác định</b>		QCVN 46:2012/BTNMT	TCVN 6963:2001		TCVN 7878-2:2018
<b>QCVN 24:2016/BYT</b>		-	-	-	<b>≤ 85</b>
<b>QCVN 27:2016/BYT</b>		-	<b>≤ 0,086</b>	<b>≤ 0,06</b>	-
<b>QCVN 26:2016/BYT</b>		<b>20 – 34</b>	-	-	-
Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/m <sup>3</sup>	SO <sub>2</sub> mg/m <sup>3</sup>	NO <sub>2</sub> mg/m <sup>3</sup>	CO mg/m <sup>3</sup>
K2: Khu vực sản xuất		0,874	0,265	0,194	< 8,3
<b>Phương pháp đo, xác định</b>		TCVN 5067:1995	TCVN 5971-1995	TCVN 6137:2009	HD85-PTCO
<b>QCVN 02:2019/BYT</b>		<b>8</b>	-	-	-
<b>QCVN 03:2019/BYT</b>		-	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>40</b>

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (-): Thông số không quy định giới hạn                      KPH: Không Phát Hiện                      LOD: Giới hạn phát hiện
- (\*): Chỉ tiêu mang tính chất tham khảo
- QCVN 27/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc
- QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than
- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG  
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM  
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783  
 Hot line : 0919797284 - 0919986829  
 E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)  
 Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)



**PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682**

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã số phiếu: 22.7988

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG CDM SÓC TRĂNG
2. **Địa điểm lấy mẫu** : XƯỞNG SẢN XUẤT THAN ĐÁ TƯ PHÀN  
Địa chỉ: Xã Đa Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh
3. **Thông tin mẫu** : Nước mặt gần khu vực xả thải của cơ sở
4. **Ngày lấy mẫu** : 22/11/2022
5. **Ngày trả kết quả** : 01/12/2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015 /BTNMT Cột B1	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,35	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	DO		4,26	≥ 4	TCVN 7325:2016
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	14	15	TCVN 6001-1:2008
4	COD	mg/l	29	30	SMEWW 5220C:2017
5	TSS	mg/l	48	50	TCVN 6625:2000
6	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	mg/l	38,2	350	SMEWW 4500-Cl <sup>-</sup> B:2017
7	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/l	0,78	0,9	SMEWW 4500 NH3 B&F:2017
8	N-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	mg/l	0,42	10	TCVN 6180:1996
9	P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	mg/l	0,21	0,3	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	mg/l	14,9	-	SMEWW 4500-SO4 E:2017
11	As	mg/l	KPH(LOD=0,0023)	0,05	SMEWW 3113B:2017
12	Sắt (Fe)	mg/l	KPH(LOD=0,04)	1,5	TCVN 6177:1996
13	Hg	mg/l	KPH(LOD=0,0003)	0,001	SMEWW 3112B:2017
14	Coliform	MPN/100ml	6,4 x 10 <sup>3</sup>	7500	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt



**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG  
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM  
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783  
 Hot line : 0919797284 - 0919986829  
 E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)  
 Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)



**PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682**

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã số phiếu: 22.8069

- Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG CDM SÓC TRĂNG
- Địa điểm lấy mẫu** : XƯỞNG SẢN XUẤT THAN ĐÁ TƯ PHÀN  
Địa chỉ: Xã Đa Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh
- Thông tin mẫu** : Nước mặt gần khu vực xả thải của cơ sở
- Ngày lấy mẫu** : 24/11/2022
- Ngày trả kết quả** : 01/12/2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015 /BTNMT Cột B1	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,19	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	DO		4,62	≥ 4	TCVN 7325:2016
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	12	15	TCVN 6001-1:2008
4	COD	mg/l	26	30	SMEWW 5220C:2017
5	TSS	mg/l	47	50	TCVN 6625:2000
6	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	mg/l	34,0	350	SMEWW 4500-Cl-B:2017
7	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/l	0,74	0,9	SMEWW 4500 NH3 B&F:2017
8	N-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	mg/l	0,31	10	TCVN 6180:1996
9	P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	mg/l	0,22	0,3	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	mg/l	16,8	-	SMEWW 4500-SO4 E:2017
11	As	mg/l	KPH(LOD=0,0023)	0,05	SMEWW 3113B:2017
12	Sắt (Fe)	mg/l	KPH(LOD=0,04)	1,5	TCVN 6177:1996
13	Hg	mg/l	KPH(LOD=0,0003)	0,001	SMEWW 3112B:2017
14	Coliform	MPN/100ml	6,4 x 10 <sup>3</sup>	7500	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày      tháng      năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện  
hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 về việc ban hành Quy trình thí điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và thủ tục chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty TNHH Khoa học công nghệ và Phân tích môi trường Phương Nam;*

*Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty TNHH Khoa học công nghệ và Phân tích môi trường Phương Nam;*

*Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chứng nhận “**Công ty TNHH Khoa học công nghệ và Phân tích môi trường Phương Nam**”, địa chỉ Số 1358/21/5G Quang Trung, phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký **039/TN-QTMT**) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số **VIMCERTS 039**) theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Công ty TNHH Khoa học công nghệ và Phân tích môi trường Phương Nam phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Công ty TNHH Khoa học công nghệ và Phân tích môi trường Phương Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

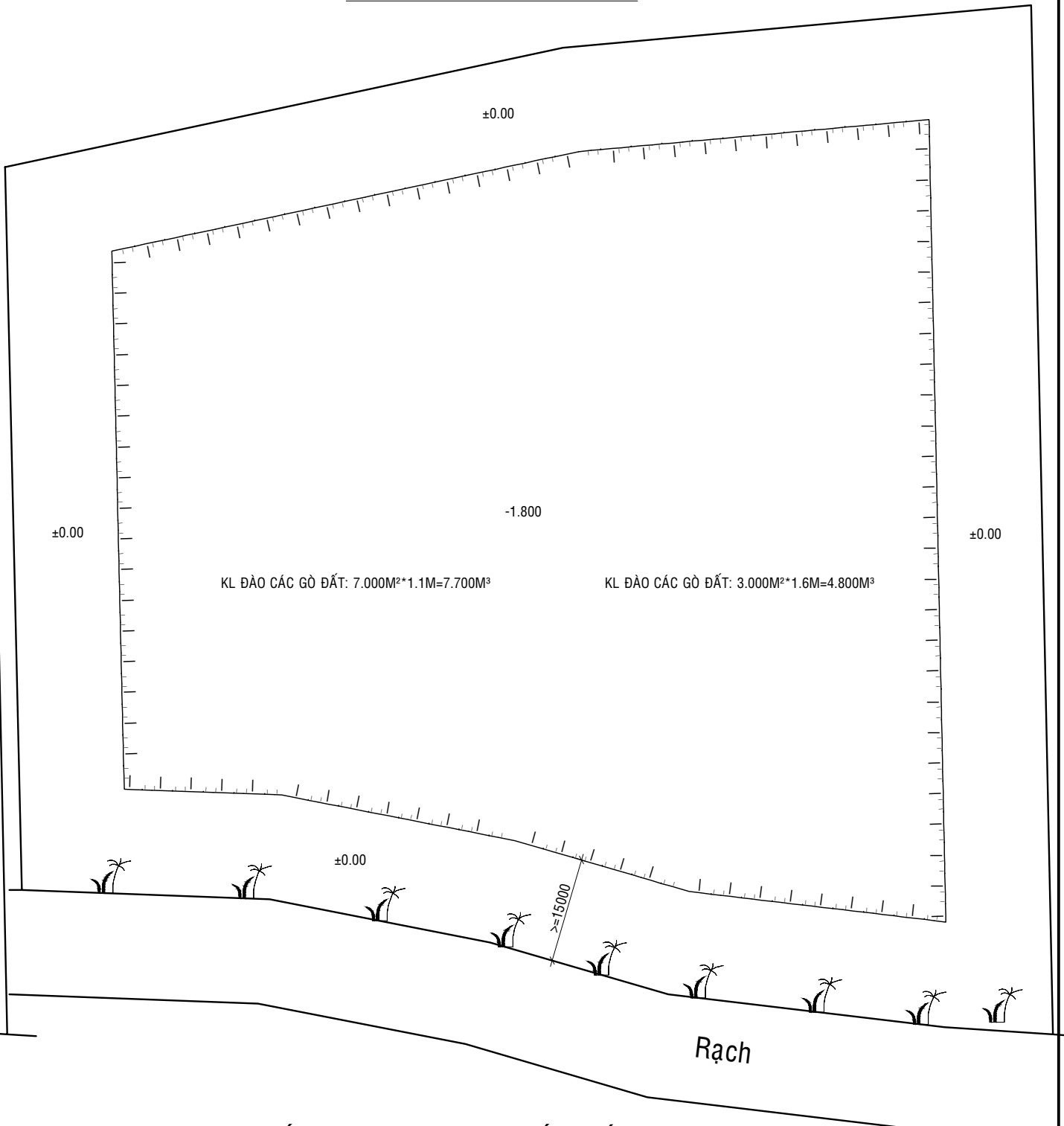
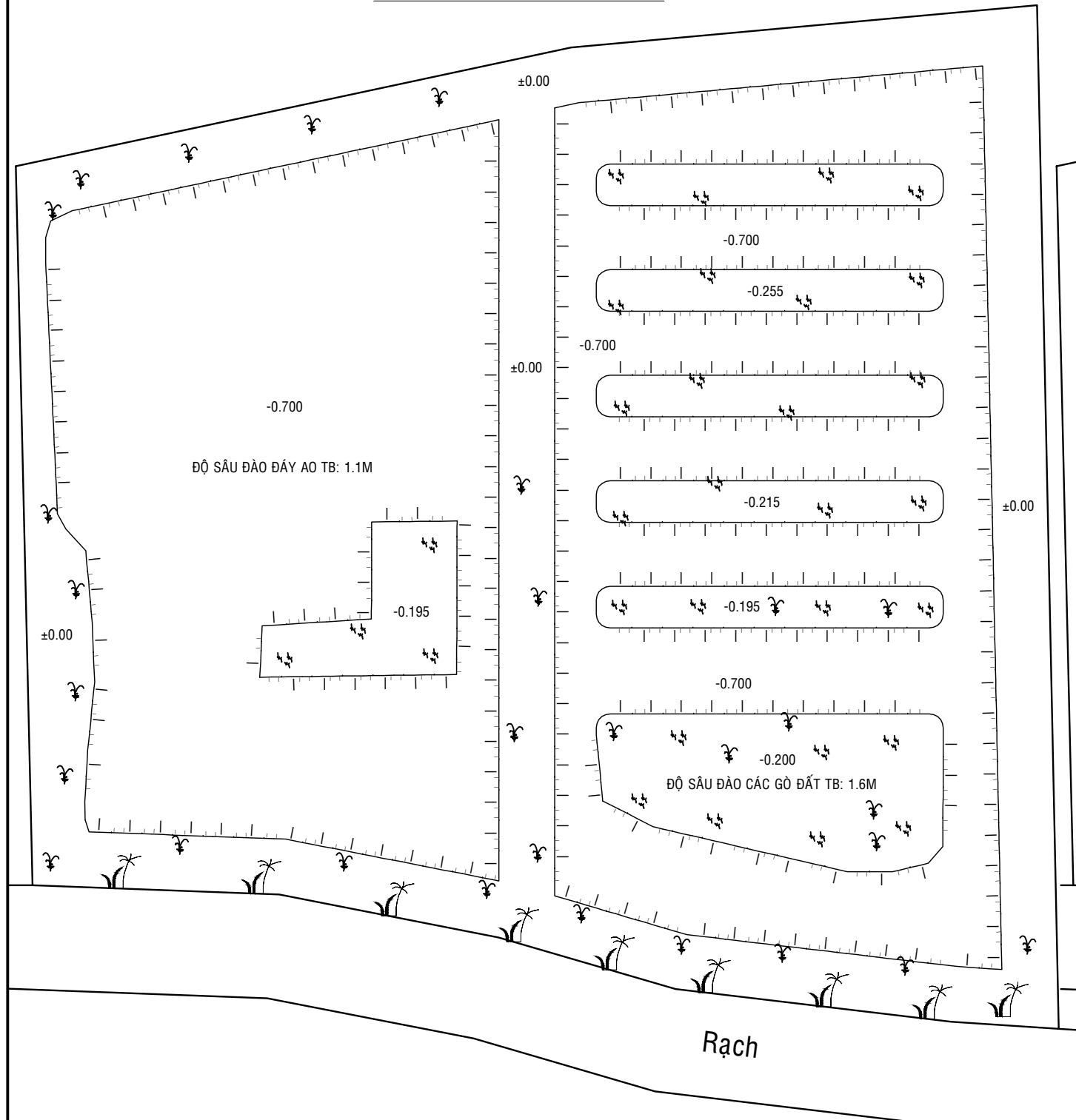
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL(12).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

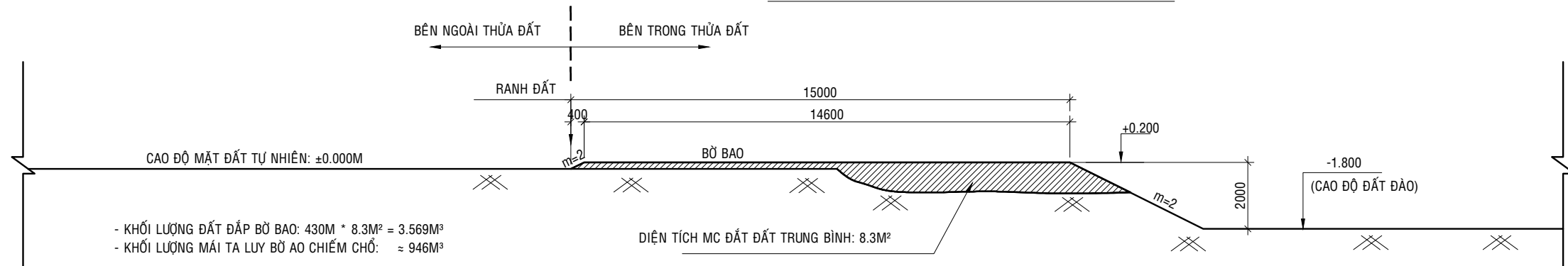
**Võ Tuấn Nhân**

### MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG

### MẶT BẰNG SAU CẢI TẠO



### MẶT CẮT ĐẠI DIỆN ĐÀO - ĐẬP ĐẤT



#### GHI CHÚ:

- DIỆN TÍCH KHU ĐẤT: 18.772M<sup>2</sup>
- TỔNG KHỐI LƯỢNG ĐẤT ĐÀO: 12.500M<sup>3</sup>
- KHỐI LƯỢNG ĐẤT ĐẬP BỜ BAO: 3.569M<sup>3</sup>
- KHỐI LƯỢNG ĐẤT TALUY BỜ AO: 946M<sup>3</sup>
- KHỐI LƯỢNG ĐẤT DỎI DƯ: 7.985M<sup>3</sup>
- CHIỀU DÀI ĐẬP BỜ BAO: 430M

- KHỐI LƯỢNG ĐẤT ĐẬP BỜ BAO: 430M \* 8.3M<sup>2</sup> = 3.569M<sup>3</sup>
- KHỐI LƯỢNG MÁI TA LUY BỜ AO CHIẾM CHỖ: ≈ 946M<sup>3</sup>

